

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ



SỐ 42 — THÁNG 7 NĂM 1989

VĂN HỌC
TRONG SỐ NÀY:

* Trần Vũ: Ngôi nhà sau lưng văn miếu, truyện ngắn trang 1 * Mai Thảo: Em đã hoang đường từ cổ đại, thơ trang 13 * Nguyễn Mộng Giác: Lời cuối cho một bộ trường thiên trang 14 * Hồ Đình Nghiêm: Gạch nối, truyện ngắn trang 25 * Lê Bi: Sử mai, thơ trang 36 * Nguyễn thị Hoàng Bắc: Mây lạc, truyện trang 41 * Chân Phương: Ứng khẩu giữa nhà bếp và phòng ngủ, thơ trang 56 * Nguyễn Mạnh Trinh: Mùa hè đỏ lửa Phan Nhật Nam, thơ trang 57 * Ngu Yên: Du phiếm, thơ trang 59 * Diệu Tân: Hóa thân, thơ trang 61 * Thụy Khuê: Kiệt Tán, từ Nụ Cười Tre Trúc đến Thương Nàng Bảy Nhiêu, điểm sách trang 63 * Ngô Nguyên Dũng: Nhạc chuông trong thời băng phiến, truyện ngắn trang 71 * Lê Hoàng Minh: Cái quyền thư tử, truyện ngắn trang 80 * Nguyễn Xuân Thu: Giảng dạy và nghiên cứu Việt học ở Úc châu, trang 93 * Thế Uyên: Hai mươi năm sau, trang 101 * Phạm Quốc Bảo: Mùa hè tới, ở đâu có tranh đấu dân chủ tự do? trang 106 * Đỗ Kh.: Nói chuyện với Nguyễn Xuân Hoàng về cuốn Sa Mạc, trang 112

CHỦ NHIỆM: NGUYỄN VINH HIỂN
CHỦ BÚT: NGUYỄN MỘNG GIÁC
TỔNG THƯ KÝ: HOÀNG KHỞI PHONG
QUẢN LÝ TRỊ SỰ: VÕ THẮNG TIẾT

BAN CHỦ BIÊN: Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập, Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong, Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân, Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến, Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tán, Võ Thắng Tiết

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45831912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
5/25 George Street, Yagoona New South Wale 2199 Australia

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
10104 Wesminster Ave, Garden Grove, CA 92643, USA
Phone: (714) 832.844

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

Trần Vũ

NGÔI NHÀ SAU LƯNG VĂN MIẾU

Lời tòa soạn: Văn Học trân trọng giới thiệu truyện ngắn đặc sắc sau đây của một cây bút trẻ ở Pháp: anh Trần Vũ. Truyện ngắn của Trần Vũ có một bút pháp hết sức đặc biệt. Anh đã thử bút bằng con đường khó: đào sâu những ẩn ức nội tâm trong khi vẫn giữ một lối viết nhẹ nhàng giàu tính tượng trưng. Văn Học tin tưởng Trần Vũ sẽ tiếp tục viết được nhiều truyện ngắn độc đáo như truyện “Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu” để Văn Học được hân hạnh gửi tới bạn đọc nhiều tác phẩm mới của anh.

Văn Học

Tôi trở về ngôi nhà của gia đình sau hơn hai mươi năm xa cách. Ngôi nhà chừng như không thay đổi mấy ở mặt tiền. Vẫn ba gian tường quét vôi trắng, điểm một vài khung cửa khếp hờ, một chái bếp ở hiên sau và mảnh sân con vuông vức nơi lối ra vào. Dấu tích của thời gian chỉ ẩn hiện lờ mờ từng đốm ở trên vách tường vôi cũ, đã ngả màu cháo lòng và loang lổ đây đó như những vết mụn nhọt thâm sâu. Ngôi nhà vẫn giữ được màu ngói đỏ mà Thầy tôi thuê người thợ trước ngày Nhật chiếm Đông Dương. Vẫn còn y nguyên một mảnh ngói mẻ nằm ở hàng ngói thứ mười từ máng xối đếm lên. Cả lớp rêu xanh rì bám vào bờ tường chạy viền theo bên hông nhà ra đến chân hàng giậu hoa dâm bụt nơi Thầy tôi đang đứng.

– Kia, cái Nụ về đấy à? Đi đâu mãi thế? Đến gần Thầy xem, mắt Thầy lòa rồi không nom rõ...

Lòng tôi vụt xốn xang, bồi hồi. Cái thời khắc hồi hộp chờ đợi gặp

2 - Văn Học số 42

lại người thân sau bao chia cách. Tôi lóng cọng đặt xác hành lý, hấp tấp bước như chạy vào trong sân. Tôi muốn ôm choàng lấy thân thể mảnh dẻ của Thầy, nói cho người hiểu rằng tôi luôn luôn thương kính người. Nhưng ở lúc tôi xúc động nhất, Thầy tôi bình thản tự nhiên ngồi xuống tấm phản gỗ kê ở gần bên. Hai cánh tay vốn yếu của người chậm chạp lần tìm mẫu vải nhung nâu, mà từ ngày khôn lớn tôi chưa bao giờ thấy người rời ra. Người cong cánh tay xanh mướt, khẽ đỡ cặp kính thuốc xuống lau chùi. Cặp mắt Thầy tôi bỗng đại hấn đi khi người tháo được đôi kính. Người ngồi yên như thế ở tấm phản trước mặt tôi, tia nhìn ngây thơ như một đứa trẻ, ngây đại như là người không còn trông thấy gì, kể cả tôi. Như thể cái con người vừa vồn vã chào mừng tôi trở về nhà tức thời, không phải là thầy. Thầy tôi ngồi ngơ ngác trong sân, chìm đắm vào một thế giới mà chỉ mình người biết. Người không thấy cả hòn non bộ quý mà người đã đặt mua tận bên Tàu, bây giờ vẫn còn đây, đã cạn nước nằm trơ trên phơi xác nơi cuối vườn.

Thầy tôi im lặng, lâu lâu cúi xuống mài miết với mẫu vải nhung sồn cũ, những đường chỉ sợi viền vàng thêu tên họ chữ lót của người đã tạ tơi, như mảnh di vật của một thời phú túc. Người mân mê lau chùi hai tròng kiếng dày trầy trụa, không còn nghe thấy bất cứ một âm thanh hay thứ tiếng động nào khác.

Tôi không rõ Thầy tôi lòa và yếu thần kinh đến độ mức nào, song cái hình ảnh thực tế đầy đủ từng đường nét, chi tiết cảnh Thầy ngồi thần thờ hàng giờ tần mẩn sờ mó mây mù gọng kính thuốc cong queo, tỉ mỉ xếp gấp cái khăn nhung cấu bản và nâng niu cây gậy chống kiểu Tây thuở xưa, cái hình ảnh bệ rạc suy nhược đó rằng cái Nụ – như người thường gọi tôi bằng cái tên tấm bé – đã ra khỏi cuộc đời người từ lâu lắm rồi.

Lúc tôi theo Mẹ tôi bước vào nhà, Cố đang nằm trên sập gụ. Vẫn tủ chè Tàu kê nơi góc, vẫn bàn thờ gia tiên với một nén hương sắp tàn, và mùi hương trầm phảng phất trong không khí tịch mịch yên lặng vây lấy sập gụ. Cố vẫn nằm đó, thêm thiếp, khô khè, như chưa hề dời đi đâu hai mươi năm nay. Mẹ tôi mở hé một tấm phen liếp cho ánh sáng rọi chiếu thêm vào gian buồng. Nghe tiếng động, thân hình Cố bỗng lúc lắc, cái đầu hình sọ rung rung muốn xoay lại. Cố cũng bị yếu thần kinh, nhưng khác với Thầy là Cố không lòa. Bàn chân tôi đột ngột chôn xuống nền đất đã gỡ mất phần gạch lát nơi ngạch cửa, vì trời ơi – đôi mắt Cố mới tóe lửa dữ dội làm sao khi Cố xoay được đầu đắm đắm nhìn trừng về hướng tôi. Cố giương cặp mắt lớn quá khổ trên khuôn mặt

xòm khô nhão nhoẹt. Đôi con người muốn vỡ ra ở hai hố mắt đầy tròng trắng, lẫn lẫn lia lia tia nhiều gân máu. Ánh mắt nhìn trắng dã mà hai mươi năm nay tôi trốn tránh, lúc này hiển hiện phùng phùng lửa giận trong gian nhà. Cố bị bán thân bất toại nên hai chân và nửa người dưới bất động, song nửa người trên với mười ngón tay co giật cào cào, chụp bắt liên hồi vào chiếu giường như muốn dựng dậy cái xác thân đã tàn phế. Một chuỗi âm thanh không rõ tiếng, líu ríu thoát ra từ lỗ miệng móm méo. Mợ tôi đè mạnh Cố nằm xuống, đắp thêm chăn cho người. Bà vuốt vuốt vàng trán nhăn nheo của cái thân xác còn đang co giật như bị động kinh, thì thầm à ơi như ru con. Đứng ở bậc cửa, tôi thu tiếp trọn vẹn vùng ánh sáng của nắng vàng hoe loe từ phen cửa, lơ mờ lớp bụi giăng giăng theo từng chớp. Mợ tôi phe phẩy quạt mây. Bà đắp đắp khăn ướt đắp lên mặt Cố, chăm sóc cho cụ bằng những động tác nhẩn nại đến điên người. Không gian đặc quánh quanh cái sập gụ của Cố bằng gỗ cấm lai. Thời gian ngừng hẳn ở bát nước với Mợ tôi đút từng thìa nhỏ vào giữa cặp môi nhăn nhúm. Phải lâu lắm Cố mới húp hết bát nước vôi. Chờ đến khi Cố nằm yên thiu thiu ngủ, bà mới đứng lên.

– Chị đừng chọc Cố, để yên cho cụ ngủ. Cụ bị liệt không đi đứng được nên thường hay lên cơn uất. Thôi chị vào buồng trong thay áo, để tôi làm việc. Ty nữa họ hàng có ghé, tôi sẽ bảo chị ra chào.

Mợ chỉ chuyện trò với tôi ngắn ấy. Không có đến một lời thăm hỏi. Hai mươi năm mà bà không hề thay đổi. Vẫn ngắn ấy đáng vẻ, từng ấy cử chỉ cứng rắn cùng lời nói không khi nào biểu lộ tình thương. Giống Thầy tôi, bà không mấy vồn vã khi hay tin tôi về thăm nhà. Tôi rờ hành lý, lẳng lặng đem cất vào buồng trong, và cẩn thận tránh đi ngang giường cụ Cố. Buổi chiều, con đường Quan Thánh lặng lẽ như tờ. Một vài phiến lá bay rơi lao xao, xào xạc, vô hồn...

*

* *

Đêm đầu tiên ở trong ngôi nhà mình đã sống qua thời hoa niên cách đây hai mươi năm tôi không sao chợp mắt được. Tôi thao thức hết nhìn gian buồng nhỏ đơn sơ, một kệ tủ đóng bụi mờ, một cánh rèm cửa phập phồng tung bay lên xuống ở đầu nằm, rồi lại nhìn ngắm hàng cây trầu bà giống ngoài ô cửa sổ trông ra phía Văn Miếu. Tâm thần tôi cũng phập phồng kỳ lạ, nửa tỉnh táo nghe tiếng ngáy khò khè của Cố ở buồng bên, nửa đuối vào vùng tâm thức của cảnh trí cũ. Tiếng gió đưa những chiếc lá bàng khua rì rạc trên mặt đường như tiếng cánh

4 - Văn Học số 42

cửa tâm linh ở trong tôi chợt mở, chợt khép kéo kẹt lẫn lữa dằng co với thực tại và quá khứ. Gian buồng tôi ở giữa, hai bên là buồng của Thầy Mợ tôi và cụ Cố. Tôi như bị vây lấy bởi tiếng thờ đều đều của những người thân thuộc. Nửa đêm có tiếng mở cửa Thầy tôi mê sảng từng chập rồi tắt lịm vào bóng trắng đông đưa chơi vơi giữa hai tàu lá. Không gian lại chìm vào trong cái khuya khoắt của đêm Hà Nội u trầm tịch lặng. Không phải cái yên lặng thanh bình của Hà Nội thời tiền chiến, mà là cái không khí trừ tịch, cô quạnh vắng vẻ, đìu hiu của vũ trụ đã có từ ngàn năm trước. Có một thoáng tôi lơ mơ tưởng mình trông thấy những bóng người di khuya về ngang Văn Miếu, tưởng nghe được tiếng chuyện trò của họ lúc rõ lúc âm. Tôi rùng mình đến mấy lần vì vẻ lạnh lẽo, toát ra từ ánh trắng tròn mọc cao vút. Đúng lúc đó tôi nghe được rõ ràng những tiếng động sệt sệt sau gian bếp.

Tôi gặp Nhài lần đầu tiên buổi tối ấy. Lúc tôi xuống bếp, Nhài đang vùn những bao than lớn mở trút vào bồ. Thử tiếng động nặng sệt sệt mà tôi nghe khi nãy, là tiếng động của mấy bao tải than mà Nhài kéo lê từ sân sau vào bếp. Nhài còn trẻ lắm, chỉ vào độ đôi tám. Trông thấy tôi, Nhài nở nụ cười cầu thân, tươi cười như thể tôi và Nhài đã quen biết nhau từ trước. Song, ở dáng vẻ tự nhiên không kiêu cạo, vừa rở than vừa mời tôi bát nước vối, vừa kể chuyện của Nhài làm tôi có cảm tình với Nhài ngay. Chái bếp khuya, tù mù khói bay tỏa bốc từ đám than hồng Nhài vừa nhóm để nấu xôi. Hai cánh tay Nhài thoăn thoắt, khều tro lửa, giở nắp nồi xem xôi, tước củi nhỏ, sàng gạo ấn cho vào lu, vừa sửa lại búi tóc mỗi khi trễ xuống gáy. Nhài không đẹp lắm, không có nét thanh lịch của thiếu nữ Hà Nội, đôi bàn tay hơi thô vì làm việc nặng, ngực vú đầy căng so với lứa tuổi dậy thì. Nhưng bù lại Nhài có khuôn mặt duyên dáng, nụ cười tươi hàm tiếu, ánh mắt sắc lẹm đưa tình và thân hình đầy đặn. Nhài còn có giọng nói truyền cảm, dù có hơi sắc ở những thanh cao.

– Có chị làm bạn, em mừng quá. Cả ngày giờ đứt mưa nắng, tối về quần quật sau chái bếp, em đến mà chết mất!

– Nhài đi đâu cả ngày, mình về nhà từ giấc trưa mà không gặp?

– Ra chợ Đồng Xuân chứ đi đâu! Đáng nhẽ đã về sớm kia, tại cái nhà anh Đoàn dở dẩn!

– Chắc Nhài thích đi chơi lắm nhỉ? Có hay bát phố ở hàng Đào không?

– Ấy, đi gánh than ấy chứ! Chơi gì!

Nhài bấu môi trả lời, hai bắp tay vẫn thoăn thoắt xúc than cho vào

bồ. Búi tóc con gái dong đưa từng chập mỗi lúc Nhài xoay mình với cái này, lấy cái nọ. Nhìn những bao tải than trong lúc ở Hà Nội “gạo châu, củi quế”, tôi mừng cho Thầy Mợ tôi hãy còn phong lưu khá giả, chưa đến nỗi phải đun củi như nhiều gia đình khác.

– Sao mua được than nhiều thế? Minh tưởng ngoài này hiếm lắm chứ?

Nghe tôi hỏi, Nhài quay lại ngó chăm chăm vào mặt tôi rất ngạc nhiên.

– Than đá ấy à?

– Ừ, chứ không phải mua theo phiếu ở cửa hàng cung cấp chất đốt à?

– Tem phiếu gì, ngoài chợ ấy ra mua mà vác về! Tháng nào mà em chẳng đi gánh về cho Mợ.

Nói rồi Nhài vui vẻ đi ngấm nếp, bảo để thổi cơm rượi ngày mai cho Cố. Nhài về ở với Thầy Mợ tôi mười mấy năm rồi. Giọng kể của Nhài đều đều gần như độc thoại.

– Bố đẻ em mất sớm, Bu em lấy chồng khác. Thầy Mợ nhận em về làm con nuôi vì khi ấy chị vào Nam rồi nhà cửa cô quạnh quá.

Ngồi sau lưng Nhài, tôi trông rõ những giọt mồ hôi ẩm lấm tẩm bám vào ngấn cổ trắng ngần của Nhài, rồi chảy lặn xuống lưng áo. Hơi nóng tỏa ở ngọn lửa than làm cho chái bếp nóng rực. Làn vải nội hóa mỏng dán sát vào da thịt Nhài phô bày một tấm lưng chắc khỏe. Lâu lâu Nhài lơ tay việc, quay lại nhìn tôi cười khoe hàm răng hột bắp nhỏ đều. Thỉnh thoảng Nhài vuốt lại lọn tóc kẹp không kỹ, buông lỏng lơ trước trán. Đêm trong ngôi nhà sau lưng Văn Miếu khuya vắng, tịch mịch, chỉ có tiếng lửa than tịch tạch từng lúc, và tiếng kể chuyện của Nhài thì thâm đôi lúc lạnh lạnh lên giọng. Nhài kể về ngôi nhà nhiều khí âm của Thầy Mợ tôi, về những cơn điên loạn bất chợt của cụ Cố, về bệnh dăng trí mất hồn của Thầy, và về tánh tình mỗi ngày một lạnh dạm của Mợ. Nhài cũng nhắc về Đoàn, gã thanh niên đeo đuổi Nhài, thường hay tìm cớ đụng chạm vào tay chân, ngực Nhài.

– Mà lạ lắm chị Nụ, em cũng thích để cho cái nhà anh Đoàn rờ rẫm...

Khi nói câu ấy Nhài tránh nhìn mắt tôi, mặt hơi nghiêng về bếp lửa. Những ngọn lửa than hồng cháy rạo rực trong mắt Nhài lúc đó. Mười ngón tay Nhài mậm mê đôi đũa bếp, di di trên mặt đất phẳng phiu vẽ những hình vật vô hình. Hai chúng tôi chuyện trò khuya lắm, đến khi Nhài làm xong hết việc, cả hai mới trở lên nhà. Căn buồng của

tôi cũng là buồng của Nhài. Lúc thối tắt ngọn đèn dầu tờ mờ, Nhài cười khúc khích tỏ ý muốn ngủ chung với tôi. Gian buồng chỉ có một chiếc giường tre mỏng manh, tôi lại không nỡ để Nhài nằm đất, dầu sao đây cũng là buồng của Nhài từ sau khi tôi bỏ nhà đi. Trong giấc ngủ đầy đặc bóng mây đen của quá khứ, tôi mơ màng tưởng một bàn tay Nhài luồn vào trong áo mình, từng làn hơi thở của Nhài phả vào cổ tôi. Những cơn trần trở khiến thân thể của Nhài chạm vào mặt, vào ngực, vào bụng tôi, và tiếng phen cửa kéo kẹt cùng ánh bạch lập thấp suốt đêm bên buồng cụ Cố.

*

* *

Khi tôi tỉnh giấc, phen cửa đã thôi kéo kẹt. Ánh bạch lập cũng đã tắt. Chỉ có tiếng một vòng bánh xe đạp mết nhọc, đang rướn mình trên con dốc trước nhà. Tiếng động phọc phạch của một túi đồ nào đó buộc không kỹ trên yên xe, len lỏi được vào nhà, không đủ phá tan bầu không khí vây trùm yên lặng. Khung cửa sổ hăm hấp nắng trưa, rọi vào chỗ nằm làm tôi nặng đầu vầng vất. Nhài đã ra khỏi buồng từ khi nào. Bộ áo cánh hời dêm Nhài mặc, treo ở cánh cửa tủ đóng đưa, phát phơ... Tôi nằm bất động trên giường, thân thể nặng nề như vừa qua cơn bóng đè. Mãi tôi mới ngồi dậy được và bước xuống nhà dưới rửa mặt.

Lúc tôi chải đầu xong trở lên nhà trên, Cố vẫn còn nằm thiêm thiếp nơi sập gụ. Tiếng thở khò khè vang lên từng chập, gần như rên rĩ. Thầy tôi đã ra ngồi ngoài sân, nơi tấm phản kê gần chậu hoa dâm bụt. Hai cánh tay người yếu ớt lau chùi tròng kính, như cố gắng tuyệt vọng sau cùng muốn tìm lại sự tỉnh anh cho đôi mắt. Thầy không hề trông thấy tôi. Dưới màu nắng lấp lánh, cảnh tượng của ngày hôm qua hiện ra trở lại, với ngàn ấy cử chỉ động tác của người. Tia mắt người còn nguyên sự ngậy dại, ở đôi môi run rẩy lâu lâu lấp bắp một câu nói tỉnh táo... của cách đây mấy mươi năm về trước.

– Anh Phu đâu rồi? Đánh xe đi rước cụ Phan sang chơi tổ tôm xem nào!

– Không có nhà à? Thôi được rồi cất xe đi...

Cứ như thế, từng lúc bất chợt người to tiếng hầu chuyện một mình, rồi bỗng nhiên ngừng bật rơi vào một vùng yên lặng sâu thẳm. Tôi đứng chôn chân trên bậc tam cấp, chứng kiến hình ảnh tiêu tụy của người cho đến lúc Mẹ tôi từ phiên chợ sớm về. Bà ném cho tôi cái nhìn không mấy yêu thương, lẳng lặng đến bên Thầy lùa mười ngón tay gầy guộc vào trong mái tóc đã bạc trắng của người, sẫm soi nhỏ từng sợi tóc

ngứa. Bà âu yếm vuốt vai Thầy, phúi dăm hạt bụi dính vu vơ trước khi rời ra để vào hẳn nhà trong chăm sóc cho cụ Cố. Tôi vẫn đứng đó, thấy mình thừa thãi, muốn phụ giúp bà nhưng không dám. Có một phiền chán vô hình, kinh khủng giữa tôi và bà, khiến tôi không thể mở lời làm bất cứ điều gì trước khi bà lên tiếng. Cũng như hôm qua, tôi đứng nhìn bà bồng Cố xuống sập gụ, cho đi tiêu đi tiểu, lau mình mấy Cố rồi cho ăn uống. Gần ấy công việc làm xong thì trời đã quá trưa. Mẹ tôi xuống bếp hâm thức ăn, những món mà Nhài đã làm sẵn hồi tối.

– Thầy Mẹ xơi cơm...

– Không dám, mời chị.

Mẹ tôi lạnh lùng cầm đôi đũa, gấp bỏ từng cọng rau muống vào bát của Thầy, chan thêm ít canh cua. Thầy lặng lẽ ăn, ngơ ngác vô hồn như một con đười ươi được tập luyện thuần thục.

Buổi chiều, tôi đi làm giấy cư trú tạm thời trở về thì gặp cô chú tôi đến thăm. Đi cùng với cô chú còn có một vài người quen của Thầy Mẹ tôi, nghe tin tôi về Bắc, đến chào hỏi.

*

* *

Tối ấy, tôi lại mất ngủ. Bao nhiêu tiếng động, hình ảnh của đêm qua trở về trên cái nếp màn cửa rung hờ, thả ánh trắng soi chập chờn lên trần nhà mờ đục. Tôi nằm im thao thức nghe tiếng mở cửa Thầy tôi mê sảng, hòa điệu vào tiếng thở khò khè của cụ Cố chỉ còn là một thân xác gần kề miệng lỗ. Đến khi nghe tiếng lục đục quen thuộc ở gian bếp, tôi trở dậy bước xuống nhà dưới thì gặp Nhài.

– Đi đâu cả ngày nay không về?

– Ra chợ, buôn cau cho Mẹ, rồi lên ga hàng Cỏ đón người quen.

– Ai thế?

– Nhà anh Phú chứ ai vào! Gớm cái nhà anh này mới từ miền cao về đã tấy máy...!

– Đây, quen ai mà ở tận miền cao?

– Không, trước anh Phú ở Hà Nội, phố hàng Buồm ấy chứ! Nhưng từ hồi anh ấy vào khu, họ bắt đi công tác ở miền cao.

– Mấy chục năm rồi mà vẫn vậy cơ à?

Tôi ngạc nhiên hỏi Nhài, không ngờ từ ngày kháng chiến đánh Tây đến bây giờ ở ngoài này vẫn không thay đổi mấy. Nhưng điều lạ lùng là Nhài ngạc nhiên còn hơn cả tôi. Nhài tròn xoe mắt nhìn tôi không hiểu.

– Làm gì mà mấy mươi năm, chỉ mới gần đây thôi mà.

Nhài trả lời rồi không chú ý đến câu chuyện nữa, trút cau từ trong thúng ra đất, lựa năm trái một buộc túm vào nhau. Tôi phụ Nhài xếp xếp những lá trầu và rở vôi tán mỏng gọi lại từng túm nhỏ. Nhài bảo để mai gánh ra chợ bán.

– Này, gặp Phú nói chuyện gì mà lăm thế, mãi giờ này mới về. Kể mình nghe xem nào?

Vừa nghe tôi hỏi, Nhài đỏ mặt, cả hai đôi má ửng hồng và vụt lỉnh quỳnh. Nhài như muốn lãng chuyện bằng cách cho thêm than vào bếp lửa đun nước sôi. Tối nay Nhài thắt bím, hai bím tóc lỏng lơ đùa giỡn trước ngọn lửa bếp. Nhài quỳ gối làm việc, nhưng rồi không giữ được tâm tình mình, Nhài tâm sự bằng giọng Bắc quê hơi đồng đánh pha tiếng cười khúc khích.

– Chị Nụ! Chị đừng khai với Thầy Mợ nhé, em có người yêu rồi! Nhài ngừng một chút, đôi mắt long lanh rồi tiếp.

– Không phải cái anh nhà Đoàn đâu, ầm ố dờ dẩn lăm. Phú đấy! Hồi chiều chúng em gửi gánh rau ở nhà ga, đi bát phố. Phú thuê xe kéo đưa em đi dạo hồ Tây thích quá chị Nụ ạ. Mà này chị Nụ, sao đàn ông con giai họ hay thích nắm tay, vuốt lưng mình thế chị Nụ nhỉ?

– Chỉ nắm tay thôi mà mãi tối mịt mới về cơ à?

Tôi hỏi lại Nhài, chỉ để đùa chơi. Nào ngờ vẻ mặt Nhài thay đổi, nghiêm trọng hẳn. Đôi má Nhài thêm đỏ hây hây ngọn lửa than.

– Chị Nụ! Chị đã hôn ai chưa?

Nhài nhìn sững mặt tôi không chớp mắt. Lúc đó tôi mới biết cuộc tình đối với Nhài trầm trọng hơn tôi tưởng, vì là mối tình đầu. Nhài ngó tôi bằng cặp mắt dè sợ của một thiếu nữ sẵn sàng chết sống vì tình. Cái cõi sống cũng như chết mà Nhài dám tiến đến vì đã trao thân cho Phú.

Cánh cửa gian bếp bỗng xịch mở. Một bóng người đàn ông lao vào, giọng khản đục hét quá to trở thành chuỗi âm thanh vỡ rìn rịt.

– Mày đi đâu cả ngày giờ hôm nay, con khốn nạn?! Mày theo giai đấy phỏng?!

Thầy tôi bất ngờ xuất hiện, tát trái vào giữa mặt Nhài. Cây gậy chống kiếu Tây mà người nâng niu thường khi quất vùn vụt xuống người Nhài vừa ngã chúi xuống nền đất. Diễn biến nhanh đến nỗi tôi không kịp có phản ứng, và Nhài thì nằm co quắp giữa gian bếp chịu trận. Hai cánh tay, Thầy tôi mới ban sáng còn yếu ớt, bây giờ mạnh mẽ khác thường, lên xuống vùn vụt quất tới tấp vào người Nhài.

– Ối, con lậy Thầy!

– Con khốn nạn, con đĩ rạc! Mày muốn làm nhục tao hay sao mà

còn gọi tao bằng Thầy!

– Ôi, Thầy ơi! Con van Thầy, trăm lạy Thầy!!

Thầy tôi như không nghe thấy tiếng kêu van của Nhài, người lồng lên vun vút cây gậy không ngừng tay vào người Nhài. Tôi thu rút người trong góc bếp, tê cứng rũ liệt vì sợ hãi. Tôi muốn lặn vào chịu đòn thay cho Nhài, muốn can Thầy tôi ra, nhưng chân tay dính chặt vào mặt đất. Trong đầu tôi có cái ý nghĩ kỳ lạ là Thầy tôi mạnh kinh khủng, khác thường ngày nhiều lắm và Thầy dường như không để ý nhận thấy sự có mặt của tôi nơi xó bếp. Phải, đêm đó Thầy tôi mạnh lắm, đầu tôi có xông vào cũng không ngăn nổi người. Hai cánh tay người tiếp tục quất xối xả xuống tấm thân bầm dập tóa máu của Nhài, và tôi như một kẻ vô hình co rút trong góc bếp chứng kiến một cảnh tượng ghê gớm mà không thể can thiệp. Thầy tôi đêm ấy không đeo kính, nhưng đôi mắt người không có vẻ điên dại, chỉ đỏ ngầu vì tức giận. Đến khi người bỏ lên nhà trên rồi thì Nhài hãy còn nằm co quắp, run lấy bầy. Tôi ôm cứng lấy Nhài và cùng khóc thút thít theo từng tiếng khóc uất nghẹn của Nhài.

Sau đó tôi đỡ Nhài dậy, dìu lên buồng, thay quần áo cho Nhài. Hai chúng tôi ôm nhau ngủ trên chiếc giường nan tre của Nhài, mà cũng là chiếc giường của tôi ngày xưa. Nhài khóc tãt tức suốt đêm, tiếng khóc ứa ra từ những vết thương bật máu. “Em chết mất chị Nụ ơi... đừng bỏ em, Phú ơi, anh ơi...”. Tiếng khóc tãt tức của Nhài nhỏ dần, nhưng thân thể lẫn roi vẫn oằn oại, dẫy dụa. Tôi thiếp vào giấc ngủ rã rời, bải hoải cùng với tấm thân thương tích đó. Hình như tôi đã mê đi với những vết roi lẫn đỏ, bầm tím, ăn sâu vào lưng Nhài. Tôi đã ôm cứng lấy thân thể Nhài để tưởng là thân mình biết đau đớn. Đôi tay tôi hay đôi tay Nhài lẫn xoa nắn làm dịu vết đau của cả hai. Tôi chỉ nhớ trong trạng thái nửa thức nửa mê, đã ôm vòng lấy trọn vẹn và chạm vào từng vết roi trên da thịt Nhài hâm hấp nóng.

*

* *

Tôi thức giấc, tãt chẵn đay hắt trể dưới dùi, phô bày một thân thể Nhài say ngủ mê man gần như chết rồi. Trong giây phút thức giấc đầu tiên, ý nghĩ đến với tôi trước tiên là Nhài chỉ là một hình ảnh bất động, được ghi nhận ăn sâu vào tiềm thức và còn ở lại trên mặt giường. Nhưng Nhài vẫn nằm ở đó, cạnh tôi, say ngủ bần bật. Đôi mắt Nhài khép hờ, bộ ngực rướn lên theo làn hơi thở và đầu gối khẽ co về trước bụng. Phải mất nhiều phút tôi mới bình tâm và nhớ lại tất cả những gì

đã xảy ra. Tôi bước ra gian buồng khách, đang chìm mờ trong thứ ánh sáng ngày xao xác. Ngôi nhà vẫn chìm trong cái không gian thênh vắng, tẻ lạng, không một tiếng động mạnh và không có lấy một chút sinh khí. Tôi muốn nói chuyện với Mẹ tôi về Nhài, muốn nói với bà rằng Nhài đã lớn và tình trạng này không thể kéo dài. Tôi cũng muốn hỏi Mẹ tôi về thái độ kỳ quặc khác thường của Thầy đêm qua, nhưng ngôi nhà hoàn toàn im vắng. Mẹ tôi đã đi đâu mất biệt từ sớm, chỉ còn Cố nằm chờ chết nơi sập gụ. Thầy tôi thì vẫn ngồi ở ngoài sân mân mê gọng kính thuốc, như thể cái người đàn ông hung dữ đánh đập Nhài đêm qua không phải là người. Cố vẫn thở khò khè và Thầy tôi chốc chốc lại ném vào nhà tia nhìn ngây dại vô hồn của người. Tôi tự hỏi làm sao Mẹ tôi có thể sống trong ngôi nhà này với hai người đàn ông điên loạn bất bình thường. Một nặng một nhẹ, một tàn phế thể xác một tàn phế trí tuệ. Tôi đến thấp nén nhang đầu tiên từ khi về Hà Nội, trên bàn thờ tổ. Những bức hình của Nội, của Cố bà, của tất cả những người đã chết trong gia tộc nhìn tôi chằm chằm. Tôi chỉ giật mình thoát ra khỏi những tia nhìn rờn rợn ấy khi nghe tiếng gọi của Nhài.

– Chị Nụ ơi, em quyết định thoát ly thôi...

Nhài thập thò ở cửa gian buồng khách, cầm nơi tay một bọc gói nhỏ. Bước chân Nhài chần chừ chưa dám bước qua chỗ cụ Cố. Nhài nhìn tôi bằng ánh mắt van lơn sầu héo.

– Em đi chị Nụ ạ, ở đây Thầy đánh em chết mất. Chị lạy Thầy Mẹ hộ em, chị Nụ... Em đợi ơn Nụ...

Nhài vùng vằng gỡ tay tôi, sau tiếng nấc xăm xăm tiến ra cửa. Ánh sáng ngày đón Nhài ở bàn thờ tổ, men dần trên nền lát đá hoa và dừng lại ở chỗ cụ Cố. Vì khi ấy – trời ơi khi ấy, Cố bật dậy từ sập gụ hai tay bấu vào người Nhài. Đôi tròng mắt trắng dã trong hai hố mắt đỏ lẩn tẩn tia máu hôm nào tôi về nhà phóng thẳng giữ rịt lấy người Nhài. Chuối âm thanh líu ríu, gậy vụn từng mảnh the the vây lấy Nhài. Cả nửa thân hình trên của Cố ngồi dựng dậy như muốn đứng thẳng người, trong lúc mười lóng tay dài cào cấu vào mặt Nhài. Cái cảnh tượng khủng khiếp đó đóng đinh tôi tại chỗ. Tôi cảm giác rõ ràng như đêm qua rằng mình ở ngoài cảnh tượng ấy, không thể can thiệp, không thể đến gần dang lấy Nhài trong tay Cố. Rõ ràng là Nhài và Cố ở gần tôi nhưng rất xa, diễn biến trước mắt nhưng tôi bất lực không thể ngăn cản. Thầy tôi bước vào đúng lúc ấy. Tôi nghe mình gọi tên người, van xin người giúp đỡ. Nhưng như tối hôm qua Thầy tôi hoàn toàn không trông thấy tôi, hơi cây gậy chống quất tới tấp, xối xả vào mặt mũi lưng

mình Nhài. Họ chỉ ngưng tay khi Nhài đã ngất lịm trên mặt đất. Vẫn tôi là người bông ảm Nhài vào buồng trong. Vẫn tôi là người lấy khăn ướt lau mặt cho Nhài và dỗ dành an ủi, khóc với Nhài.

*

* *

Những ngày sau đó Nhài bị nhốt trong buồng không được phép ra ngoài. Giữa những cơn khóc lóc vật vã, Nhài tỉnh táo nói bằng cặp mắt đầy căm phẫn oán hận.

– Nụ ơi, em không thể sống xa Phú. Rồi em sẽ trả thù! Cướp chính quyền rồi chúng nó sẽ biết! Phú sẽ không tha đứa nào!

Những lúc ấy tôi cảm tưởng rằng Nhài đã điên loạn. Bị đánh nhiều quá, Nhài đã mất đi sự sáng suốt của một người bình thường.

– Nhài ngủ đi, đừng nói nhảm. Cá không ăn muối cá ươn. Thầy Cố có thương mới đánh.

– Thương gì! Chúng xem em như con ở nhà này. Để rồi Nụ xem, cướp chính quyền nay mai thôi!

– Cướp gì? Chính quyền nào? Nhài lại lắm nhảm nữa rồi. Con gái lớn thì phải lo việc nhà, có ai xem Nhài là tôi tớ đâu.

– Trời ơi! Cả nước sôi sục dành độc lập mà Nụ không hay! Trời ơi, sao em khờ thế này, cả Nụ cũng không hiểu. Để rồi Nụ xem, em thề với Nụ là em sẽ đấu tố bọn họ đến dở sống dở chết...!

Mắt Nhài long lên, nhìn tôi để sợ lúc ấy. Sự hận thù của đứa con gái mới biết yêu lần đầu bị tước đoạt tình yêu và nhục dục sinh lý. Nhưng Nhài cũng không gào la, phẫn nộ được lâu. Thầy tôi thường xuất hiện ở ngưỡng cửa với cây gậy chống vụt xối xả vào người Nhài. Nhiều lúc Cố cũng bước vào phòng tiếp tay Thầy đánh phạt Nhài. Những khi đó, Cố không có vẻ gì là bán thân bất toại, lắm bầm chửi rửa bằng thứ ngôn ngữ của cách đây ba mươi năm về trước. Cả Thầy và Cố đều tảng lờ không công nhận sự hiện diện của tôi bên Nhài. Cả hai tỉnh táo và bình thường đến độ tôi cảm tưởng là họ giả điên, giả liệt để lừa dối Mẹ tôi. Vì mỗi khi bà có mặt ở nhà, cả hai lại trở về cái tình trạng mất trí, ngây dại và tàn phế thường nhật. Mẹ tôi làm như không hay biết chuyện của Nhài, ra vào làm công chuyện nhà như không có gì xảy ra. Mỗi lần Mẹ tôi có ở nhà là Thầy lại trở ra ngồi ở tấm phản con kê ngoài sân, im lìm mãi mê lau chùi gọng kính. Người thần thờ với nụ cười trẻ thơ vô tội. Và Cố cũng trở thành tấm thân tàn phế, nhào nhoẹt đang tan vữa vì bị thời gian ăn nhấm đến tủy.

Khoảng thời gian trở về sống trong ngôi nhà của gia đình sau lưng

Văn Miếu, tôi cũng trở thành gần như yếu thần kinh, mang bệnh tâm thần, vì phải chứng kiến cuộc đời ẩn ức của Nhài. Nhiều lần tôi muốn bảo Mẹ tôi rằng bà đang bị Thầy và Cố lừa dối, song cái ý chí muốn nói lên sự thật của tôi luôn bị ánh mắt lạnh như băng của bà chặn lại. Tôi chạm mặt bà luôn với mặc cảm trốn tránh, không làm tròn bổn phận, chưa trả hết nợ cho Nhài. Tuy thế, tôi biết rõ chỉ có mỗi mình bà, người tỉnh trí duy nhất trong ngôi nhà này là có thể cứu vớt được Nhài. Một buổi sáng, thu hết can đảm, lợi dụng lúc Thầy và Cố chưa thức, tôi kể chuyện của Nhài cho Mẹ nghe. Bà ngó tôi dăm dăm khi tôi yêu cầu bà phải thương yêu Nhài, đừng lãnh đạm lạnh nhạt với Nhài nữa. Đôi mắt Mẹ tôi lạnh sắt, chằm bằm đến lạ lùng.

– Chị vào thăm gia đình này như thế đã đủ rồi. Liệu thu xếp mà trở ra ngoài ấy, đừng về đây làm gì nữa!

Bà xua đuổi tôi bất ngờ, không dả động gì đến chuyện của Nhài. Tôi chợt thấy mình run rẩy bám víu vào sợi dây máu mủ tình mẫu tử đang muốn đứt lìa.

– Con lạy Mẹ, cho con về sống với Thầy Mẹ. Anh ấy đã bỏ con rồi, con không biết đi đâu bây giờ. Mẹ cho phép con ở nhà này hầu Thầy Cố. Trăm lạy Mẹ thương con gái Mẹ!

– Tôi không có con gái, nên nhận lầm đứa con nuôi phản phúc! Bộ chị tưởng tôi quên những bất hạnh chị đem đến cho gia đình này à? Tôi làm sao quên chị đã tố khổ gia đình này, đã xui người tra tấn cụ Cố đến tê liệt nửa thân người, đã tra điện chồng tôi đến mất trí?!

Cũng như lần thoát ly đầu tiên, tôi rời Hà Nội có một thân một mình. Phải, tôi chính là con Nhài bỏ nhà trốn theo giai rồi gia nhập Việt Minh trở về cướp chính quyền, đấu tố Thầy và Cố nuôi tôi đến giờ sống dở chết, như lời thề độc sau lần phải đòn vì đi ngủ với Phú. Nhưng Phú cũng đã bỏ rơi tôi sau khi giải phóng miền Nam. Chỉ còn ngôi nhà nằm sau lưng Văn Miếu luôn ở đó, đời đời như một vết nhơ.

Trần Vũ

Mai Thảo

EM ĐÃ HOANG ĐƯỜNG TỪ CỔ ĐẠI

*Con đường thẳng tắp con đường cụt
Đã vậy từ xưa cái nghĩa đường
Phải triệu khúc quanh nghìn ngã rẽ
Mới là tâm cảnh tới mười phương*

*Em đã mười phương từ tuổi nhỏ
Ngân ấy phương anh tới tuổi già
Tuổi ư? Hồn vẫn đầy trăm gió
Thối suốt đêm ngày cõi biếc ta*

*Chê lấy mây và gậy lấy nắng
Chê lấy, dùng vay mượn đất trời
Để khi nhật nguyệt đều xa vắng
Đầu thêm vẫn có ánh trăng soi*

*Em đã hoang đường từ cổ đại
Anh cũng thân tiên tự xuống đời
Đôi ta một lứa đôi tài tử
Ngự mỗi thiên thần ở mỗi ngôi*

*Đừng khóc dấu mưa là nước mắt
Đừng đau dấu đá cũng đau buồn
Tâm em là Bụt tâm anh Phật
Trên mỗi tâm người một nhánh hương*

Mai Thảo

Nguyễn Mộng Giác
LỜI CUỐI
CHO MỘT BỘ TRƯỞNG THIÊN

Phải chờ đến bảy năm bốn tháng, cuối cùng tôi mới viết được ba dòng chữ đơn giản sau đây vào trang bản thảo:

HẾT

Bắt đầu viết ngày 28 – 01 – 1982 tại đảo Kuku, Nam Dương.

Viết xong ngày 02 – 06 – 1989 tại Orange County, Hoa Kỳ.

Hồn tôi ngây ngây như người nhọc nhằn leo núi, lúc lên tới đỉnh chỉ thấy những khối đá tảng xù xì rêu phong, và nhìn trở xuống là một vực thẳm đầy mây. Viết xong bộ trường thiên *Mùa Biển Động* sau hơn bảy năm nhiều đổi thay nhất, tôi không biết mình đang buồn hay đang vui.

Tôi đang ngồi trên chiếc Toyota pick up đậu dưới một tàn cây cao ở công viên El Dorado thành phố Long Beach. Chính trên cái bàn viết di động tiện lợi này, dưới bóng cây công viên xanh mát này, tôi đã viết ba tập cuối cùng của bộ trường thiên. Khu công viên rộng rãi với những cây thông cao và những thảm cỏ xanh giúp tâm hồn tôi bình an để sống trọn với thế giới tiểu thuyết. Công viên thường vắng vẻ vào năm ngày thường trong tuần: bên này, chỗ tôi đậu xe ngồi viết *Mùa Biển Động* là khu bình dân dành cho những người già cả lái xe Van ra đây nằm ngủ, những cặp tình nhân thiếu chỗ hẹn ra đây tình tự, những thanh niên thiếu nữ trẻ đầy sinh lực ra đây chạy bộ, chơi tennis, tập thể thao; bên kia hàng rào lưới là sân golf dành cho dân thượng lưu. Khung cảnh ấy đã nhắc nhở cho tôi nhiều điều. Suốt ba năm nhìn thấy trước mắt bấy nhiêu cảnh vật quen thuộc, tôi khám phá ra rằng ngay những cảnh trí

tưởng là đơn giản êm ả như khu công viên này cũng mang tính chất hàm hồ, phức tạp của đời sống. Cây cối bốn mùa thay đổi quanh tôi. Những cụ già đậu xe bên tôi bật cái tivi nhỏ đen trắng lên cho có hình và tiếng nói, rồi ngủ khi để bất cảm thấy cô đơn. Những học sinh khỏe mạnh hiếu động tập thể thao trước tầm mắt tôi. Những cặp tình nhân khác màu da (thường chàng da đen và nàng da trắng tóc vàng) hôn hít đùa giỡn dưới một rừng thông xanh đàng xa, thì ngay trước mũi xe tôi, trên tấm xi măng lề đường, ai đó dùng sơn xịt hàng chữ NIGGER GO...!

Tôi đã mỉm cười thích thú khi vô tình khám phá ra hàng chữ này. Có thể một cậu nhỏ da trắng nào đó không thích những nàng tóc vàng hôn hít trắng giỡn với những chàng da đen tóc quăn, đã viết những dòng chữ kỳ thị này. Cậu ấn ngón tay trở vào nắp hộp sơn xịt thành chữ NIGGER, rồi chữ GO. Đến khi sắp xịt chữ HOME, cậu mới nhớ ra rằng nếu đuổi những người da đen đi, thì họ đi đâu? Quê hương của những người khác màu da với cậu – những người da đen – cũng là quê hương cậu. Nigger go home! Cậu muốn thế chứ gì? Xin hãy tìm cho ra quê hương rồi hãy hoàn tất lời ước! Mọi là cậu chấp nhận cái thực tại sống chung ở phía bên này, hãy thoải mái tự nhiên tập thể thao bên cạnh những chiếc xe Van của các cụ già hồi hưu, bên cạnh cái ông da vàng trúa nào cũng đậu chiếc pick up ở gốc cây rồi hì hục viết, bên cạnh những cặp tình nhân khác màu da, bên cạnh những kẻ vô gia cư cầm xiềng cầm túi đi nhặt lon nhôm và giấy báo, hai là cậu rần học để nhập vào giới trung lưu yuppie đang chơi golf bên kia.

Công viên lặng lẽ đơn sơ nhưng nhắc nhở cho tôi nhớ rằng những vấn đề của đời sống luôn luôn còn đó, không bao giờ giải quyết trọn vẹn được: có cái ngăn nắp trật tự của những người chơi golf thì cũng có cái phù du bất trắc của dân vô gia cư, có những thanh niên khỏe mạnh thì phải có những cụ già chờ chết, có cái rành mạch hợp lý thì cũng có cái hàm hồ phi lý. Dưới những bóng cây xanh, trên thảm cỏ màu sắc đổi theo mùa, mọi sự tồn tại với tất cả phức tạp và huyền nhiệm. Tôi đã rần hết sức để viết cho thật gần với cuộc sống phức tạp ấy, cuộc sống đầy đủ tốt xấu, bần tiện và cao thượng, hèn nhát và can đảm, yếu đuối và rần rỏi, tuyệt vọng và hy vọng, đam mê và chán chường. Cái tham vọng ngây thơ của tôi ban đầu là làm sao ghi lại tâm tình của thế hệ tôi, thế hệ lớn lên đã bị cuốn vào chiến tranh, rồi cũng bị chiến tranh vùi dập chưa biết cho tới lúc nào. Khi nấn nót viết dòng chữ: *"Bắt đầu viết ngày 28 – 01 – 1982 tại đảo Kuku, Nam Dương"*, tôi hăm hở rộn rã như con chim sổ lồng cứ nghĩ đã ra khỏi tù ngục rồi thì

làm cái gì cũng phải được, bầu trời nào cũng cao và hiên. Tôi quên mất khả năng của tôi có hạn, kinh nghiệm sống không nhiều, kiến thức chỉ là hạt cát trong biển học.

Nhớ lại những ngày hăm hở ban đầu, tôi bây giờ thấy thương cho tôi lúc đó. Trước mặt tôi là cuốn vở học trò tôi đã viết cuốn 1 "*Những Đợt Sóng Ngầm*" của bộ trưởng thiên.

Sau nhiều lần toan tính ra đi thất bại, đến lần thứ năm tôi mới rời khỏi quê hương. Ngày đó không bao giờ tôi quên: 29 – 11 – 1981. Khi chiếc ghe nhỏ đã ra tới ngoài khơi, nhìn vào bờ thấy ngọn hải đăng Vũng Tàu ngày càng xa, lòng tôi quặn thắt, có một phần thân thể và tâm hồn tôi đã chết. Tôi ngồi khóc lặng lẽ, quên cả nỗi sợ chết vì lúc đó sống dữ, chiếc ghe khi bị đưa cao lên đầu ngọn sóng, khi bị đẩy chúi xuống lưng nước sâu. Sau năm ngày sáu đêm trôi trên mặt biển mênh mông, chúng tôi được tàu giàn khoan vớt và đưa vào đảo Kuku Nam Dương ngày 06 – 12 – 1981.

Đây là hòn đảo không người ở chính quyền Nam Dương dùng làm trạm đầu tiếp đón những người Việt vượt biển, trước khi chuyển họ tới trại tị nạn Galang giao cho Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc. Thường thường cứ cách độ hai tuần, chiếc tàu lớn Seasweep từ Galang qua Kuku chở người tị nạn về. Ghe chúng tôi đến đảo vào cuối năm, chiếc Seasweep phải nằm ụ để tu sửa thường niên trong khi thủy thủ đoàn về quê ăn Tết Tây, nên chúng tôi phải ở Kuku hơn hai tháng.

Hai tháng nằm chờ trên hòn đảo cô quạnh và thơ mộng đó, là thời kỳ sáng tác hào hứng và sung sức nhất của đời tôi. Chưa bao giờ tôi viết hăng say như thời gian này. Từ 06 – 12 – 1981 đến 08 – 02 – 1982 ngày rời đảo qua Galang, tôi đã viết được mười sáu truyện ngắn (sau này xuất bản thành tập *Ngựa Nằn Chân Bon* và một phần của tập *Xuôi Dòng*) và tập 1 của bộ *Mùa Biển Động*. Sau bảy năm sống tù túng gò bó không thể viết lên giấy những điều mình nghĩ, tôi say sưa ghi lại những đau thương dồn nén lâu ngày thành truyện. Lúc đó tôi không biết gì về sinh hoạt chữ nghĩa ở hải ngoại. Chúng tôi không được phép viết thư và nhận thư, trên đảo cũng không có sách báo gì, ai nhật được một mảnh báo Straight Times của Singapore thủy thủ đoàn dùng gói đồ vứt lại, là cả đảo xúm lại đọc. Tôi không hề hy vọng những truyện tôi viết sẽ được in ra, phổ biến tới bạn đọc. Tôi viết cho tôi, viết để giải tỏa những uẩn ức như muốn giải quyết cho xong một mối nợ cũ để chuẩn bị gánh những món nợ mới. Điều thích thú bất ngờ là tự nhiên tôi trở thành người giúp vui cho cả đảo. Gần hai trăm người sống thấp

thỏm chờ tàu không có gì đọc, thêm chữ viết, cho nên truyện tôi viết xong là có người mượn đọc liền, đọc xong chuyển hết lần này sang lần khác. Có thể vì vậy mà tôi càng hăng viết. Trại luôn luôn chật chội ồn ào, tôi tìm gỗ lên chỗ dốc rừng đóng một cái bàn, từ sáng tới tối ngồi bên nén nhang trừ muỗi vui buồn với các nhân vật truyện. Để có giấy, tôi phải nhín bớt gạo do Cao Ủy cấp đem đổi những cuốn vở học trò ở cái quán tạp hóa người Nam Dương lập trên đảo. Có lần giấy còn nhưng cây viết Bic đã hết mực, tôi đã làm một điều không lương thiện: tôi giả vờ xem chọn những cây viết Bic ở quán, rồi lén tráo cây viết đã hết mực đổi cây viết mới.

Tôi dài dòng kể lể để bạn đọc thấy tâm trạng hăm hở của tôi lúc bắt đầu viết bộ trường thiên này. Tôi tham lam và ngây thơ đến độ quên tự lượng khả năng mình, liều lĩnh làm chuyện đội đá vá trời. Ngày 28 – 01 – 1982 tôi khởi viết cuốn 1 *Những Đợt Sóng Ngầm*. Ngày 07 – 02 – 1982, trước hôm lên tàu Seasweep qua Galang, tôi viết xong hai trăm trang bản thảo. Mười ngày xong một tập truyện. Tôi hí hửng nghĩ cứ theo cái đà này, chừng một năm là tôi hoàn tất bộ trường thiên. Tôi tự đặt thời gian hoàn tất hơi lâu vì đã bắt đầu thấy khó khăn của việc viết một bộ trường thiên có nhiều tính thời sự.

Trước khi viết, theo kinh nghiệm bốn năm tôi viết bộ trường thiên *Sóng Côn Mùa Lũ* về cuộc đời vua Quang Trung, tôi cũng lập một bảng phổ hệ và lý lịch chi tiết của từng nhân vật chính. Tôi muốn qua cuộc đời thăng trầm của ba gia đình phản ảnh giai đoạn có nhiều thăng trầm bể dâu nhất của người miền Nam, từ lúc chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ cho đến ngày tôi vượt biên. Tôi biết viết về một giai đoạn dài gần hai mươi năm thì phải “quán xuyên” lo lắng cho nhiều nhân vật, nếu không làm kỹ bản lý lịch thì không tránh được chuyện đầu sách nhân vật đó da trắng như tuyết, cuối sách da lại ngăm ngăm đen, trang trước nốt ruồi mọc ở cằm, vài trang sau nó tự tiện đổi chỗ lên nằm ở trán. Cách tốt nhất để tránh những “tai nạn nghề nghiệp” đó, là lấy hình dáng những người mình quen biết làm mẫu. Tôi chỉ lấy hình dáng và một vài chi tiết của đời họ làm mẫu cho dễ viết mà thôi, chứ nếu đem cuộc đời thực của họ so với cuộc đời nhân vật truyện, thì khác nhau xa lắm. Chẳng hạn nhiều người vẫn nghĩ nhân vật Tường của *Mùa Biển Động* là Hoàng Phủ Ngọc Tường. Quả tình tôi có lấy một vài hoạt động của Hoàng Phủ Ngọc Tường thời kỳ tranh đấu Phật giáo hoặc một vài chi tiết khác của cuộc đời anh mà cho vào truyện, nhưng nhân vật Tường của *Mùa Biển Động* không liên quan gì tới nhà văn Hoàng Phủ Ngọc

Tường hiện ở Huế. Những nhân vật khác cũng vậy. Đôi lúc tôi mượn tạm cái mũi của cô bạn gái này, ghép với đôi môi của một người bạn gái khác để sửa sang sắc đẹp cho một nhân vật nữ. Gặp lúc phải tìm tên cho một nhân vật ngoại quốc, tôi “phóng tay” thoải mái hơn. Khi cần tìm tên cho chàng sinh viên thiện chí sau này trở thành chồng của Quỳnh Như, tôi lấy ngay tên ông chủ nhà mỗi tháng tôi phải ký chi phiếu trả tiền thuê. Tên một nhà báo, tôi đặt ngay Newsman cho tiện. Trong cuốn ba, thuật lại trận Tết Mậu Thân cần quá nhiều tên cho quân nhân Mỹ, tôi phải lật niên giám điện thoại ra lựa ẩu vài cái tên cho nó xong đi. Dù là nhân vật chính hay nhân vật phụ, các nhân vật ấy đáng yêu hay đáng ghét, họ đều là sản phẩm tưởng tượng của tôi. Tôi phải nhắc đi nhắc lại điều này, vì biết vô tình tôi đã làm buồn lòng rất nhiều người. Để gắng làm sao cho truyện có vẻ như thực, tôi không thể viết “ở tỉnh X..., vào ngày Y..., chuyện thế này thế này đã xảy ra”. Tôi phải tạm xác định rõ thời gian, không gian và sự kiện. Hậu quả: những người đứng vào lúc đó, ở đó, làm chức vụ đó... cảm thấy bị tôi xúc phạm danh dự. Tôi đã gặp những than phiền hoặc chỉ trích do điều này. Cho nên nếu sau khi hoàn tất bộ truyện tôi không long trọng xác nhận những nhân vật tôi nói tới đều là giả tưởng, thì trước hết tôi đã thiếu sòng phẳng đối với những bạn bè tôi quen, sau đó tôi đã xúc phạm tới danh dự nhiều người. Vài mươi năm nữa, khi những vết thương cũ đã hoàn toàn liền da, khi vinh nhục họa phúc của mấy mươi năm chỉ còn nhẹ như cơn gió thoảng, có lẽ lúc đó nhiều bạn đọc sẽ đọc *Mùa Biển Động* một cách thoải mái hơn. Tôi đã vô tình khơi lại một số kỷ niệm buồn nhiều người muốn quên đi. Lúc khởi viết, tôi đã quên mất điều này.

Do hăm hở tôi cũng đã quên mất một điều quan trọng khác: là cái khó khăn khi viết về những người tâm thương. Từ 1977 đến 1981 viết bộ trường thiên *Sóng Côn Mùa Lũ* về cuộc đời Nguyễn Huệ, tôi không gặp cái khó đó. Cuộc đời người anh hùng áo vải Tây Sơn vốn đã đầy những kỳ tích, viết về ông tôi lại có cái kiêu hãnh rất trẻ con là nơi chốn quê hương tôi cũng là quê hương Nguyễn Huệ, hai làng chỉ cách nhau một dòng sông thì hương thơm của hai trăm năm trước tôi còn được chút hơi hướm. Năm chèo áo bào của bậc anh hùng mà viết, tôi yên tâm. Nhưng viết về những con người tâm thương như chính tôi, viết làm sao đây? Cuộc đời họ, cuộc đời tôi, cuộc đời thân nhân bạn bè tôi, không hề có những kỳ tích đáng ghi vào lịch sử. Họ không hề làm nên lịch sử. Họ chịu đựng lịch sử. Đôi lúc họ cũng có tỏ ra chân thành, cao thượng,

có tinh thần trách nhiệm, biết phân biệt tốt xấu, nhưng nhiều khi họ thụ động, yếu đuối, để cho hoàn cảnh đẩy đưa. Họ là đám đông góp phần lớn vào các chuyển biến của lịch sử, nhưng họ chưa đáng được nhắc tới, dù là một dòng, trong những cuốn sách sử. Tôi cũng thuộc vào cái đám đông tội nghiệp đó. Tôi cảm thấy “bị lịch sử bỏ quên”. Trong hăm hở ngày thơ, tôi nghĩ mình cần phải viết một cuốn sách thật dày về tâm tình của họ, những niềm vui nỗi buồn nhỏ nhoi của họ, những yếu đuối lẫn lăm liệt của họ. Các sử gia chỉ chú tâm đến bậc anh hùng hoặc kẻ có quyền thế thì tôi phải chú tâm tới đám đa số thiếu tiếng nói. Tôi quên mất là lúc nào cũng có những người thiện chí muốn mỗi chữ viết là một viên đạn, mỗi câu văn là một trận xung phong. Đọc cả một bộ trường thiên, gấp sách lại rồi thở dài, thì ích lợi gì? Vâng, quả thật là vô ích, nếu tiếng khóc trên đời không còn.

*

* *

Qua Galang, tôi mới biết truyện mình viết có thể phổ biến dễ dàng vì báo chí ở hải ngoại đang phát triển mạnh. Các truyện ngắn tôi viết ở Kuku lần lượt được đăng trên bán nguyệt san Tự Do, tờ báo in ronéo của trại tị nạn, do linh mục Domonici làm chủ nhiệm. Suốt mười một tháng ở trại Galang bận lo làm báo tôi viết ít lại, bản thảo cuốn 1 *Mùa Biển Động* vẫn nằm yên đó, không thêm được chữ nào. Qua định cư ở Hoa kỳ, nghề chuyên môn không có, trình độ Anh ngữ kém, cuộc sống đưa đẩy tôi vào nghiệp báo bổ thêm bốn năm nữa. Làm báo biểu ở hải ngoại là một nghề nhọc nhằn vì phải ôm đồm đủ loại công việc, mỗi buổi sáng đỡ tờ nhật báo Mỹ dày cộm ra đọc là phải lo tìm xem bức ảnh nào còn tốt để cắt dán vào báo mình, tin tức thì ngoài tin ông tổng thống này ra lệnh gửi quân đi đâu còn phải tìm cả những mục “thì thầm bên gối”, “nghệ thuật ái ân” để cho vào phụ trang phụ nữ gia đình. Bộ truyện trường thiên cứ nằm yên đó suốt hai năm. Cắm đầu cắm cổ viết bài dịch bài mà trám không hết những trang báo bị rút quảng cáo, tôi phải đem cuốn 1 bộ trường thiên ra in từng kỳ để trám chỗ. In đã hết, vẫn không có hãng hái để viết phần tiếp cho cuốn 2. Bèn nghĩ là thời cứ in thành sách đi, biết đâu sách in ra, chữ gọi chữ, có hứng lại viết cuốn 2 nhan đề dự định là *Bão Nổi*.

Cuốn 1 *Những Đợt Sóng Ngầm* in xong đầu năm 1984, phát hành đã lâu mà tôi có cảm tưởng tác phẩm đã rơi vào hư không. Tôi tự biết cuốn đầu vì chỉ mới là dàn chuyện, giới thiệu các nhân vật chính, sơ lược nêu ra một số vấn đề sẽ khai triển trong các cuốn sau, nên chắc

chấn sẽ không có sức lôi cuốn nhiều. Để tự an ủi, tôi thường nghĩ đến năm mươi trang đầu của cuốn *Bác Sĩ Zivago*, năm mươi trang rời rạc, lê thê, ai không kiên nhẫn thì bỏ cuộc, nhưng nếu đọc quá năm mươi trang đó thì bị cuốn hút vào một không khí vừa thơ mộng vừa bi thảm không ngưng lại được. Dù sao, nhờ cuốn 1 ra đời nên tôi cũng có hứng bắt đầu viết cuốn 2.

Đột nhiên, một năm sau khi cuốn 1 *Những Đợt Sóng Ngầm* được phát hành, nhiều tờ báo đem cuốn sách ra chỉ trích, chửi bới. Ngay tại nơi tôi ở, một tờ tuần báo mở chiến dịch công kích tác phẩm và tác giả suốt nhiều tháng liền, vị họa sĩ tổng thư ký còn vẽ tranh biếm họa nhiều kỳ in ngay trang bìa. Một dịch giả lão thành viết hai bài chỉ trích tác phẩm. Một ông mục sư tiến sĩ thông thạo cả Anh ngữ lẫn Pháp ngữ (sau này có viết một thiên khảo cứu công - phu - đặc - sắc về Vũ Trọng Phụng) không biết sưu khảo tài liệu ở đâu, còn viết bài tố cáo tôi có hành động sàm sỡ với một cô tên T. ở trại tị nạn. Một tờ báo khác phổ biến rộng rãi cũng đem tác phẩm lên bàn mổ đều đều suốt hai năm. Thú thực, ban đầu tôi ngẩn ngơ không hiểu. Tôi tự hỏi có lẽ đầu óc mình lú lẫn chăng? Tại sao mình trơ trẽn làm điều sàm sỡ với phụ nữ ở Galang mà mình không nhớ? Tôi đi hỏi các bạn từng ở Galang với tôi thời gian đó, họ cũng không nhớ. Cô T. là cô nào? Hay cô đó là vợ ông mục sư, cô bị làm nhục nhưng trong cơn giận nhìn gà hóa cuốc? Tôi còn ngơ ngẩn nhiều hơn khi biết nhiều vị như dịch giả lão thành nọ viết bài chỉ trích tác phẩm của tôi nhưng cũng thành thật thú nhận trên bài báo rằng ông chưa có thì giờ đọc tôi viết gì, chỉ đọc mấy trang người nhờ cù viết bài xerox cho thôi. Cả vị họa sĩ về sau tôi gặp tặng sách cũng bảo anh chưa có thì giờ đọc. Thế là thế nào? Bộ môn phê bình văn học ở hải ngoại đã tiến đến mức viết phê bình mà không cần đọc tác phẩm?

Sau một thời gian ngẩn ngơ kinh ngạc, tôi bình tĩnh lại, tìm hiểu thì mới thấy mình đã vô tình đụng chạm tới một số vết thương chưa lành. Những người chịu nhiều ân huệ của chế độ Ngô Đình Diệm mới đọc hết cuốn 1 tưởng tôi viết bộ trường thiên này nhằm bôi xấu thân tượng của họ. Một số quân nhân đọc đoạn tôi mô tả Lãng cảm thấy danh dự binh chủng bị xúc phạm. Tôi không trả lời họ, vì biết trả lời thế nào! Tôi quan niệm không có con người nào hoàn hảo, ai cũng vừa tốt vừa xấu, vừa thiện vừa ác, nhân vật tiểu thuyết thì có lúc hoang đường có lúc đứng đắn, có lúc hèn yếu có lúc can đảm mới giống với con người bất toàn đa diện ngoài đời. Lỗi chính là do tôi, vì đáng lý tôi phải viết

xong cả bộ trường thiên mới xuất bản một lần để tránh ngộ nhận. Làm sao tôi thực hiện điều đó được? Tiền bạc đâu? Thì giờ đâu?

Nhưng cái rủi lại mang theo cái may. Tập truyện mỏng không đầy hai trăm trang – kết quả của mười ngày hăm hở – trở thành đề tài thời sự. Tôi thích thú nhận ra rằng không có phương cách quảng cáo nào hữu hiệu cho bằng đem món hàng đó ra chửi bới. Nhiều người không hề sờ tới quyển sách tò mò tìm mua *Những Đợt Sóng Ngâm*, so sánh các bài báo chửi bới với nội dung sách, từ đó trở thành độc giả trung thành của tôi. Được khích lệ (dù là thứ khích lệ bất đắc dĩ), tôi hăng hái, tự tin cho in cuốn 2 *Bão Nổi* năm 1985, cuốn 3 *Mùa Biển Động* năm 1986. Năm 1987 tôi không làm báo thuê để mưu sinh nữa, lo âu cho đời sống bấp bênh, bỏ nghề vì công việc học nghề mới nên lỗi hẹn với bạn đọc, phải chờ đến mùa hè năm 1988 mới viết và in cuốn 4 *Bèo Giạt*. Ở trang cuối mỗi cuốn trong bộ *Mùa Biển Động* tôi đều hẹn với độc giả thời gian sẽ in cuốn kế, như một cách đặt cho mình một mục tiêu phải đạt cho được. Cuốn 5 *Tha Hương* phát hành mùa hè 1989 đúng hẹn như tôi đã hứa năm trước. Nhìn lại 1800 trang bản thảo của hơn bảy năm dài, tôi không ngờ mình liều lĩnh đến như vậy!

*

* *

Phải, quả thật tôi đã quá liều lĩnh. Bản tính tôi nhút nhát, vụng về trước đám đông, không dễ tạo cảm tình nơi người khác lúc sơ giao. Những người có sẵn thiện cảm với tôi như nhà văn Võ Phiến thì rộng lượng cho rằng tôi “cẩn trọng từ tốn, không dàn trải mình ra bên ngoài, không bộc lộ náo nhiệt, cuộc sống thu lảng cả vào bên trong”. Những người có thành kiến xấu chắc chắn sẽ nghĩ tôi lãnh đạm, khó khăn. Bản tính vui buồn, nhanh chậm thuộc về bẩm sinh, tôi không can thiệp vào được. Tôi chịu nhiều thua thiệt do bản tính đó, nhưng đôi lúc nhờ ít nói cũng tránh được những lầm lẫn ngông cuồng. Càng ít nói càng đỡ lời. Thế mà tôi lại đại dốt liều lĩnh viết mấy nghìn trang sách để cập tới rất nhiều hạng người, khơi lại hàng triệu vết thương đốn đau, nhắc lại nhiều kỷ niệm nhiều người muốn chôn cho sâu vào dĩ vãng. Muốn yên tĩnh khuất lấp mà tôi lại gây chuyện náo nhiệt. Anh em quân nhân bình chủng Dù đã phản ứng. Những người say mê cố tổng thống Diệm đã phản ứng. Biết đâu từ đây về sau còn có những người thuộc nhiều giới khác phản ứng: những cụ giáo nhăn mày chê cô Nam con nhà gia giáo mà lại trao thân cho người yêu ở chỗ trống trải, những nhà hoạt động chính trị giận dữ vì tôi không đưa ra một mẫu người hùng, những người

nhiet tin hieu dong trach toi tai sao khong bam moi tron mat het to ma chi cau may, nhung "nguoi trong cuoc" che toi xuyen tac su that, van van... va van van... Se co nhung phan ung giai thich duoc, nhung cung co nhung phan ung kho hieu. Tac pham ra doi nhu nhung hat bui theo gio bay di khap phuong, toi lam sao tien lieu duoc truong hop nhung nguoi mang benh di ung. Toi biet co nhung truong hop di ung rat la lung: co nguoi so soi gương, co nguoi khong chiu duoc mùi phan hoa. Toi co nguoi ban co the ăn duoc thứ rau có mùi tanh như rau giấp cá, nhưng lại không chịu được mùi chuối.

Vì liều lĩnh không tự lượng sức mình nên càng viết tôi càng sợ, như một người mù liều lĩnh lái xe trên xa lộ. Kinh nghiệm sống của tôi hạn hẹp, tôi phải cầu viện đến sách vở hoặc kinh nghiệm sống của những bạn bè thân quen. Chắc bạn đọc đã nhận ra, mỗi lần viết tới chiến tranh là ngòi bút tôi trở nên ngập ngừng, lúng túng. Tôi thiếu những kiến thức và kinh nghiệm cụ thể về quân sự. Vì vậy khi viết cuốn 3 *Mùa Biển Động*, tôi đã phải dựa rất nhiều vào cuốn "*Battle For Huế Tết 1968*" của Keith William Nolan cùng tài liệu quân sử Việt Nam Cộng Hòa. Đọc sách sử để viết sử khác với đọc sử để viết tiểu thuyết. Điều tôi cần không phải chỉ là các sự kiện, diễn tiến của lịch sử, mà quan trọng hơn cho tiểu thuyết là các chi tiết của đời sống con người lúc đó, cái không khí tâm tình lúc đó. Những chi tiết tâm thường bị sử gia vứt đi nhiều lúc lại cần cho tôi. Những cuốn tổng luận tràng giang về lịch sử đôi khi không quý bằng vài trang nhật ký hay một cuốn hồi ký của người trong cuộc.

Tôi đã mừng rỡ biết chừng nào khi đọc được thiên hồi ký "*Tháng Ba Gây Súng*" của Cao Xuân Huy khi anh cho đăng từng kỳ trên tờ Đồng Nai, cũng như đọc đoạn hồi ký về cuộc rút lui bị thảm trên Liên tỉnh lộ 7 của Hoàng Khởi Phong in trong "*Ngừng Mũi Nhìn Trăng Sáng*". Nội dung hai tập hồi ký ấy đúng là điều tôi muốn tìm mà tìm không thấy trong các cuốn sách sử. Tôi đã được hai nhà văn quân nhân này giúp đỡ tận tình suốt thời gian viết *Mùa Biển Động*. Những chi tiết về vũ khí, hành quân, tâm tình, đời sống quân nhân... tôi đều nhờ hai anh chỉ dẫn. Đọc "*Tháng Ba Gây Súng*", tôi đã phải cho nhân vật Lãng đổi binh chủng từ Dù qua Thủy Quân Lục Chiến, để đến tập 5 *Tha Hương*, có thể qua nhân vật này tôi sử dụng được các kinh nghiệm quý giá của nhà văn Cao Xuân Huy. Cũng như sau khi đọc đoạn hồi ký của nhà thơ Hoàng Khởi Phong (sau này anh viết thêm thành cuốn *Ngày N + ...* vừa xuất bản), tôi đã cho nhân vật Ngử đổi nhiệm sở từ Qui Nhơn lên Phú

Bốn, để đến đoạn chót, Ngũ được ở bên ông đại úy Quân Cảnh chứng kiến từ đầu đến cuối cuộc rút lui hỗn loạn mở màn sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa. Có thể nói rằng Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong là đồng tác giả với tôi trong hai đoạn viết về cuộc rút lui trên Liên tỉnh lộ 7 và cuộc tan hàng ở Thừa Thiên năm 1975. Không có hai nhà văn quân đội này, chắc chắn tôi còn phạm nhiều sơ sót hơn khi viết về chiến tranh, về quân đội.

Nói như vậy không có nghĩa là ở những phần khác tôi không sơ sót. Đọc lại toàn bộ *Mùa Biển Động*, nhiều lúc tôi đỏ mặt vì những lầm lẫn sơ sót của mình. Nói đâu xa. Ngay chương đầu, tuy trong phiếu lý lịch tôi đã ghi năm sinh của Tường là 1939 để theo đó mà tính tuổi viết cho đúng các diễn tiến nghề nghiệp và tâm tình, thế mà tôi lại cho ông bà Thanh Tuyền bố mẹ của Tường quen nhau lấy nhau hồi tản cư vào vùng kháng chiến. Bộ truyện có vô số những chi tiết không đúng mà bạn hữu đã chỉ dẫn giùm: như cách ăn mặc của các cô các bà không đúng kiểu, loại phi cơ phản lực Boeing 737 không thể bay đường xa, hồi 1971 lúc Dale về Berkeley thăm nhà chưa có loại xe Ford Bronco (đúng ra là loại Ford Scout), mà hệ thống xe điện ngầm BART cũng chưa có. Nhiều tên người tên đất in sai (như tên đại tá Đàm Quang Yêu, tên nhà văn Robbe Grillet, tên phim Les Dimanches de ville d'Avray), chưa kể không biết cơ man nào những lỗi chính tả. Tôi không biết làm gì hơn là xin lỗi bạn đọc và long trọng hứa trong lần tái bản toàn bộ tập trường thiên, tôi sẽ sửa lại các sai sót ấy. Xin thông cảm cho tôi: từ bảy năm nay tôi vừa viết, vừa lo đánh máy vừa tự bỏ tiền in lấy bộ truyện dài này, trong khi vẫn phải dành thì giờ cho việc kiếm sống, sức người có hạn, sai sót không thể tránh. Xin bạn đọc hiểu cho rằng đây là tim óc tôi, là mồ hôi của tôi, là máu của tôi. Viết ra được là nhọc nhằn, mà tự lo in ra cả bộ trường thiên dài trên 1.800 trang để gửi tới bạn đọc cũng nhọc nhằn, mà tự lo in ra cả bộ trường thiên dài trên 1800 trang để gửi tới bạn đọc cũng nhọc nhằn. Xin rộng lượng cho những sai sót ngoài ý tôi muốn.

Tôi chờ đợi cái giây phút được viết câu:

"Viết xong ngày 02 - 06 - 1989 tại Orange County Hoa kỳ"

đã bao năm nay, cứ lo không bao giờ viết được câu đó. Bây giờ, dưới bóng cây xanh của công viên vắng vẻ này, tôi đã viết được câu đó. Viết xong, tôi cảm thấy gì? Không vui, không buồn. Chưa dứt được lo âu. Tôi tạo ra những đứa con, có đứa may mắn, nhiều đứa rủi ro. Tôi vui

buồn với đàn con yêu suốt bảy năm qua. Nhưng phải tới lúc tôi dừng lại theo cái chết của nhân vật chính. Cỏ trên mộ Ngũ chắc cũng đã xanh như cỏ công viên này. Ngũ đã yên phận. Nhưng còn những nhân vật khác, còn thế hệ tiếp nối theo cái thế hệ thất bại của lớp tuổi tôi? Hai đứa con của Ngũ, một đứa ở hải ngoại và một đứa ở trong nước, tương lai chúng ra sao? Rồi bạn bè thân nhân của Ngũ, đời họ sẽ về đâu?

Tôi tự hỏi: liệu mình còn liều lĩnh dám viết một bộ trường thiên khác cho một cuộc hành trình khác hay không?

Một chiếc lá vàng rơi trên trang giấy tôi đang viết!

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Công viên El Dorado, Long Beach, California

02 - 06 - 1989

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp báo tin

nhà thơ **NGUYỄN MẠNH TRINH**

thành hôn cùng

cô **NGUYỄN THỊ THỂ**

vào ngày 01 tháng 07 năm 1989 tại Orange County, California, USA.

Nhóm chủ biên tạp chí Văn Học cùng các văn hữu cộng tác thành thực chúc mừng đôi bạn trăm năm hạnh phúc.

Nghiêm Xuân Hồng, Võ Phiến, Phạm Duy, Nguyễn Sa, Mai Thảo, Lê Tái Điều, Nhật Tiến, Cao Xuân Huy, Bùi Bảo Trúc, Từ Mẫn, Hồ Trùng An, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Trịnh Y Thư, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Ý Thuận, Quỳên Di, Võ Đình, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập, Bùi Vĩnh Phúc, Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tái Nhiên, Khánh Trùng, Nguyễn Bá Trạc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân, Nguyễn văn Sâm, Tường Năng Tiến, Kiệt Tấn, Trần Diệu Hằng, Nguyễn thị Thanh Bình, Phan thị Trọng Tuyên, Hoàng Dung, Vũ Quỳnh Hương, Diệu Tân, Thụy Khuê, Ngô Nguyên Dũng, Thế Giang, Nguyễn Hải Hà, Hoàng Xuân Sơn, Phan Ni Tấn, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Phan Tấn Hải, Như Chi, Trần thị Kim Lan, Trần Sa, Thùong Quán, Đào Trùng Phúc, Thế Uyên, Xuân Vũ, Ngu Yên, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong.

Hồ Đình Nghiêm GẠCH NỐI

Tôi nhớ đã lâu, tôi có đùa với Phước rằng không hiểu sao một đôi khi tôi bỗng sợ tiếng chuông điện thoại réo kêu. Tôi nói với Phước, tay tôi thường đổ mồ hôi trộm và tôi nghĩ là mình bị đau tim. Khi đó, Phước nắm bàn tay rít rít có ẩm ướt thực sự của tôi, không nói. Cô ta như ngấm chia sẻ, chẳng ngờ đó là câu nói bốn cột thối ra khi tôi buồn miệng. Và rồi chúng tôi nhìn nhau rất lâu. Tôi không dính chính. Mà dẫu tôi có đau tim thật đi thì cũng chẳng có gì hệ trọng. Tôi nghĩ vậy. Chúng tôi đi với nhau một lần cuối trong đêm, giữa thành phố đầy ánh điện soi. Tôi khám phá, có khi mình không cảm nổi sự trơ trẽn của phố phường nhấp nháy từng bừng màu sắc. Tôi gượng giữ cho khuôn mặt khỏi phải biểu lộ nét khó chịu, nghĩ tới cái khoảng trống sẽ đến khi mà chẳng còn bao lâu nữa Phước rời bỏ tôi. Điều này làm cho những câu nói đùa có vẻ vô duyên và đầy cả bi quan. Cái bóng tối chập chờn đơn điệu đọng giữa con đường có hai hàng cây đầy lá dẫn xuống dốc đã lồi cuốn chân đi. Giữa bóng đêm, Phước có những nét đẹp cũng đầy lồi cuốn. Tôi thấp lửa một liều thuốc. Phước nói bên tai, cùng những sợi tóc dài vướng nhột của nàng cuống quýt. “Hút thuốc có hại cho sức khỏe, nhất là tim phổi”. Tôi quăng liều thuốc, chiều ý cô ta lần cuối cùng trước khi rời nhau. Như ngược lại, cô ta đã chiều ý tôi khi cả hai xuống hẳn độ nghiêng của con dốc, dưới tàn cây lao xao gió Phước hôn tôi, cũng nụ hôn cuối cùng.

Chuyện đã cũ. Vậy mà dường như Phước vẫn còn nhớ. Sáng nay tôi nhận được thư cô ta dù khoảng cách giữa hai thành phố chỉ cách

xa có bốn trăm cây số. Rõ ràng Phước không muốn “giết” tôi bằng hồi chuông điện thoại rào đầu để sau đó loan tin điếng hồn khó nói hơn viết. Tôi mở bao thư một cách khó khăn. Kèm theo tấm thiệp mời có mảnh giấy nhỏ, Phước viết: “Mong được thấy mặt Nhật. Không có gì vui hơn. Thấy Nhật là nghe được một lời tha thứ. Là mang nặng một ân tình, như ngày đầu và vĩnh viễn, Phước vẫn còn đeo bên người cái cảm tình đáng nhớ của Nhật cho”.

Mồ hôi trong tay ứa ra làm giấy mềm nhũn ở những chỗ bị nắm chặt. Không đùa nữa rồi, tôi bị đau tim tới giai đoạn thứ hai, ba? Thiệp mời in đơn giản mực xanh trên giấy xám, ở dưới có câu khuôn sáo luôn bị lạm dụng một cách khó ưa: Sự hiện diện của quý vị là niềm vui lớn lao của chúng tôi. Bao thư nhẹ tênh. Không có tờ bì trải rộng in long phụng trên giấy cứng, in tên cô dâu chú rể đặt ngang hàng thẳng lối chịu nghe lời cha mẹ đôi bên để sống quây quần chung vui; nhưng trẻ con cách mấy cũng hiểu ra cái chữ Tàu “song hỉ” nằm quái dị ở bên góc tờ giấy mời.

Tôi pha cà phê, uống từng hớp nhỏ. Chăm chú như mắt nhìn cứ đọc đi đọc lại những gì vừa nhận được. Lạ lùng một điều là cà phê sáng nay uống rất ngon, bình tâm mà nói vậy. Đáng buồn cho kẻ bị đau tim, chắc hẳn sẽ phải kiêng cử tuốt luốt những cái hạnh phúc nhỏ nhoi thường nhật. Tôi đang hạnh phúc, bởi tôi không phải cong lưng vật lộn với công việc trong hãng xưởng. Tôi đang hạnh phúc bởi mỗi sáng thức dậy muộn màng không hề đếm xỉa tới cái dòng sống đến hồi hải lôi cuốn người ngợm ngoài kia. Tôi thủng thẳng nhấm nháp ly cà phê. Tôi tản mẩn thổ thổ diếu thuốc trên cái zippo, từ tốn mở nắp bật lửa. Tôi ung dung huyết sáo đi ra mở coi thùng thư. Tôi đang hạnh phúc bởi sáng nay tôi có thư Phước. Tôi đang hạnh phúc bởi... tôi chẳng làm gì khác hơn là ngồi chờ người ra. Không. Không một ai có nhiều thứ hạnh phúc tràn đến một lần ngập ngựa như thế. Hẳn sẽ chết mất nếu hẳn được trời ban cho một đống niềm vui quá cỡ thợ mộc. “Có biết đâu niềm vui đã nằm trong thiên tai” là vì vậy. Tôi chùi hai tay rịn ướt vào hai bên hông rồi xem ngày giờ địa điểm in trên tấm giấy mời. Không còn bao xa nữa so với con số lịch đang chỉ. Tôi dụi diếu thuốc ngẩn, khó làm cay mắt. Ngồi lục soạn trong đầu một chữ nhớ. Không sao lật bởi được quá khủ để tìm nhớ lại xem Phước có từng ưa thích một thứ đồ vật nào để mua làm quà cho ngày vui của cô ta. Sự dụng công làm tôi bản thân như ngồi thiền không đúng phép tắc đã giao hồn cho mây gió. Đến lúc đó tôi mới phát giác mình vừa thờ dài vừa buồn đoản hậu. Nỗi buồn

mà nếu tôi có ý làm cuốn tự điển cho con em lớn lên ở hải ngoại hiểu biết tiếng Việt một cách tường tận hẳn riêng chữ đó sẽ phải chiếm cỡ hai ba trang. Không dừng tôi nhớ tới Tĩnh. Có một người bạn như hẳn cũng đỡ, bởi chẳng ai qua mặt nỗi hẳn trên phương diện buồn. Khi bạn biết có một người sầu đời hơn bạn ít ra sẽ cảm thấy khuây khỏa chút xí. Cách giải buồn này thuộc loại quái chiêu, cà chớn, nhưng nó vẫn thường hiệu nghiệm trong nhất thời.

*

* *

Hãy tha thứ khi nghe người buồn nhiều, Tĩnh nói:

– Địt mẹ, lâu nay mày lặn đi đâu?

Tôi cười cười, không trả lời. Tôi thấy giữa bạn bè, nhiều khi sử dụng câu nói luôn đệm tiếng chửi thề vào nghe cũng hay hay. Nó chứng minh cái tình thân và nghe đã lỗ tai hơn gấp thẳng bạn ưa nói chèn tiếng Anh tiếng Pháp. Cứ Đê em mờ thả giàn sướng hơn là shit với merde. Chân lý đó dĩ nhiên là ngàn năm không đổi rồi, với riêng tôi.

Ánh đèn trên trần nhấp nháy trong vũng tối có nhiều của quán bưng bít. Có nhớ nhà rồi giàu đâu óc liên tưởng không, mà khi nhìn Tĩnh ngồi đó để tôi ngỡ hẳn đang thu mình dưới bóng in của một giàn hoa leo rậm lá giữa trưa hè và trên vai cứ thỉnh thoảng ăn nắng từng vũng tròn của màn che diệp lục bị mặt trời chiếu xuyên thấu, lỗ hê lỗ hủng. Mặt Tĩnh từ hồi nào tới giờ không đổi. Đầy xương, quầng mắt thâm và cái đầu trông như được đặt dính liền giữa hai vai. Hẳn cũng bình thường như mọi người chẳng dị hình dị tướng cho lắm, nhưng có lẽ vì buồn quá nên cái cổ lẩn hồi triệt tiêu dần, thu ngắn lại? Ca sĩ hát hay là nhờ cái giọng, đã đành. Nhưng giọng hát truyền cảm có lẽ thuộc vào một cái cần cổ dây gân chuyển hơi từ phổi lên để giúp đỡ thêm không? Tôi không biết. Tĩnh là ngôi sao lạ vừa được người ta khám phá, nói theo ngôn ngữ của mấy người ưa theo dõi sinh hoạt văn nghệ văn gừng phòng trà phòng triếc. Dính vô mấy bài nhạc tình, nhất là đây cả nước mắt với đổ vỡ thì Tĩnh hát da diết lắm. Tôi từng nổi da gà và Phước từng nhận xét tôi: Nhật yếu bóng vía quá. Chắc là cô ta đùa. Chữ yếu bóng vía tuy dễ thương nhưng diễn tả không đúng về sự cảm nhận tái tê của tôi khi nghe Tĩnh hát. Nó chết ngất, nó kéo mình vào và khiến cho mình dễ ngộ nhận mình là nhân vật chính trong những cuộc tình trắc trở kia. Thảm nào lắm. Tôi thì ưa bông đùa, giả là con gái tôi đi theo ông liên tù tì vì giọng hát của ông quyến rũ quá. Vậy mà câu ấy làm Tĩnh giận. Có lẽ đã vô tình khuấy lại cái vũng nước lộn cợn

còn giám hãm trong lòng Tĩnh, chưa kịp bốc hơi? Kỳ cục thật. Nếu Tĩnh không ưa ai đùa như thế thì ít ra hẳn phải hiểu đó cũng là lối an ủi của tôi dành cho hẳn. Tĩnh là lính ngày cũ, có người yêu đã hứa hôn nhưng mệnh nước không cho phép. Tĩnh vô trại cải tạo của bọn quỉ kia, chẳng có quái gì nên tội nhưng vẫn lao động như một con vật tới bốn năm, đến khi trở về thì... Tĩnh chấm câu lơ lửng, không kể thêm đoạn cuối. Tôi cũng không gạn hỏi. Mỗi người có quyền giữ lấy chút xiu bí mật về mình, và sự bất hạnh lớn lao thì nên chôn sâu bởi không ai chia sẻ nổi. Tĩnh chỉ nói cứ xem như cô ấy đã chết, như vậy nghe nó "tĩnh" hơn. Tôi yêu Tĩnh ở cái lối suy nghĩ đó khi kết luận một chuyện kể lý ra chất chứa nhiều thù hận. Những tiếng chửi thề Tĩnh không dùng trong trường hợp này, làm khi nghe tôi không ngờ Tĩnh vừa vẽ lại một chặng đời đầy bi thảm của chính hẳn. Đôi lúc tình cờ nhìn hẳn nhắm mắt, một vai nghiêng thấp bên chỗ máng sợi dây đàn và những ngón tay gầy xương di chuyển bấm nốt trên cần guitar với dáng đứng đầy nhấn nhé, tôi đã không giấu được lòng bồi hồi thương cảm. Tôi thấy lạnh người và đúng như Phước nhận xét, tôi quả có yếu bóng vía. những gì toát ra trên người Tĩnh lúc ấy đã dạy cho tôi nhiều điều. Những điều mà chỉ có sự cảm nhận thâm kín thẩm thấu chứ không thể giải thích minh bạch. Hoặc ít ra tôi hiểu, cái điều rất ấu trĩ, khi cuộc đời mang tới cho bạn những khó nhọc thì đồng thời nó khiến bạn vượt trội hơn người khác, ở trong cái nghĩa phong phú sống động và đáng sống. Giờ này tôi đang khởi sự bước vào tròng đó chẳng?

Quán không mấy đông nhưng đầy chật những tiếng động. Tôi dõi mắt tới sân khấu, tưởng tượng cái chỗ đứng mà chốc nữa Tĩnh chôn chân. Nghiệm thấy cái sinh hoạt kèm giữ đó có chút kỳ thú. Thả lòng trong âm nhạc, sống về đêm và đôi mắt thường trực mở trong bóng mờ, ánh đèn không đủ sáng, tạo điều kiện cho những cặp tình nhân ôm đìu nhau bước nhảy từ điệu này qua điệu khác. Vậy mà Tĩnh cứ than về nghiệp dĩ đó. Chán thấy mẹ!

Tôi hỏi:

– Đêm nay ông chơi tới mấy giờ?

– Hai giờ sáng. Như thường lệ.

– Vậy thì chắc tôi đợi không nổi. Lâu nay có gì lạ không?

Tôi mong Tĩnh vừa quen ai đó cho sinh thú cuộc đời, nên hỏi thế. Hẳn nhìn tôi thăm dò.

– Mà có chuyện lạ phải không?

Tôi gọi người chạy bàn tới bảo lấy hai chai bia nữa. Tôi thấy không

cần phải nói tin buồn mới nhận được cho Tĩnh nghe. Hình như chuyện đó cũng chẳng đáng gọi là lạ. Tôi từng linh tính, ngày Phước học xong đi về đoàn tụ với gia đình dưới thành phố kia đã là một chia lìa phải xảy tới. Xảy tới với một kết cuộc không như ý tựa cái thiệp mời giờ đây đang nằm trong túi áo của tôi, bên vị trí của trái tim mệt mỏi đập những hồi có vẻ bình thường. Tôi nắm chai bia lạnh và nghĩ sự ướt át đang có là không hẳn do lòng bàn tay mình rịn đổ mồ hôi.

– Phước thì sao?

Tĩnh hỏi sau khi tu xong chai bia. Yết hầu hằn lộ rõ cái cục trái táo ăn vụng nuốt không trôi như truyền thuyết người ta bịa đặt. Tôi không giấu Tĩnh nữa, nghĩ sao, tôi moi ra tấm giấy mời thầy trên bàn. Tay hắn có hơi run khi đón đọc, làm như hắn cũng thuộc loại yếu bóng vía và giả sử một cách kỳ cục rằng vuông giấy đó loan tin xấu Mẹ tôi hoặc Má hắn mới từ trần ở Việt nam, chôn cất sơ sài luộm thuộm với sự khiếm diện thật nhiều của con cái, của thân bằng quyến thuộc khi không ừn ừn bỏ nước mà đi. Hắn nhìn tôi bằng đôi mắt của một người anh dong đầy chia sẻ nỗi buồn khi ngó tới đứa em vừa bị vuột mất món đồ chơi từng trân quý. Ngoài ra, hắn có vẻ ngạc nhiên khi trông vẻ đứng đưng bề ngoài của tôi. Hắn hỏi:

– Mà tính sao?

Tôi đốt thuốc rồi vòng tay nhìn hai ba người loay hoay với mớ dây điện trên sân khấu. Hình như họ đang bực mình với những sợi dây bị rối bất ngờ làm mất thì giờ. Tôi theo dõi và thấy mình như bị lôi vào sự lúng túng vụng về của họ. Có lẽ họ nên bình tĩnh để giải quyết vấn đề, đừng nóng nảy thì đồng dây kia sẽ chóng gỡ ra. Tôi nhủ thầm như thế.

– Tốt hơn cả là mày đừng có buồn nản đối với những chuyện đã lỡ xảy ra một cách đầy định đoạt sẵn như vậy.

– Tôi tới ngồi với ông không phải để nghe ông khuyên nhủ.

Tôi có hơi tâm bậy. Tĩnh thì độ lượng cần nhẫn:

– Mẹ. Tao khuyên hồi nào? Tao hỏi chớ bây giờ mày tính sao?

– Tôi tới mượn đỡ ông cái áo veste mặc tạm ít ngày.

Tĩnh nhìn những vỏ chai bia trên mặt bàn. Hắn không tin câu tôi vừa nói là lý do tôi có mặt ở đây, bây giờ. Tôi nhắc lại câu đó lần nữa. Tĩnh nhìn quanh quất một vòng trong quán.

– Thật sự mày cần cái áo hay đến nghe tao hát giải sầu?

– Có thể cả hai.

– Mặc đi dự đám cưới hả?

Tôi nói phải. Đồng thời tự hỏi chính mình, không hiểu sao từ hồi

cha sinh mẹ đẻ tới giờ tôi chẳng thể sắm nổi cho tôi một cái áo trịnh trọng kia? Có thể vì sự vô ích của nó? Đám ma thì tôi rất sợ khi đến góp mặt chia buồn. Đám cưới cũng vậy, có gì hấp dẫn đâu nếu mình chẳng được làm chú rể? Ngoài hai dịp rầu rĩ rất hiếm xảy ra đó, thiết tưởng không mua áo veste cũng là một sự thường tình. Và khi có dịp chẳng may, đến tìm bạn để mượn áo cũng là điều thường tình khác. Anh em như thủ túc, bạn bè như y phục. Cổ nhân nói thật không ngoa.

Tôi đi theo Tĩnh vào phòng vệ sinh. Nhìn trong gương soi, thấy khó chịu cho mắt nhìn khi đóng bộ lên đồ lớn. Tĩnh thì phát biểu cảm tưởng khác tôi. Ngon lành rồi đó và hấn đưa tay sờ soạng vào mấy túi áo kiểm soát nhặt ra những mẫu giấy vụn. Tôi đứng cứng đờ chẳng nhúc nhích, thầm nghĩ Phước có thoải mái không, nếu em phải bận một cái áo cưới đầy vương vius?

– Mày cho tao gửi lời thăm cô ấy. Mẹ, vậy là xong!

Tôi ngó Tĩnh qua tấm gương phản chiếu.

– Nếu ông là tôi thì có nên tới dự không?

– Tao không rõ. Cũng tùy. Nhưng tốt hơn thì việc gì phải lẩn trốn?

*

* *

Tôi nghe lời Tĩnh khuyên, không lẩn trốn. Ngoài ra, đọc đi đọc lại những gì Phước viết tôi thấy mình nên chiều theo, những hàng chữ của cô ta đã gần như một yêu cầu khó viện dẫn cứ thoái thác. Thời gian này tôi đang thất nghiệp, tôi tự nhủ hãy gặp mặt Phước lần cuối trong đời rồi hãy trở về nhắm mắt phen này quyết cày bữa chết bỏ. Tranh thủ, khẩn trương, lao động là vinh quang hay chữ nghĩa cầu kỳ con mẹ gì đó, thì chuyến này tôi cũng chôn người ngập đầu vào nó mà tìm quên. Tôi sẽ làm “người khôn người đến chốn lao xao”. Tôi lững thững ra bến xe, mua cái vé khứ hồi trong ngày, rồi xách cái bao nylon đựng duy nhất cái áo veste leo lên xe dò thấy mây trôi nhẹ hẫng ngoài ô cửa dịu mát. Tôi ngủ một giấc không mộng mị nhưng khi tỉnh dậy nghe đầu văng vất nặng như đeo chì. Ai đó nói đời người như một cơn mộng. Tôi chẳng có ý kiến để bổ túc thêm. Nhưng trong trạng thái ngầy ngật khi bước xuống xe, tôi chợt nhận ra cái điều tôi chưa bao giờ nghĩ tới, là mình chỉ cần ngủ một chập thì mình đã vượt qua một chặng đường dài, là trước mắt mình, ở đâu đó gần gũi có mái nhà Phước ngụ. Nàng mong ngóng lảng vảng với giờ giấc hệ trọng? Nàng bình thần soi gương tô môi kẻ mày? Nàng tắm rửa kì kỳ tẩy trần và hát thì thầm dưới vòi sen phun nước: “Ngày nhà em pháo nổ anh cuộn mình trong chăn?”. Nàng

đắm chiêu ngồi lì trong phòng vệ sinh để giải thủy và hoài nghi đánh cuộc: chẳng biết hấn có đến dự không? Nghĩ tới đó tôi thấy mắc tiểu. Tôi xồn xác vào một quán cà phê nhưng lâm lì đi băng qua bếp. Tôi đứng ngáp mỗi một bên tường với nham nhở có vẽ những nét vụng về thô tục mấy bộ phận kín đáo của loài người. Mùi hôi khai văng vất làm tỉnh táo. Tôi tiếc là không mang viết theo để ghi lên tường ngày giờ lưu niệm chơi. Cái hình vẽ hai người nằm đè lên nhau vẫn còn thừa rộng một mảng vôi trống. Tôi cười vu vơ bước ra và bỏ ý định uống một cốc cà phê đen. Cái đồng hồ bên bến xe luôn đổi những con số. Hết giờ giấc, lại đến những chuyến xe sẽ khởi hành, rồi chuyển sang nhiệt độ đang đè xuống thành phố ngộp thở. Trời không nóng nhưng lòng bàn tay tôi cứ đổ mồ hôi. Tôi tìm ra những câu sắp đặt trước để nói với Phước. Nhật xin xuất viện sớm để kịp đến chung vui với Phước. Không sao. Đừng lo mà. Bác sĩ khám nghiệm, nói cậu sống dai thọ tới những bốn mươi lăm tuổi lận.

Có tiếng còi xe làm hiệu cảnh tỉnh khi tôi băng qua đường, gác ngơ. Một cánh tay lông lá thò ra ngoài cửa chữi rửa tôi bằng ngón tay làm dấu đưa lên trời. Tôi thực không hiểu Tây u nó muốn ám chỉ cái gì qua đó. Tỉnh có lần chở tôi đi nhậu chạy xe láng cháng sao đó cũng bị con mẹ đâm đưa tay ra dấu chỉ thiên. Tỉnh bóp còi và thò đầu phát ngôn tiếng mẹ đẻ: Cỡ như em thì anh nhai khỏi phải tốn tằm xla răng. Tôi mắc cười nên không hỏi Tỉnh nó làm dấu vậy là nghĩa gì, để khiến ông phải giận? Cùng lắm là ngụ ý tụi bây coi chừng, đừng ý thể có cái vật đó rồi làm càn. Thì cũng vui thôi...

Lại thêm một tiếng còi xe. Lần này thì của thằng cha tài xế Taxi khi thấy tôi loay hoay dòm trời ngó đất. Cái mặt đen thui cười cầu tài thấy mà hăm tài. Nhưng nụ cười cứ mãi không tắt, có cảm tình, làm tôi chùn bước. Cửa được mở để tôi tần ngần chui vào ngồi ở ghế sau, nhìn trong gương chiếu hậu mặt mình trở nên vàng khè vừa lúc cha nội da đen mất nét xồn xác đập lút ga làm tôi bố ngựa.

– Ông người Tàu phải không? Tui khoái học kung fu nhất trần đời.

Nằm phè ra ngựa đầu trên ghế, tôi giỡn:

– Không, Việt Nam. Nhưng cũng biết sơ vài ngón.

Gã da đen đọc lên một lô tên tuổi các môn phái nhu có cương có bên trời Đông nhưng tuyệt chẳng đả động tới quyền Anh. Phở trương sự hiểu biết để dọa hỏi luôn thể. Tôi không biết dịch chữ “bàng môn tả đạo” ra làm sao cho gã hiểu. Đồng thời đầu óc vụt nhớ lá thư mạ tôi

viết: “Con kíp gửi thuốc về. Mạ ớn quá, đau bụng tụi nó phát thuốc Xuyên tâm liên, đau đầu muốn điên cũng xuyên tâm liên. Gan thận ruột rà tim óc chi cũng lại hoàn xuyên tâm liên. Thiệt là bằng môn tả đạo ai mà chịu cho thấu”.

Gã da đen nhìn tôi trong gương chiếu hậu cứ nóng lòng chờ tôi trả lời. Tôi chửi thề. Gã lập lại ngọng nghịu môn công phu lạ tai: Đun ma. Đun mà?

Tôi không lấy thăng bằng được khi bước xuống xe. Chẳng phải vì số tiền đã trả có hơi nhiều và có hơi đau. Tôi lúng túng mặc cái áo của Tĩnh, thấy mình có hơi run chẳng rõ do đâu. Những chiếc xe bóng lộn đậu san sát hai hàng dài, từng lứa đôi rạng rỡ đi nhau vào nhà tình tứ khiến qua đó tôi trông rõ sự kỳ dị lạc lõng của chính mình. Tôi chợt hồi tiếc đã băng đồng lộ suối đến đây. Tôi đâm hối hận khi nãy ham coi mấy cái hình vẽ tâm bậy tâm bạ để quên khuấy chuyện kiểm tra lại nhân dạng mình lần chót. Dầu gì thì đã muộn. Phước đang đón khách ở cửa vừa trông thấy tôi, cô ta bước xuống bậc cấp với một nét đổi thay chợt hiện ở trên mặt. Tôi nghĩ cùng lắm là mình xác xơ như từ ghe vượt biển đang bước lên bờ. Cái mạng sống còn nguyên vẹn thì hẳn là đã quý giá trời thương cho rồi, đòi chi hơn? Tôi tần ngần thu hẹp khoảng cách. Điều nhận xét đầu tiên và duy nhất là Phước dạo này trông gầy hẳn đi. Xanh xao hay không tôi chưa thể biết được bởi nàng có trang điểm cẩn thận. Chúng tôi nói bằng mắt và cả hai như đồng ý rằng ở hoàn cảnh như vậy tốt hơn đừng nên mở miệng. Tôi thêm muốn được dang rộng tay để ôm lấy Phước nhưng không có thứ quyền lực quái đản nào trợ lực cho phép. Đầu óc tôi chồn vờn nhớ tới Tĩnh, phải chi tôi được ăn tươi nuốt sống Phước, rồi sẽ ngồi xĩa răng nhớ lại dư hương một cách đầy mãn nguyện khoái nhứt trần đời. Tôi cúi mặt, thấy không thực lòng mình nên mượn Tĩnh ra để nói: Tĩnh chuyển lời chúc đến Phước, chúc Phước luôn được hạnh phúc.

Phước bối rối, cô ta muốn nói điều gì đó nhưng có đám người vừa tới vây lấy để rồi cả bọn tíu tít cười đùa lần lượt bước lên khỏi thềm chưa thấy có xác pháo nhuộm đỏ. Tôi lựa một chỗ đứng khuất lấp khi vào hẳn bên trong, nhà sáng trưng ánh điện màu mè hoa lá cành muốn chóng mặt. Chẳng cần gương soi, tôi biết sắc diện mình đã hết vàng và nó đang chuyển qua xanh. Để tự trấn tĩnh niềm hoang mang vô cớ, tôi đốt một điếu thuốc. Khi phả hơi đầu, thấy Phước hiện đến sau cụm màu xanh chóng tan của đám khói.

– Bậy quá, thật kỳ khôi đi mạng không như thế này.

– Ý Nhật muốn nói cái gì?

– Chẳng biết phải mua một thứ gì cho thích hợp để làm quà cho Phước.

– Đừng nói chuyện đó. Nhật vẫn thường?

Tôi không hiểu rõ chữ thường của Phước. Có bị đau tim nữa không? Đám cưới người ta đám ma nhà mình? Và dĩ nhiên khi có đám tang thì phải đổ lệ? Tôi nghịch cái Zippo bằng cách mở đóng nắp lách cách.. Mồ hôi chảy trong tay. Tôi nghĩ thầm, lần này ướm nhẹ cả tay thì cũng hợp lý. Đàn ông con trai mà ướm mi thì nản quá. Tôi nói:

– Vẫn thường.

Phước quan sát tôi hồi lâu, làm tôi hút thuốc không được tự nhiên cho lắm.

– Ngón tay Nhật vàng quá. Dạo này coi bộ hút thuốc nhiều dữ? Hại lắm đó.

Không thấy gặt tàn, tôi dụi điều thuốc dờ vào ụn đất của một chậu cây lá rậm như cái bình phong ngăn che, tôi lựa chọn khi đứng lẫn vào, gần như ẩn nấp. Không hiểu vì sao cho tới giờ phút này tôi vẫn còn nghe theo những lời Phước nói? Dập tắt điều thuốc chẳng do dự là một mình chứng.

– Trông Nhật không được thoải mái... Nếu cứ băn khoăn về chuyện quà cáp thì cho Phước xin cái bật lửa này đi.

– Nó là một kỷ vật...

– Bởi thế Phước càng muốn có. Được không?

Tôi trao cái Zippo vào lòng bàn tay có mang găng trắng của Phước. Tỉnh đã tặng nó cho tôi và tôi rất quý thích vì dấu khắc phù hiệu một binh chủng nổi tiếng ngày cũ trên đó. Tôi hơi tiếc của trong khi Phước hỏi có khát nước không, rồi chẳng đợi, cô ta quay người nhập vào đám đông lao xao rì rào đằng kia. Nỗi hối hận khi có mặt ở đây vẫn còn bám trong trí tôi. Tôi mong có ai quen, để bất thần họ gọi kêu lên cái tên tôi một tiếng thẳng thốt và vực tôi ra khỏi sự dật dờ không rõ có phải do chính tôi tạo lấy? Chẳng có ai. Tôi bước ra khỏi vòm lá chậu cây, nhìn đáo đác chờ đợi. Không một ai. Tôi kỳ vọng là Phước sẽ trở lại với một cốc rượu đậm đặc nồng nàn. Tôi sẽ nâng ly uống cháy cần cổ, chúc Phước lời thừa thãi nhất, xưa như trái đất: “Phước như Đông hải”. Và rồi vượt biên trở về chốn cũ. Tôi sẽ ém nhem sự việc tặng cô ta cái bật lửa khi đến trả áo cho Tỉnh. Sẽ ngồi thâu đêm nghe hân hát những bài tình ca buồn nhất thế giới.



Tôi thực thi đúng lời tâm nguyện. Tôi đã kiếm ra việc làm, dọn dẹp vệ sinh ca đêm đầu tắt mặt tối trong một sở làm việc cao bốn tầng lầu mông mênh vắng lặng chỉ nghe những tiếng thở hì hục của riêng tôi và đồng nghiệp vai u thịt bắp. Dĩ nhiên, để bù trừ cho những hư hao, cơ thể cần ngủ ngày, nường càng lâu trên giường càng tốt.

Vậy mà giờ này, chuông điện thoại kêu réo từng hồi dai như đĩa đã lồi tôi dậy lúc mười giờ sáng. Mạ tôi tóc bạc đang chen lấn đồ mớ hôi sôi nước mắt sắp hàng đi nhận lãnh gói quà, cũng vì tiếng chuông ác ôn mà lay động biến mất. Chẳng rõ mấy lọ thuốc tây có bị đánh thuế bầm dập tàn nhẫn không? Hoặc mấy con quỷ đói bên đó có các cố tráo đồ dỏm vào để bà già ì ạch tha về nhà háo hức mở ra coi rồi lại chửi đồng, oan cho tôi: Bộ Canada hết thuốc hay rằng mà hấn lại đi mua xuyên tâm liên? Cái đồ bất hiếu.

Tiếng chuông vẫn từng hồi hồi thúc inh ỏi. Người gọi có lẽ biết rõ tôi còn nằm đây nên kiên nhẫn đợi, không buông tha. Và chắc là người gọi chưa hề biết tôi chúa ghét tiếng chuông điện thoại. Hấn là không phải Phước ở bên kia đầu dây?

– Tao chỉ thức mày dậy khoảng năm phút. Tao nói cho mày biết có lẽ tao sẽ vắng mặt một thời gian.

Tôi dụi mắt. Nắng ngoài cửa sổ có treo màn thoát trông như một bức tranh chơi toàn màu vàng, màu vua chúa và hoang sơ giống bức tranh dầu “Trắng qua vùng động đất” treo đằng nhà Tĩnh.

– Tao đi xa, hát quyên tiền giúp thuyền nhân hoặc làm một việc có ý nghĩa nào đó. Tao không biết sẽ nói với mày điều gì... Thú thật tao cũng có cảm tình với Phước và tao mong mày có lối xử sự tốt đẹp...

– Ông nói gì tôi chẳng hiểu. Ông vừa đánh thức tôi dậy hay tôi còn mơ ngủ đây?

– Khi bỏ quên miếng giấy trong túi áo veste, mày vô tình hay muốn làm vậy để tao biết rõ chuyện đó?

– Miếng giấy? Bỏ quên?... Ông lộn xộn thấy mẹ.

– Được rồi. Cần tao đọc ra không? Thôi khỏi. Cứ xem như mày chưa biết. Thôi ngủ lại đi.

– Tĩnh à. Ông làm ơn đừng chơi kiểu đó được không? Ngủ nghe gì nữa. Tôi đang tỉnh rụi đây. Đọc lớn ra đi. Lời hăm dọa hay một chúc thư?

– Đừng đùa. Tao chỉ đọc một đoạn nhỏ thôi... “Phước nghĩ là đã

có thai. Vì thế, một cái đám cưới trong lúc này, suy cho cùng nó là một ngày vui thật sự...".

Tĩnh không đọc tiếp. Cũng đúng. Chứng đó đã đủ làm tôi chơi với. Tôi chắc là mình không bị đau tim. Bởi nếu có, hẳn tôi đã vật mình trở lại xuống giường nằm ngất ngư nghe máu huyết trở ngại sự tuần hoàn, nghẽn lối về tim. Phước đã nhẹ nhàng nhét tờ giấy vào túi áo hồi nào tôi chẳng hay? Sự im lặng kéo dài, gần bằng thời gian của những hồi chuông reo khởi đầu, rồi bên kia Tĩnh gác máy sau mấy tiếng a lô, alô cầm chừng. Tôi nhớ lại một vùng da thịt của Phước. Những giọt nước mắt chảy trông long lanh như ngọc trai, dù chỉ nhìn thấy qua bóng tối ngập tràn tội lỗi và dấn vật.

Tôi dẫn mạnh cái điện thoại về vị trí cũ. Màu nhựa đen của nó khi không mà trở nên bóng loáng. Trời đất ơi! Ngay đến đồ vật vô tri mà cũng biết đồ mồ hôi xuất hạn dầm dìa sao?

Hồ Đình Nghiêm.
06/89

**TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA
BỆNH TRÍ**

- * CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER ĐÚT TUYẾT
- * PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
- * KHÔNG CẦN NẤM BỆNH VIỆN
- * KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
- * TRỊ NỘI, TRỊ NGOẠI, TRỊ SA
- * MẠCH LƯƠNG, SA RUỘT, MÔNG GÃ
- * UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỤ, SẠN MẬT
- * CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUÌ ĐẦU,
- * SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SON TRÉ.

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYỀN , M.D., F.A.C.S.
TỐT NGHIỆP BANG CHUYÊN KHOA GIAI PHAU TONG QUAT TẠI UNIVERSITY PITTSBURGH
TỐT NGHIỆP SIÊU CHUYÊN KHOA GIAI PHAU DUONG RUOT VA TRI KHOA TẠI FERGUSON CLINIC, MI.
NGUYEN GIANG SU DAI HOC Y KHOA SAI GON

**NHẬN MEDICAL-MEDICARE-TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT**

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207 WESTMINSTER, CA 92683 (714) 898-1177	1905 N. COLLEGE AVE., SUITE C SANTA ANA, CA 92706 (714) 558-1386
---	---

Lê Bi
SỬ MAI

I.

*Có những hiện diện của các anh các chị
Như nổi từ Cà mau tới ải Nam quan
Để bốn ngàn năm có cùng một chí
Trước mặt là đường tìm lại Việt nam.*

*Từ những phù sa sông Hồng sông Mã
Những bài ca giữa trời đất hài hòa
Đã vang vọng từ trống đồng giục giã
Dưới bóng chim rồng là mẹ là cha.*

*Những bờ đê những ruộng đồng đã mở
Những làng thôn này sắp xếp nề nếp loài người
Di chúc ông cha đã khai thuận hồn sử
Trăm nghìn này bọc tị một nơi.*

*Có đứa trẻ vươn vai lớn lên từ làng Gióng
Thì gốc tre này cũng có thể thành vũ khí đánh thù chung
Bà Trưng bà Triệu đã mở đường đập sóng
Ở một nơi ai cũng có thể thành anh hùng.*

*Những cọc sắt đã đóng chặt vào tường thành dân tộc
Để sông Bạch đằng đến nay còn hồng*

Đất nước Nam là dân Nam làm chủ
Trời sao này đã có tự di chúc chung.

Dù thắng dù thua lúc cường lúc nhược
Toàn dân sẵn sàng nếm mật suốt mười năm
Để có bảy ngày phá tan hai trăm ngàn quân giặc
Lịch sử của ta không hề chữa ngoại xâm.

II.

Có những hiện diện của các anh các chị
Như trăm con cùng lịch sử lên đường
Lớp lớp hàng hàng cùng dấu chân hào khí
Của những người nhập cuộc cầu quê hương.

Từ Nguyễn Cao dùng tay không móc ruột
Trong máu bụng ta chỉ có sự thủy chung
Mười tám thôn Vườn trầu vẫn nuôi xanh màu xanh của sử
Lấy tâm vong mà dựng tám mươi hai mộ anh hùng.

Từ Phan Chu Trinh bình tâm mà dũng dạc
Chữ Quốc Dân phải đem máu viết thành hoa
Vạch tội bảy điều hôn quân đốn mặt
Ôm gót thực dân đạp cổ dân ta.

Một Phan Bội Châu khai lên hồn sử
Thập tự trên vai là hồn nước trơ xương
Thần chí này chí lớn dậy với quê hương
Khi thất bại trở về mệnh người ôm mệnh nước.

Giặc có truyền bá văn minh máy chém
Khí thế những anh hùng Yên Bái vẫn hô to
Ngửa mặt với bình minh, ôi đất trời biên biệt
Tiếng "Việt nam muôn năm" đã có tự bao giờ.

Máy chém giặc không thể cắt đứt hồn lịch sử
Nên một trăm năm đất nước vẫn không ngừng những kẻ đánh
thực dân

Nhờ trí tuệ đảng hay nước mắt dân lành?
Cái tủ lạnh Lê Duẩn hứa hẹn trong vòng hai mươi lăm năm tới
Sẽ đựng gì khi cả nước đói quanh năm?

Họ cải tạo những trại tù ra thiên đường nguyên thủy
Họ đẩy ngược cả thời gian đưa con người về loài khỉ
Khuôn mặt đói xanh của em bé lên chín lên mười
Sống với bản năng cũng đủ trở thành tù nhân chính trị.

Những xác bộ đội ở Biển hồ, ở Đồng chum, ở tận biên thùi xứ Thái
Có biết mình đã chết vô tình cho chiếc áo viễn chinh?
Những con trâu, mẩu lúa, xóm làng nằm tức tức ở vùng Việt bắc
Có bao giờ ngờ đáp số của tình anh em quốc tế là chính
mạng sống mình?

Đồng chí này bắn xập cửa Hữu nghị chưa ráo màu sơn đỏ
Đồng chí kia phá tan tàn hang Pắc bó
Dọn rộng chỗ thi đua nhau bá quyền lớn, nhỏ
Dân chúng Đông dương sẽ đóng góp thêm xương khô.

Những dân làm mồi cho sóng dữ hay trong hầm tàu hải tặc Thái lan
Có nhớ bài "Bình Ngô" để biết nước mình đang bị trị bởi hàng ngàn
tên Trương Phụ

Hãy ngó lên cái lăng cao chễm chệ ở Ba đình
Vừa đầu thai lại hàng trăm tên toàn quyền Tây hưng dữ.

Cho nên sự hiện diện của các anh các chị
Là lên đường để dành lấy ngọn cờ
Tiếng hát Diên Hồng sẽ làm mới phần linh khí
Mà mình chúa lân này sẽ là lòng dân.

IV.

Có những hiện diện của các anh các chị
Như những nhánh sông mẹ đã quen đất bình nguyên
Ở một nơi ai cũng có thể thành chiến sĩ
Và bà mẹ già cũng không muốn ngồi yên.

40 - Văn Học số 42

Một nước nhỏ bé ở ngã ba, ngã bảy
Chẳng phải tình cờ mà xương máu cha ông đã bồi đắp nổi núi sông
Dài bốn ngàn năm chỉ một quy luật
Kẻ địch nào cũng phải bại vong.

Phải vạch rõ những đường ranh giới
Kẻ địch bên ngoài, lịch sử bên trong
Phải chỉ mặt những tên giả danh dân tộc
Đưa mấy mươi năm vô định giữa máu xương.

Chắc phải do linh khí núi sông dồn tụ lại
Để thành một Hưng Đạo, một Nguyễn Trãi, một Quang Trung
Để thành muôn anh hùng không tên tuổi
Để lòng dân bay thành những khát khao chung

Chắc phải có gì bên kia đêm tối
Dân ta cầm lịch sử là chiếc gương soi
Dù thất bại mười năm, hai mươi năm, vẫn có người tiến tới
Bên trong Việt nam phải mọc mặt trời.

V.

Có phải mẹ cha đã từng quây quần bên sông Hồng sông Mã
Những bàn tay xưa đã nối đến sông Cửu sông Đồng
Có phải đỉnh Hoàng Liên sơn vẫn ngày đêm thức giấc
Để những thuận hòa thành tình nghĩa núi sông.

Là bắt đầu yêu những bài thơ chính trị
Vì đã nghe ra từ xương máu muôn dân
Là thương cả bốn ngàn năm đang cùng bước tới
Những hài hòa từ một xuất xứ lương tâm.

Ngay cả giấc mơ bây giờ cũng không nằm yên nơi nghĩ
Ở hai đầu thế giới vẫn chỉ nhìn thấy một con đường
Là non sông chúng ta vẫn còn hào khí
Ra đi lần này không cần phải ngoái đầu.

1982

Nguyễn thị Hoàng Bắc
MÂY LẠC

Gửi các con thương yêu

Mãi mãi mây thu lạc cuối trời

Tình thu khôn xiết, nhớ khôn nguôi

Quỳ bên chồng giấy chưa thành sách

Ta sẽ kêu thầm, em gái ơi!

(Hồ Dzếnh)

Xe qua một khúc đường bụi mù. Càng xuống phương nam, mặt trời hình như càng dữ dội hơn.

Phía trước “ông chủ” “bà chủ” vẫn vui câu chuyện. Chiếc “van” vẫn bon bon trên đường trường. Qua một khu phố chắc là thuộc miền quê có những căn phố nhỏ sắp hàng trời sục trông giống hệt như một đoạn đường nào đó của Trương Minh Giảng hay Hàng Xanh thuở nào. Đột nhiên, tim Hương nhói xuống một chập: có lẽ nào, *vui chân* mình đã lạc tới nước non này và có lẽ nào *vui bụng* rồi mình sẽ đời đời sinh cơ lập nghiệp nơi đây? Quay lưng lại với một quê hương đã đóng chặt cửa để rồi như những lời cáo phó trên các báo Việt Nam tin đã có hàng hàng lớp lớp người Việt trẻ già đang vĩnh viễn an nghỉ trên mảnh đất xa lạ này? Một khúc đường Trương Minh Giảng nắng bụi tưởng tượng, một tấm phong Sở Thú sau lưng một nàng ca sĩ ỡng ẹo liếc mắt đưa tình gọi từ trong nước ra, ôi làm sao có thể như gã đàn ông thánh giả vô tình và háo sắc cứ mãi liếc nhìn cái nụ cười ánh mắt của em bé xinh đẹp đang ca hát kia? Hương thấy mình gần như đã bị thu hồn vì cái

phong cảnh Sài Gòn cũ, bến Bạch Đằng hay cái đồng lúa đang vàng úa.. mặc kệ bài hát trôi đi chẳng dính dấp gì tới cái khung cảnh đằng sau. Từ trong chốn xa thẳm (ở nơi nào, trong đáy tim tôi đang bóp máu hay trong đám tế bào não nhỏ li ti?) có tiếng réo gọi đau đớn chua xót nghẹn ngào.

Con bé Mỹ con vẫn ngủ ngon trong chiếc giường bé. Hương nghĩ có lẽ mình cũng nên chợp mắt đi một lát, không biết đã sắp đến nhà của họ chưa...

Căn nhà nhỏ yên tĩnh nằm khuất trong một con đường vắng. Nghe bà chủ kể trước kia hồi mới cưới nhau hai vợ chồng đã bắt đầu sinh cơ lập nghiệp ở đây, nên dù đã đi làm ăn xa họ vẫn giữ căn nhà lại như một kỷ niệm gọi lại cho những kỳ nghỉ hè.

Hôm qua, trời thỉnh thoảng mưa, những giọt mưa hè rào rạt nặng hạt và hứa hẹn đi kèm với những cơn sấm chớp dữ dội dì dưng. Hương đang đứng ở cửa quay lại ngạc nhiên thấy cái áo khoác của ông chủ Richard còn vắt trên ghế, Hương giật vội rồi chạy với theo. Richard mở tung cửa trước xe rồi rít hổi Hương:

– Nhanh lên, bước hẳn vào bên trong xe thôi, Hương ướt hết đó!

Hương trở vào căn nhà trong, con bé vẫn còn đang ngủ ngon. Hương mở tủ lạnh lục đục lo làm xong bữa cơm chiều.

Ông chủ Richard và bà vợ Diane quyết định kỳ nghỉ hè này về căn nhà cũ ở miền Nam này nghỉ hè và vì muốn *tranh thủ* xuống cân tiện thể nên họ nhất định chỉ ăn cơm Việt Nam trong suốt tuần lễ. Đó là lý do vì sao Hương được họ mượn đi theo.

Tháng trước đang làm công việc xếp giấy cho một hãng in thì chủ hãng tuyên bố phá sản đóng cửa, đang bơ vơ hốt hoảng vì đào đâu ra tiền nhà cho tháng tới thì thỉnh linh Liễu gọi.

Năm ngoái cũng vào tháng này, công việc ở hãng bận, ngày 5 tây đầu tháng lại nhằm ngày thứ bảy, qua một ngày chủ nhật, thứ hai nữa, Hương đi làm về vừa tới cửa đã đụng đầu ngay một bức thư đòi tiền nhà dán nơi cánh cửa, cộng thêm tiền phạt 25 đồng và nếu trong năm hôm nữa mà không trả được tiền nhà thì phải dọn ra khỏi cửa.

Cái kinh nghiệm ngỡ ngàng và sống sượng quá, Hương vừa ngạc nhiên vừa hoảng sợ: hóa ra đời sống hôm nay của mình đã khác với đời sống trước nhiều đến như vậy sao? Hai chân bước mau rượt cho kịp những chuyến xe buýt đi về, hai tay đếm giấy, mắt liếc số trang số tờ không kịp thở, nhanh tay thoăn thoắt trong tiếng máy chạy xì xịch dai dẳng đến nỗi đêm về đâu đây tiếng máy còn nghe chạy rì rầm ịch bên

tai... Rồi bỗng nhiên mất việc. Đôi chân được ngồi yên mà lòng như hơ trên đồng lửa, hai tay cuống quýt đưa tới trước muốn bầu víu vào bất cứ chỗ nào có thể nắm được, tiến tới thì ngã nhào, lui lại thì biết tựa vào đâu? Mất thềm quầng mất ngủ, đầu lại nặng như có khối sắt đè khi ngồi bên tiếng máy.

Richard và Diane là một cặp vợ chồng Mỹ trẻ ít nói.

Hương chiều theo ý họ, nấu nướng pha chế theo lối Mỹ, giảm bớt gia vị cay chua theo lời chỉ dẫn của Liễu. Liễu thì rành việc này, sang đây ba năm, làm quản gia cho hai vợ chồng một luật sư Mỹ không con, sáng lái xe đến nhà chủ nhận tiền đi chợ, xếp đặt thức ăn vào tủ lạnh đầy đủ ngăn nắp, dọn dẹp chần màn nhà cửa phòng ốc... Chiều thứ bảy chủ nhật hay những khi có khách thì mới phải ở lại buổi tối để lo bữa ăn.

Liễu, cô tiểu thư con quan đại tá, hoa khôi của lớp đệ tứ A hồi đó, Liễu mà có lần đi nằng sông Hương nón lá bay mà cháu trai của “cậu Cẩn” dạo đó phải chạy rượt theo nhặt cho được để đưa trả lại lấy lòng người đẹp năm nào! Liễu, tà áo tím phát phơ, đôi tay có những ngón dài chấp lại mang chuỗi hạt đen kèm cây thánh giá trắng, những buổi chiều trầm ngâm trong bóng tối nhà nguyện đã làm bóng chiều trên hàng ghế châu bồng cũng ngẩn ngơ. Tượng thánh và các thiên thần trên cửa kính bên tường hình như cũng đang mỉm cười thiên vị riêng với người con chiên ngoan ngoan có đôi mắt đẹp sùng kính kỳ bí và trang nghiêm của những lần ngược nhìn cầu nguyện.

Liễu giảng giải:

– Tụi Mỹ nó coi vậy chứ tốt, dễ chịu và biết thương người lắm... Không sao đâu, mày đang thất nghiệp, sẵn có dịp vừa được đi nghỉ hè vừa được có việc làm... Nấu ăn, đừng nêm nếm cay quá theo kiểu Huế tụi mình, đồ ai ăn được! Mày nên nấu pha phách giống như kiểu cơm Tàu, mặn một chút không sao. Tụi này tuy “tiến bộ” nhưng chưa đến nỗi biết ăn nước mắm. Ma gì hoặc xì dầu “tổng” vô cho tụi nó là xong. Vừa làm, Hương vừa nhấm thềm lời Liễu dặn và mỉm cười vì cái lối nói như một “chị hai” chuyên nghiệp và thực thụ của Liễu.

Chiều nay Hương làm món gói gà với thịt ít nhiều rau cải và hành tây. Richard và Diane ăn rất ngon miệng kể cả món cháo đi kèm. Bánh phồng tôm thì họ chỉ ăn như ăn tráng miệng, Hương tiếc rẻ ăn không hết dành đem đốt. Chả giò, hôm mới tới đã ăn rồi, ngày mai họ lại đòi ăn nữa. Richard có lẽ cũng cỡ bằng tuổi Hương, Diane thì trông trẻ hơn. Nói chung, họ không có cái vẻ lầu tầu thân mật ồn ào như những

người Mỹ khác, tuy vậy không hiểu sao đôi khi cái vẻ trầm lặng cách biệt khiến Hương rất chạnh lòng tủi thân. Hương tự nhủ một điều: chỉ nên âm thầm làm việc, không dám và cũng không thích nói chuyện nhiều với họ, sợ có khi phải nói động chạm điều gì đến chuyện gia đình chồng con vì biết phải nói làm sao... Cho tới lúc Hương nhận lời đi nghỉ hè với vợ chồng Richard, bốn tháng nay rồi chưa thấy có thư Ngô!

Nếu mà anh ấy biết mình đã ra nông nỗi này!

Richard nói:

– Hương lạ quá, không mấy khi chịu ngồi ăn cơm chung với vợ chồng chúng tôi. Tiếng là ăn cơm Việt Nam mà đôi đũa cầm lên còn rơi xuống, chỉ tại chị không chịu dạy.

Chiều nay Richard uống nhiều bia nên nói có hơi nhiều hơn mọi bữa:

– Hương có thích căn nhà này của chúng tôi không? Chị có thấy thích vì phong cảnh miền Nam không?

Richard trầm ngâm:

– Chắc Hương cũng thấy cây cối ở đây tiêu điều quá, vậy mà không hiểu sao tôi lại say mê cái thiên nhiên ở đây. Năm nào cũng phải về một lần, cho cái máu thổ dân da đỏ trong người mình nó chảy rạo rục lên một lần, thấy thoải mái quá... vậy mới chịu nổi. Ngày mai tụi này đi câu ở sông gần đây, chị đi không?

Richard uống bia, cần cổ đỏ lên, lấm tấm có những hạt tim tím như cổ con gà tây. Diane săn sóc chồng, lấy khăn ướp đá lạnh tắm lên cổ vuốt vuốt cho Richard. Xem họ chiều chuộng yêu thương nhau, chiều chuộng săn sóc con cái rất đầm ấm. Ánh đèn trong phòng sáng nhạt, bàn tay Diane trắng mịn đưa đi đưa lại trên cổ Richard giờ đã trở lại trắng trẻo dưới ánh đèn. Diane mặc chiếc áo mùa hè cổ rộng có những đóa hoa lấm tấm hai màu xanh hồng.

Diane quay lại nói với Hương:

– Tôi đang có mang, Hương biết không, làm biếng ăn lắm. Vậy mà Hương nấu ăn ngon quá, dạo này tôi thấy mình khỏe hẳn ra. Ông Richard nhà tôi nói là *diet* chớ thật ra tôi bảo đảm với chị cứ ăn uống kiểu này có nước ổng lên thêm vài chục *pound*.

Richard phá lên cười, nhìn Hương nói “cám ơn, cám ơn”. Hương mỉm cười đáp lại lí nhí mấy tiếng. Khuya rồi, vợ chồng con cái đã rút vào phòng ngủ trước như lệ thường. Hương dọn dẹp bếp núc, đi tắm xong ngồi nghỉ mệt ở cái ghế bành kê bên cửa kính nhìn ra sân sau. Cả một khoảng sân rộng nối tiếp là một khoảng rừng xa lờ mờ sau cánh

cửa, một mảnh trăng cắt xén nhợt nhạt nhưng tuy vậy vẫn còn được là màu trắng. Có điều gì giống như sương khói mờ mờ trong khoảng cách giữa căn nhà và khu rừng. Căn nhà đóng kín bằng cửa kính, giá mà tưởng tượng có một tiếng chó sủa vu vơ nào đó hay xa hơn, tiếng một đàn sói tru lên lạnh lạnh rợn người giữa đêm sâu, thiên nhiên ở miền Nam chắc phải sinh động rừng rú nguyên thủy hơn cái thiên nhiên vẫn cứng đờ nơi những thành phố lớn xe cộ ngược xuôi.

Thình lình chuông điện thoại reo lên lạnh lốt. Hương hoảng hốt giật nảy người, trống ngực đánh thùm thụp, chết nỗi, lỗi này tại mình hôm nay dọn dẹp khuya quên không rút điện thoại ra như mọi bữa Richard và Diane vẫn dặn. Phá giấc ngủ của họ, thật phiền và khổ quá, không biết ai có việc gì mà lại réo nửa đêm.

Như cái máy Hương nhắc điện thoại lên:

– Hello?

Đằng kia một giọng trẻ con nhào nhọt vang lên:

– May I talk to Hương, my mom?

Giọng thằng con út của Hương nhào nhọt nát nhoe, Hương hấp tấp ghé sát miệng vào điện thoại thì thào:

– Mẹ đây con. Út đó hả?

Út chỉ kêu được một tiếng “Mẹ!” rồi có tiếng ầm ức. Có tiếng con chị nó giật điện thoại nói nhanh:

– Con đã biểu nó đi ngủ đi, mẹ đi làm xa, vài ngày nữa mẹ về mà nó cứ đòi gọi cho được, nói mấy cũng không nghe.

Út giành điện thoại rồi mếu máo:

– Mẹ gần về chưa mẹ? Con đi học về ở nhà một mình con sợ... Chị Trang cứ bắt đi ngủ sớm không cho con coi tivi.

– Thôi gác máy đi, hai ngày nữa mẹ về! Nhớ nghe lời chị Trang, mẹ về mẹ mua quà!

Út nói với một câu tiếng Mỹ: Mẹ, con nhớ mẹ lắm, mẹ về mau mau nhớ mua bánh kẹo với quần áo đẹp cho con nhen.

Hương gác máy rồi rút điện thoại. Căn phòng nhỏ ấm, giường nệm phẳng phiu, cái tivi nhỏ và đồng hồ báo thức để đầu giường, Hương bật đèn ngủ nằm xuống nệm. Trời mùa hè, trong nhà phải mở máy điều hòa mà bỗng nhiên Hương nghe ớn lạnh ở xương sống.

*

* *

Ngô nằm xích sát vào trong vách rồi nói với vợ:

– Em nằm xuống đi, làm cái gì mà đi qua đi lại mãi anh... chóng

cái mặt quá!

Ngô ấn cho vợ ngồi xuống cạnh mình, chàng quàng tay qua ôm chặt Hương lại rồi hôn nàng:

– Ai mà dám nói cô này là gái hai con...

Hương vùng vằng trong tay Ngô:

– Đó đó, lại máy tán bắt đầu mở ra... nói bậy rồi đó!

Giọng Ngô nửa đùa nửa thật và Hương vẫn bật cười vì cái bộ tịch điệu cợt mà vẫn thoát ra cái gì rất thật của chồng:

– Thiệt đó, thiệt mà... nãy giờ thấy em đi qua đi lại dọn dẹp trong phòng anh ngắm em... đã mắt quá. Em còn đẹp hơn... con gái mười tám là cái chắc!

– Thôi đi, cái miệng tán gái leo mép quá, chỉ sợ ra đường ngứa miệng tán... sảng, có không?

Ngô ghì chặt lấy vợ và bịt miệng nàng bằng những cái hôn sâu.

Không đâu, Hương nghĩ, không phải chỉ có vợ chồng Mỹ mới biết yêu đương đắm đuối với nhau đâu, vợ chồng Việt Nam như vợ chồng Hương còn gấp vạn gấp trăm ngàn lần. Có điều họ kín đáo giữ gìn trước mặt con cái, nhưng những khi riêng tư trong phòng một mình với nhau, nổi buông thả cuồng nhiệt, tình yêu thấm đượm như mỗi ngày mỗi thức dậy lại thấy tràn đầy, như dòng sông tuôn mãi nước từ nguồn bao la không dứt. Hương mỗi ngày như mỗi chìm ngập. Hơn ai hết, Hương biết, không phải Ngô chỉ mới biết Hương là người con gái đầu tiên và duy nhất của chàng, nhưng từ khi lấy nhau Ngô chỉ biết có nàng, những chiều chuộng ngọt ngào thủy chung của đời chồng vợ mà Ngô cho, Hương không thấy còn có gì để đòi hỏi hơn được nữa. Lúc nào với nhau, họ cũng cảm thấy rõ rệt hạnh phúc như đang sờ mó được. Cả những lúc ghen tuông hờn giận cãi cọ rồi lại xin lỗi làm lành, lại yêu đương, lại ghì siết ân tình.

Ánh trăng và khu rừng bên cửa kính như đang thử người ngắm nghĩa lẫn nhau. Và có một người thứ ba nữa đang ngắm nghĩa lại chúng là Hương. Có cái gì gần như sự xúc phạm đến nỗi niềm thầm kín thiêng liêng của đời người khác khiến Hương quay vào phòng tắt đèn và lần này quyết định bảo mình phải đi ngủ. Mổ tóc đen giờ đây đã cắt ngắn thả lòa xòa trên gối. Ngô thường thích nghe mấy câu thơ phổ nhạc:

Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay

Tóc em anh sẽ gọi là mây

Ngày sau hai đứa mình xa cách

*Anh vẫn được nhìn mây trắng bay **

Nhưng Ngô nói với vợ:

– Dại gì, anh sẽ chẳng bao giờ gọi tóc em là mây là mưa nào hết. Bởi không có trở lực nào trên đời này có thể chia rẽ được em và anh. Mây của anh sẽ chẳng bao giờ bay đi để anh phải cầu cứu tới mây trời...

Trong đáy lòng dâng lên niềm xúc động sâu xa và trong bóng tối Hương khẽ chùi giọt nước mắt hạnh phúc. Ngô vốn người cao lớn, cao hơn Hương cả một cái đầu, nên mỗi khi nằm với nhau, Hương vẫn ấm áp ép mặt mình vào sát ngực chồng để lắng nghe hơi thở, nhịp tim đập nồng nàn, cái mùi quần quít quen thuộc và ngất ngây vì nỗi niềm được che chở.

Có tiếng lệt xệt hình như Diane đang đi vào phòng tắm. Hương lo lắng không biết có phải Diane phiền hà bị thức giấc vì hồi chuông điện thoại khi nãy không, sáng mai gặp họ mình nhớ phải xin lỗi. Bởi hồi Hương với tắt đèn đêm, rồi bỗng ước gì mình được khóc òa nức nở thành tiếng như một đứa trẻ.

*

* *

Mẹ quỳ thẳng đứng, hai đầu gối gầy mà không thấy run rẩy khiến Hương đứng sau lưng mẹ sợ hãi cơ hồ như đang nín thở. Hương tiến lên đặt khẽ đĩa cơm lên bàn thờ rồi chấp tay đứng yên ngó mẹ. Mặt mẹ nhăm nhiền trang trọng, hai mắt quầng thâm với những vết nhăn xếp nếp rất nhiều quanh mắt, môi mím chặt nghiêm trang nhưng trông mẹ không buồn bã khắc khổ như bình thường. Mẹ trông lạnh lùng bình thản quá. Bàn tay chấp lại đang khép hờ thể hương, khói hương bay vòng vèo lơ lửng quanh mặt mẹ. Hương bỗng kinh hoàng suýt kêu lên thành tiếng vì điều liên tưởng vừa bật đến như ngọn đèn vừa lóe sáng trong đầu: trông mẹ y hệt như nét mặt của một người đã chết rồi. Ngày bố chết, vẻ nghiêm khắc lạnh lùng của vầng trán cao lóng lánh, cái miệng mỏng mím chặt biến mất, chỉ còn vẻ bình tĩnh thản nhiên nguôi lạnh, đúng hệt như nét mặt mẹ đang quỳ niệm hương trước bàn thờ lúc này.

May mà mẹ đã mở mắt ra, cắm hương lên bàn thờ và lui ra để cho Hương vào lạy.

– Đầu năm đầu tháng mảy cũng phải nên kiêng cử trong nhà trong cửa một chút thì làm ăn mới khá được.

Tết năm đó là tết cuối cùng Hương còn ở lại Việt Nam.

Trong một bức thư từ trại học tập gửi về cho vợ, Ngô viết: mẹ anh là người đã sinh ra anh và mẹ em chính là người đã sinh ra anh lần thứ

hai. Lần đó, không có mẹ ra kịp thì không chắc gì giờ này anh còn rần sống ở đây để hẹn với em với con hãy chờ đợi anh.

Hương và Ngô đã có một bà mẹ thật phi thường! bà già đi một hơi mười mấy cây số đường rừng, cuối cùng ngất xỉu nơi một đường mòn, một chiếc xe bộ đội đang leo núi nhất được cạ đang nằm thoi thóp gần bất tỉnh, họ chở giúp cạ lên đỉnh núi: vậy là cạ gặp đúng được người con rể mình là Ngô đang ở đó. Sau khi tập trung cải tạo được một tháng, Ngô vừa yếu sức vừa lo buồn nên đã vừa sốt rét vừa kiệt lực rất nặng. Lúc bà mẹ lên tới, Ngô đã được cho ra khỏi trại mắc võng nằm ở bìa rừng, cái xác người chỉ còn cử động yếu ớt này không thể trốn đi đâu được. Bỏ hóng bu đây hai mất mà Ngô cũng không gượng dẫu duỗi được thì liệu có thể trốn thoát đi đâu? Ngô đang là một cái xác tù chờ chết nên không cần phải canh gác, thì mẹ lên tới kịp. Mẹ lại trở xuống, đi quá giang xe bộ đội, đi bộ, đi xe thồ, đi dò qua sông, đủ mọi cách, mẹ xuống tới phố mua đủ mọi thứ thuốc tây và nước biển đem lên cứu sống Ngô.

Thằng cu Út lúc đó còn đang nằm trong bụng Hương! Mẹ đã tiên liệu trước mọi chuyện nên đã giành đi nuôi rể hộ cho con gái.

Tuần lễ trước khi quyết định đi xa, Hương về thăm, mẹ cứ thở dài:

– Tao không hiểu làm sao cái đất nước này lạ lùng quá! Ba mày theo kháng chiến đánh Tây bị Tây bắt bỏ tù, bỏ mẹ con mình xang bang xất bát... Hừm, ông già mày ổng gặt qua gặt lại tao không biết bao nhiêu lần! Lần nào vô thăm ổng trong tù, ổng cũng hẹn: cứ về đi, yên tâm tháng tới có đợt thả tù, thế nào cũng có tên tui, má nó cứ lo mua đậu mua đường để sẵn, tui về tới là có sẵn mà cúng tạ ông bà... Tây rút rồi, Mỹ Ngụy gì tao có biết, tao gả mày được cho thằng Ngô, cũng mừng thăm tưởng thằng này chỉ biết làm ăn “công chức” đâu có lính tráng súng ống gì, vậy mà rốt cuộc nó cũng giao con cho mày mà đi... ở tù.

Giọng mẹ ngậm ngùi đau đớn quá, Hương phải gạt ngang:

– Má nhắc chi hoài chuyện đời xưa! Cả nước ở tù chờ bộ mình ảnh bỏ con đi ở tù sao mà má trách?

– Mày không biết chờ hồi ba mày đi kháng chiến, liên lạc về thành đất tao lên thăm ổng, băng rừng lội suối không khác gì hồi đi thăm nuôi thằng Ngô. Có điều hồi đó tao còn trẻ, mới sanh có một mình mày, hai bắp chân tao trắng quá, tui liên lạc cứ hỏi: “chị Năm này, lấy bùn trét vô bắp chân giùm đi, qua đồn Tây nó thấy được nó nghĩ là nó bắn cho què giò đó”.

Mẹ suy nghĩ rồi chắc lưỡi:

– Cái thằng bộ đội hôm nọ kéo tao từ dưới lề đường lên xe của nó, cái thằng còn trẻ măng, nói tiếng Bắc kỳ. Con cái nhà ai thấy cũng tội nghiệp, mặt còn trẻ rớt ra mà nước da thì đã vàng bủng xanh lè. Khi trở lên lại mua thuốc cho thằng Ngô tao có ý kiếm nó cho nó gói thuốc Salem mà nó đi đâu mất.

Hương hỏi cho có chuyện:

– Rồi má đem gói thuốc về à?

– Đâu có, má cho thằng y tá chích thuốc cho thằng Ngô chớ! Bộ đội cũng có đứa này đứa khác con à. *Con cái nhà ai...* Mẹ cứ mỗi lần nhắc chuyện cũ là mỗi lần cứ than *con cái nhà ai* đến nỗi sau này Hương và cô em gái muốn nói hành nói tỏi bộ đội công an thì lại gọi “mánh” họ là *con cái nhà ai*. Lần đó Hương về nhà nhờ mẹ cầu nguyện van vái Trời Phật để Hương và các con qua mặt được *con cái nhà ai* để thoát đi.

*

* *

Đi nghỉ hè về thì Richard và Diane cùng giới thiệu Hương vô làm ở một tiệm giặt ủi của một người bạn của họ làm chủ. Trời đang mùa hè, tộp “thợ ủi” như Hương tha hồ mà *mồ hôi ướt đầm rớt xuống như mưa* thấm lỗ chỗ và kêu lèo xèo vào cái “thớt ủi”. Hương và mấy người đàn bà Mễ nữa phụ trách chuyện ủi khăn bàn và khăn ăn. Những chiếc khăn cầu kỳ thêu hoa chạm lá ở các góc cạnh điểm màu tươi thắm, những giọt rượu vang đỏ hồng rớt trên những cánh hoa xanh, những chấm thức ăn vương vãi rải rác trên những cành nho lá nhỏ thêu chỉ trắng muốt, dấu vết của những tiệc vui liên miên bất tận, ngày nào cũng có khăn trải bàn để giặt để ủi, không biết tại nhà giàu này nó tiệc tùng la đà say khướt rượu sòng núi thịt như đời Kiệt Trụ hay ăn vào phải móc cổ cho nôn ra như các ông hoàng La Mã xưa kia hay không?

Hương lập tức chặn ngay ý nghĩ như bấm cái nút tắt trên máy, không dám để đầu óc chạy vẩn vơ... vì nếu sơ ý một chút chạm phải cái vòng niềng sắt bao quanh cái “thớt ủi” là phỏng nặng ngay. Chị “hàng xóm” người Cuba cũng “điều khiển” một cái “thớt” cỡ như Hương, đứng bên cạnh, mồ hôi nhễ nhại chảy dài trên cái nét mũi rất xinh, mắt cận thị đeo kính mà mồ hôi cứ nhỏ giọt vào hàng mi cong. Giờ nghỉ giải lao mười phút, chị ta thường bập bẹ nói chuyện với Hương:

– Tôi được tị nạn chính trị ở đây. Tôi là dân Cuba, trước kia tôi học bốn năm ở đại học La Habana, ra trường đi dạy sinh vật.

Tuy vậy chị ta vẫn còn có điều để tin yêu cuộc đời hơn mình nhiều:

50 - Văn Học số 42

– Tôi đang học Anh văn miễn phí ở nhà thờ. Người ta bảo tôi chỉ cần học trong vòng sáu tháng thì sẽ xin cho một chỗ dạy học... tôi vui và ham học lắm. Tiếng Anh không khó lắm đâu!

Lúc Hương mới chân ướt chân ráo dưới ghe bước lên bờ, từ bờ lên đảo, từ đảo đến đất liền cũng đầy những ảo mộng tương lai như cái nhà chị Cuba lông mi cong này...

Còn ông hàng xóm không biết dân gì, suốt ngày cứ thấy mặc áo dài như thủ tướng Nerhu thì lại có phần chua chát hơn. Ông khoe (ai biết thật hay giả) hồi bên nước ông, ông là thiếu tá bộ binh, trốn Cộng sản qua đây được với một thằng con trai. Thằng con bỏ theo “cái”, ông buồn tình ở vậy... uống rượu, lạng quạng thế nào lại bị xe đâm, giờ ở nhà ăn tiền trợ cấp tàn tật, ít quá không đủ sống, đêm đêm ông hành nghề chùi rửa bin đình.

Chưa đâu sang bằng nước Mỹ và cũng chưa ai bảnh bằng dân Mỹ. Bồi bếp cu li Mỹ toàn là hoa khôi, thiếu tá và tốt nghiệp đại học tứ xứ quần anh tụ hội để tô điểm cho nước non này. Vậy mà nó không hề biết ơn một tiếng còn bày đặt kỳ thị khinh khi này nọ. Khinh một người ngoại quốc chỉ vì họ không nói rành hay nói không đúng giọng được thứ tiếng của nước mình? Chó cong đuôi chạy về nhà sủa lên một tiếng, gà trốn vô vườn múa cựa giương uy chỉ là trò “chó ỷ nhà, gà ỷ vườn” muôn thuở mà thôi.

Trang, con gái Hương dạo này nói tiếng Anh đã khá giỏi. Tin tức thời sự, Hương thường được nó “cập nhật hóa” hộ:

– Mẹ này, mẹ có thể tin được... có cái con nhỏ kia nó bị tới ba chục thằng Mỹ đen vừa hăm hiếp vừa đánh đập đủ mọi cách không?

Đang ăn, Hương ngừng nhai trố mắt nhìn con gái:

– Không ăn thua gì, cô giáo con còn kể ở đây cha hăm hiếp con gái còn mẹ thì ngủ bậy với con trai ruột của mình đều đều, mẹ à!

Hương định quát lên:

– Cái con này, mày học hành ăn nói bày bạ ở đâu ra những chuyện đó?

Hay là con mình nó coi tivi quá đắm mê hoang, nhưng Hương nhìn nét mặt Trang vẫn vui vẻ bình thường. Vậy ra con mình đã trưởng thành và thay đổi tự hồi nào vậy?

Vừa buồn vừa giận lại vừa lo, Hương cố bình tĩnh hỏi lại con:

– Sao, có chuyện gì kể từ từ lại từng chuyện cho mẹ nghe coi... Mày nói một hơi năm bảy chuyện một lần, tao nghe không kịp đâu đuôi gốc ngọn ra sao hết.

– Chuyện này mới chiều trên tivi tối hôm qua, cái cô thư ký nhà băng Mỹ trắng, buổi chiều tối hôm đó cô đang chạy jogging ngang qua khu công viên Central Park ở New York bị một bọn ba chục thằng cỡ từ mười bốn đến mười bảy tuổi chặn lại hăm hiếp rồi dùng gạch đá, giày dép, gậy sắt đánh đập dã dõng. Hiện giờ, mới chỉ bắt được có năm thằng. Lúc cảnh sát tóm được tụi nó, mấy thằng cô hồn mặt mũi cứ nhơn nhơn cười đùa coi như không có chuyện gì xảy ra!

Hương kinh ngạc vì câu chuyện đã đành mà sững sờ vì cái thần kinh quá tốt của con gái mình thì nhiều hơn. Hồi cỡ bằng tuổi nó, nghe kể chuyện này, liệu mình có ngã ra mà bất tỉnh không?

Trang vừa ăn vừa giảng giải cho mẹ:

– Còn cái vụ báo đăng mới đây thằng nhỏ kia giết bố, là tại vì nó có một thằng bố khốn nạn quá! Thằng con trai thì bị bố đánh đập, còn em gái nó thì bị bố hăm hiếp... cho tới một hôm hai đứa nó chịu hết nổi được nữa, hai anh em bàn nhau phải thanh toán thằng bố để rửa sạch mối thù. Coi bộ mẹ không tin? Ai biểu mẹ làm biếng coi tivi! Chính cô giáo con còn kể chuyện mẹ yêu con trai, cô giáo yêu học trò và làm tình với nhau bị phụ huynh la ó kiện cáo quá trời!

Hương há miệng nhìn con gái. Mặt nó tròn, những nét rất mềm mại ở mũi ở môi rất Á Đông, nước da nhỏ mịn giống như mình lúc còn trẻ, trời ơi, tội con gái tôi, làm sao mười bảy tuổi mà mặt tròn trong như thế, những cọng tóc mai rũ trước trán thơ ngây như thế, tội tình gì tai phải nghe những chuyện kinh tởm như thế?

Hương bỗng thấy mệt nhọc rã rời như sau một tuần lễ lê thê làm việc không nghỉ, chiều thứ sáu đứng xếp hàng dài sau một quầy hàng nào đó trong ánh đèn chập chờn của cửa hàng siêu thị, chồng chất trên chiếc giỏ xe trước mặt là những thịt cá, rau đậu, bánh sữa... như chồng chất tới tấp những tháng ngày lo âu sắp tới của mình rồi sẽ ra sao, sẽ về đâu... nếu một ngày bỗng nhiên mất việc, không còn những tấm *check* đổi thành những đồng bạc eo hẹp với mồ hôi (theo cái nghĩa đen nhất) đã đổ xuống rất nhiều của mình. Tiền bạc, nhu cầu cơm áo, những ngọn roi rất bóng đã quất mãi cho những con ngựa già ngựa trẻ phi nước đại trong suốt một kiếp người.

Nhưng thôi dù sao khi đẩy vội chiếc xe thức ăn ra cửa chuyển những bao bì vào xe của Liễu, hai người bạn gái lại nói những câu bông lơn đùa giỡn như hồi nào thuở còn đi học, Hương cũng cảm thấy có đôi chút nhẹ lòng.

Nhưng đối với những chuyện con gái vừa kể, Hương ngậm luôn

miếng cơm trong miệng vì Trang nó đã nói bằng cái giọng thân nhiên ghê gớm quá. Dù sao thì cũng phải rán cười lên một chút để làm giảm bớt mọi chuyện:

– Mẹ lạc hậu thật chứ chẳng chơi! Dì Liễu có đạo, thường giảng cho mẹ nghe Tiên Tri nói rằng: khi nào trên trái đất này cha lấy con, đứa nhỏ vừa sinh ra mà đã mọc sẵn răng, vậy là đã đến ngày tận thế.

Trang thu dọn chén bát đứng rửa chén trước bồn nước, Út đang dán mắt vào tivi, Hương đứng gần đó uống nước. Dầu sao thì con gái mình vẫn rất ngoan hiền và còn Việt Nam chán vì ít ra nó cũng còn biết thương mẹ và lo cho em. Bộ tụi Mỹ nó không thương mẹ thương em nó à? Hương phì cười vì thấy mình thật già nua, thật lắm cảm... Tuy nhiên, sau nụ cười vẫn có cái gì rất xao xuyến, rất bồn chồn đêm hôm ấy trong Hương.

*

* *

Nhật ký của Hoàng thị Hương Trang.

12/3: Mình đã tròn 17 tuổi. Hôm qua một đứa con trai Việt Nam trong lớp đưa cho mình một câu nó bảo là “thơ Việt Nam” đó, và đồ mình câu đó nghĩa là gì. Câu đó như thế này:

Kim đâm vào thịt thì đau,

Thịt đâm vào thịt nhớ nhau suốt đời.

Mình chịu không biết câu đó nói gì, định hỏi mẹ nhưng mấy hôm nay mẹ mệt, mình ở thư viện về thì mẹ đã đi ngủ rồi.

Nhưng nếu có hỏi mẹ thì chắc gì mẹ đã biết, mẹ làm cô giáo ở Việt Nam nhưng chỉ dạy mấy tụi con nít đánh vần!

14/3: Mình chẳng còn là Hoàng thị Hương Trang, tự nhiên qua đây lại bị đổi tên là Trang Hoàng, tên gì mà kỳ! Bố vẫn bảo, ngày trước bố theo đuổi mẹ, mẹ khó lắm, mẹ nghiêm trang lắm, nên đặt tên mình để giấu mẹ mà cũng để khen mình rất giống mẹ. Mình thấy sao mà rắc rối quá! Chỉ tổ cho tụi bạn Việt Nam ở đây nó dịch tên mình ra là *Decoration*.

15/3: Tiếng Anh cũng khó mà tiếng Việt cũng khó! hôm trước viết thư cho bố, thấy mẹ ngồi gần đưa mẹ xem, có mấy chỗ mình viết nửa Việt nửa Mỹ (mà mẹ gọi là nửa nạc nửa mỡ) bị mẹ bảo mẹ đọc chẳng hiểu. Mẹ còn lo công an kiểm duyệt đọc không hiểu nó tưởng thư phản động thì vứt đi.

Giá mà mẹ có một ông *boyfriend* để đi chơi thì sao nhỉ? Bài học sex education của mình vẫn giảng đâu phải condom chỉ dùng cho đàn

ông, đàn bà cũng có dụng cụ riêng của họ. Nhưng mà mẹ thì *conservative* chết người!

30/4: Bọn nó rủ mình đi biểu tình chống Mỹ bang giao với Việt cộng, không đi thì cũng hơi buồn mà đi thì cũng chẳng thấy có gì vui. Nhà chật, ồn, khu này không yên, mình đi làm về tối cũng sợ run, tụi nó còn rủ biểu tình xong đi luôn vô xi nê, ai mà dám đi!

3/5: Cái thằng Tân thiệt lạ! Mình không đến nỗi bị *peer pressure* như mấy đứa ở đây lâu nhưng cũng không dám ăn mặc lồi thối lếch thếch quá đáng. Ai đời quanh năm suốt tháng Tân có chứng đầu hai bộ áo quần! Bọn bè rủ đi chơi đâu cũng không đi, tụi nó chọc ghẹo: rủ thằng Tân chi cho mệt, để nó ở nhà nó chơi với ba nó!

4/5: Chuyện gì mình nói với mẹ coi bộ mẹ cũng hoảng hốt quá đáng. Thằng Út đã tám tuổi, nhà chỉ có một phòng ngủ, mình dọn phòng bắt Út ra ngủ riêng một mình ở phòng khách, nó khóc, mẹ bênh nó dỗ chiều nó quá đáng. Mẹ đành ra ngủ phòng khách, bảo trong phòng có giường nệm êm lưng hơn ghế sofa. Một thằng con trai nhỏ ngủ chung phòng với đàn bà con gái coi bộ *sick* quá.

12/5: Lại có chuyện. Bà ngoại viết thư qua nói là bố đã ra khỏi trại, hiện tạm trú ở nhà ông nội mà ông nội thì ghét mẹ lắm bảo là mẹ theo ai nên đã bỏ bố mà đi. Bà ngoại không *smart* gì hết sao lại đem những chuyện này kể với mẹ làm gì? Thành ra bố ra khỏi trại mà coi bộ mẹ buồn rầu xơ xác quá!

14/5: Hôm qua lại gặp Tân ở giờ *biology* trong lúc tất cả đang loay hoay mổ heo con. Mình hơi ớn, còn Tân thì coi bộ chăm chú say mê. Lúc rửa tay ra về ai đời anh chàng lại nói một câu làm mấy đứa đứng bên cạnh đứa nào cũng phì cười: bà ngoại tao năm đó mua hai con heo con về nuôi, đi dọc đường bị tụi quản lý thị trường chặn bắt mất, bà tao về tiếc quá mang bệnh luôn. Lớp mình chiều nay mổ cả... trại heo của người ta chớ chẳng phải chơi!

20/5: Mình tự hỏi: Cái gì là tổ quốc? Điều gì là quê hương? Khi mà Út mỗi sáng phải đặt tay lên trái tim và thề dưới lá cờ Mỹ, khi mà mình vẫn hát "O say can you see" sau khi đã hát và thuộc "Này công dân ơi đứng lên đáp lời sông núi" và "Đoàn quân Việt Nam đi sao vàng phấp phới". Vậy mà hôm qua trong giờ sử, con mụ *discrimination* thóa mạ chiến tranh Việt Nam, không biết mấy đứa khác thì sao, chớ mình thì giận sôi lên. Đụng đến Việt Nam mà nói những điều không hay thì nghe khó chịu làm sao!

Mẹ lúc nào cũng nhắc mình và Út phải rán học cho thành tài và

sống đang hoang. Thành tài là đậu cho xong cái bằng kỹ sư bác sĩ? Nhưng đang hoang là sao?

21/5: Đi thi SAT, Liên nó giới thiệu thằng bồ nó với mình. Thi xong, lại có anh bồ đến đón. “Ông đó” thấy mà ghê, tóc tai bờm xờm. Liên nó nói là ảnh đi làm lương cũng khá nên bồ ảnh cũng đỡ khổ.

25/5: Biết thêm chuyện về Liên thì thấy tội nghiệp nó. Nó kể nó vượt biên sang đây với ba nó, nó phải đi làm thêm để phụ tiền nhà, đêm nào cũng về khuya chỉ có nước ngủ gục chờ chẳng học hành gì được. Trước kia ở Việt Nam nó cũng là học sinh giỏi ở “trường chuyên” như mình. Từ ngày có chồng, à, ông đó là chồng chớ bố khỉ gì, nó tưởng bỏ ba nó theo chồng thì sẽ đỡ khổ hơn, nhưng nó than mệt đi học đi làm đi chợ nấu ăn... Nhưng thôi, Liên nói, ít ra nó biết ông này thương nó thật, không la mắng cần nhằn suốt ngày như ba nó!

*

* *

Diane đã tươi tỉnh trở lại gọn gàng trong chiếc *skirt* màu ô liu sậm bó sát, áo sơ mi hở cổ có những sọc kẻ màu nâu trông trẻ trung tròn trịa. Diane vừa sanh thêm một chú con trai và ghé tiệm tán dóc với ông chủ sẵn dịp thăm Hương.

Diane nói nửa đùa nửa thật:

– Vậy là chúng tôi lại có thêm một chú bé con nữa. Sang năm đi nghỉ hè, lại cần Hương lắm đó. Hương có lấy *vacation* ở tiệm đi với chúng tôi không?

Số kiếp ngựa trâu của mình dạo này coi bộ “phát” dữ. Chưa kịp dẹp bỏ yên cương cày bừa để nghỉ ngơi dăm bữa bù cho cả năm phờ phạc thì lại đã có ruộng có xe sẵn chực chờ. Chắc trời trả báo mình lúc trước lười biếng, nghỉ hè Ngô không cho đụng đến ngón tay, bảo: em lau nhau nhức đầu với con nít, nghỉ hè ở nhà... đi ra đi vào với anh với con cho nó khỏe.

Mây nào của một thời trẻ trung của anh đã trôi dạt về đâu, lạc về đâu, mái tóc mà anh chẳng bao giờ chịu gọi là mây giờ đã nắng sương mấy nổi. Trong cơn lốc này, Hương mỉm cười một mình trong bóng tối, dấu má hồng hay má đỏ má đen vẫn bị cuốn đi như thường.

Anh Ngô, có một lúc nào đó trong cái đời sống ử ê vì thực tại này, trái tim em chợt sai đi một nhịp, nhịp lạc đó chỉ vì em đang tưởng tượng đến cuộc đời mai sau dù sao cũng phải khá hơn của các con chúng ta.

Mẹ của em đã vì thương em nên đã thương anh, thầy của anh dù có ghét bỏ em chốc lát cũng chỉ vì quá lo cho anh. Ôi đời của chúng ta

sao mà đây ắp tình thương yêu thừa mứa của người thân, của gia đình, chung quanh và của bạn bè. Chúng ta đã được dạy dỗ để thương yêu như chúng ta đã từng được thương yêu. Trang rồi Út, sẽ lớn lên và bạn bè của chúng nó ở đây có cảm thấy thiếu thốn điều đó không? Hay là, chúng chỉ được dạy phải ganh đua hết sức mình, chiến thắng bằng mọi cách để giành lấy sự thành công ở đời. Chỉ thương yêu chính mình và lạnh lùng nghiêm khắc kỷ luật với tất cả những chuyện gì không đáng đến mưu toan ý định thực hiện của riêng mình.

Yêu trẻ, trẻ đến nhà

Kính già, già để tuổi.

Chị ngã, em nâng.

Lá lành đùm lá rách.

hay

Công cha như núi Thái sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Bỗng nhiên cùng một lúc, những câu cách ngôn tục ngữ của những ngày cũ, câu dán trên tường trong lớp học, câu viết lên bảng, câu ê a theo tiếng đọc của lũ học trò, câu chập chờn trong trí nhớ hoang mang của Hương cùng một lúc thức dậy.

Rồi mảnh trăng nhạt chiếu qua rừng phương Nam lơ mờ sương khói bỗng ảo huyền lay động để biến thành một con đường mòn ngoằn ngoèo yên tĩnh đầy ánh trăng. Tiếng chó sủa vu vơ vội lần, lẫn với tiếng gà gáy xa xa trong xóm, Hương ước gì mắt mình được riu lại để trôi vùi vào một giấc ngủ yên vui tràn đầy không mộng mị như một nụ cười vừa được nở ra trọn vẹn trên môi. Nhưng... trời bỗng đầy mây, những đám mây bợt bèo bênh bồng phiêu bạt muôn phương gió cuốn, gió trở chiều bỗng thổi tung bay làm mây rối bởi tan tác. Những sợi mây mờ lã lã dang dang lơ dờ trôi giữa không trung, xô dạt rồi bỗng khựng lại che kín cả một góc trời.

* Thơ Nguyên Sa

Nguyễn thị Hoàng Bắc

Chân Phương
ỨNG KHẨU
GIỮA NHÀ BẾP VÀ PHÒNG NGỦ

1.

*mười bốn năm
không có cái chết nào nổi bật
bọn tuấn đạo thất nghiệp*

2.

*hoa diên điển
rơi trên
những bài lục bát xưa
vỏ chai không
xếp hàng
dưới ánh trăng lạnh*

3.

*màn một màn hai màn ba
màn bốn...
vua hề
một lũ sát nhân
trước và sau, chúng có viết thư
trao đổi kinh nghiệm với nhau?*

4.

*những câu nói đùa thông minh nhất
lặp lại mãi cũng trở thành
lố bịch
bây giờ chúng ta thật sự cần gì
bả o hiể m
chù a chiề n
nghệ thuật?*

5.

*tôi rắc thêm muối tiêu
vào miệng núi lửa đã tắt
em uống chi
gin
whisky
hay coke?*

CHÂN PHƯƠNG

Nguyễn Mạnh Trinh

MÙA HÈ ĐỎ LỬA PHAN NHẬT NAM

Mùa hạ gió bạt đôi Quảng Trị
Cát bay con chốt mịt mù trời
Trang sách máu loang dòng bi ký
Ngôn ngữ tan tành miếng đạn rơi

Đếm thử bao nhiêu năm binh lửa
Bao nhiêu cái chết tựa trò chơi
Bão cát trắng treo rung vó ngựa
Trường thành thảng thốt ánh sao khơi

Dựng một lá cờ trên cõi chết
Mặt trời phải mọc sáng hôm nay
Cổ thành thi gan với nhật nguyệt
Sờ lên bờ tường buổi ngón tay

Mùa hè không bình yên An Lộc
Dàn hàng ngang đại đội xung phong
Da thịt nổi gai miền tàn khốc
Nhịp tim nhảy bước chiều mệnh mỏng

Nón sắt còn dây dẫu người lính
Thước đất lấy thêm những máu xương
Địa ngục thiên đường trời sẵn định
Đỏ thắm máu hoang những tắc đường

"Vào Xa Cam bắt tay tháng 8"
Sương xuống hay là khói cơm chiều
Ngồi hố cá nhân nhìn ẩm đạm
Đất trời cháy năm nổi diu hiu

Mùa hạ nắng vờn theo biên trấn
Charlie có phải pháo đang gào
Sườn đá lở lở núi tụt vắn
Bè bạn anh em lạc chốn nào

Một trăm ngày kéo dài chiến trận
Người lính chết trẻ như giấc mơ
Khói bốc trên cao vào vô tận
Đời sống treo cành cây chết khô

Sau lưng Chu Pao bốc lửa ngọn
Xuôi nam, đi hoài hút vực sâu
Qua khe thông thủy vào trăng trắng
Mặt trời, mặt trời ở chốn nào?

Tuần quốc vong thân người vắng mặt
Đêm nay gió chướng rủ nhau về
Lòng tanh người sao có nước mắt
Bút nào dấu dãi bụi đường se

Những vết sẹo chưa khô đau đớn
Tưởng tháng ngày bão loạn còn nguyên
Tiếng hát vọng uất hờn chưa trọn
Chiến tích còn đây ánh trăng nguyên

Tân Cảnh, Đồi Gió, bờ Thạch Hãn
Đất vinh danh hai tiếng Việt nam
Cỏ lá ít hơn miếng bom đạn
Máu chảy như nguồn mực bàng hoàng

Ơi Phan Nhật Nam dòng chữ viết
Mùa hè đỏ lửa máu còn tươi
Những bước giày số còn mài miệt
Mâm xanh lịch sử vẫn tình khôi.

Nguyễn Mạnh Trinh

Ngũ Yên
DU PHIẾM

I.

Sáng lên cao
Những con thiêu thân rộn ràng đón lửa
Sa vào sâu đau
Sáng nay thấy mặt trời
Một con thiêu thân tìm nơi ẩn trốn
Ngộp trong lòng xe hơi

II.

Ra khỏi phố
Ưu tư vứt bỏ lại ven lề
Quay lưng sợ nhiều kẻ
Chân trời vô tận
Đàn chim bay sắp hình mũi tên
Bắn về hướng mộng mênh
Qua cầu cảm con sông
Có trước sau trong ngoài thói sống
Cuốn cuộn. Bèo phiêu bồng
Qua hồ cảnh thủy mặc
Thấy người câu cá đứng như cây
Hay cây giống người câu cá?

Qua rừng xanh biển lá
Ngộ thay! Đơn độc điểm trắng hoa
Hương xa hồn ngoái lại
Qua thị trấn đông người
Không ai rảnh rỗi đứng trông trời
Mắt nào còn có người
Dọc đường ngày phối phai
Hoàng hôn khoác làn sương mờ mông
Ủ, đẹp mà buồn thay!
Chim gọi rừng nhớ tổ
Con sóc giật mình nghe chim kêu
Quạnh hiu
Xe cùng chiều ngược chiều
Rán mở đèn soi đường. Chạng vạng
Thấy xa được bao nhiêu?
Xe sau vượt xe trước
Ngày vượt trưa vượt chiều, vào đêm
Vượt nhau vào bóng đen
Đêm không chứa một ai
Đêm buồn. Đêm lạnh. Đêm dài
Đi tiếp? Hay dừng lại?
Miên man nghĩ ngợi
Nhìn quanh cảnh vật không mù tăm
Tĩnh người. A! sáng trắng

III.

Trăng soi
Con thiêu thân sáng như đom đóm
Lập lòe bay lẻ loi

Ngư Yên

Diệu Tân
HÓA THÂN

*Người tù tin ba năm sẽ được tha,
Dù là nhà tù lớn hơn, nhưng đỡ khổ.
Đứng hạn, chàng cầm lặng nhìn phía xa,
Tham gia sinh hoạt như xác người biết thờ.
Lũ tù cười cay chua,
Ngây thơ con cóc cộ,
Lời hứa xã hội chủ nghĩa là trò đùa.
Chàng nhớ người yêu, nhớ vợ?
Nhớ chiến hữu kẻ chết người còn, cuộc chiến được thua?
Nhớ mẹ già ngày đêm cặm cùi?
Nhớ con thơ lủi thủi vào ra?
Giận bọn đàn anh chạy trước?
Hờn cầm bọn thú người?
Đám tù đốt rẫy đen đúa những bóng ma,
Chàng lặng lẽ gom gốc cành khô đóng lờn,
Mỗi lửa, hơi nóng phức lên rất hơn mặt trời.
Mặt trời đen, lũ tù lung linh nhảy múa,
Cả thành vệ binh vác AK nhảy ngả nghiêng,
Cả khúc cây vô tri nhật nhòe cũng nhảy.
Chàng trừng mắt ngó lửa, ngó mặt trời,
Cuộc đời vô nghĩa lý,
Trên trời lửa, lửa tứ bề,
Trốn đâu cho thoát, thiên la địa võng.*

Cây nổ lép bép, tiếng súng ba mươi tháng tư,
Lửa rẫy tưng gia là lửa bom lửa đạn.
Không chết vì chiến tranh, nay sao không bắt chước thiên sư?
Lửa "rực rỡ" mời gọi...
Nhảy vào đẹp như mơ!
Không từ biệt bạn tù, không tiếng thét,
Mùi khét cỏ cây, mùi khét thịt người.
Trời đỏ lửa, cây khô đỏ lửa,
Duy có chàng thành than ngã ra, nhăn răng cười.
Lạnh như băng tuyết,
Là số không, là vô cực, là hết, là xong.
Thằng vệ binh la lối:
Sao chúng mày không cầm, không cản thằng khùng?
Bạn tù ngạc nhiên tốt độ, giọt lệ đau xót,
Nó đã hóa thân, nó đã đi vào mệnh mông.
Bố tiên sư nó!
Phải chi mày là con bò, con chó tụi tao có tí thịt đỡ đói lòng.

Diệu Tân

Thụy Khuê
KIỆT TẤN,
từ Nụ Cười Tre Trúc
đến Thương Nàng Bấy Nhiêu

Kiệt Tấn, ngó hiền khô, dáng lơ đãng, miệng ít nói, nói bằng mắt, nhất là với... đàn bà. Kiệt Tấn viết về đàn bà, thương đàn bà, thương muốn chết, khoái đàn bà, khoái chí tử, ghiền đàn bà như ghiền ma túy và dĩ nhiên, nếu đàn bà lại đọc Kiệt Tấn và cho dăm ba ý kiến thì còn... gì bằng.

Trái ngược lại với bọn con trai, vì yêu đương mà sao nhãng đèn sách, khi có người con gái bên cạnh tôi càng học được. Tôi vừa đánh đàn vừa học bài, thỉnh thoảng hôn lên má nàng một cái, vậy mà học tiến bộ ngó thấy. Không có nàng, tôi lằng xằng tìm kiếm, không học hành được gì hết. Tìm không ra, tôi tưởng phát khùng tới nơi.

(Người em xóm học, trang 82)

Khác với Nụ Cười Tre Trúc, Thương Nàng Bấy Nhiêu không mang cho người đọc cái “choc” ban đầu. Quen với bút pháp Kiệt Tấn, độc giả không còn ngỡ ngàng với lối nói thẳng toét, chẳng giấu giếm, phanh phui tự tình cảm đến thân xác: thân xác mình, thân xác người đối diện, không chỗ nào từ.

Nụ Cười Tre Trúc đến với người đọc bằng tình yêu quê hương, yêu mẹ, bằng những khám phá, những rạo rực của tình yêu và nhục cảm của người con trai mới lớn, bằng những trạng thái điên loạn của tâm hồn, bằng những hình ảnh khó phai của một quá khứ vật vờ trong

đời người xa xứ. Nếu trong tình yêu, Nụ Cười Tre Trúc còn chút ngượng ngùng, dè dặt của thuở ban đầu, thì Thương Nàng Bấy Nhiêu đi thẳng vào tình yêu của ông cũng rõ ràng:

Riêng tôi, tôi không quan niệm tình yêu mà không có tình dục. Nếu ép tôi bỏ một thứ, có lẽ tôi sẽ giữ lại tình dục.

(Đêm cỏ tuyết, trang 61)

Tôi đam mê, nhiều lúc muốn tự vận thì có. Yêu? (còn phải hỏi lại). Biểu tôi định nghĩa tình yêu, tôi cũng bí luôn.

(Đêm cỏ tuyết, trang 67)

Dám dờ thể chơi, chứ Kiệt Tấn bí sao được, tôi không chắc thứ tình Kiệt Tấn đối với đàn bà chỉ là tình yêu, mà còn đa mang, pha trộn giữa yêu thương, đam mê, ham muốn và che chở.

Qua cái vỏ ngoài có vẻ sống sượng, trần trỗng của ngôn ngữ, bên trong ấp ủ một tình ý dịu dàng, êm ái, tiếng Pháp có chữ tendresse, tôi không tìm được chữ tương đương trong tiếng Việt, để chỉ cái tình của Kiệt Tấn đối với đàn bà: Ấu yếm đã đành, mà thăm thiết cũng chưa gói tròn hết nghĩa.

Kiệt hay Kiệt Tấn ngó đàn bà trong trạng thái nguyên thủy (không quần áo) với con mắt một họa sĩ trước vẻ nữ khỏa thân: Ông trân trân nhìn cái đẹp. Sự thèm muốn trước cái đẹp thể xác là điều tất đến như đói thì ăn, khát thì uống, không có gì xấu xa, không có gì cần phải che giấu, thật thà và hiện hữu như những nhu cầu chính yếu của con người:

Tôi là một vệ tinh vô danh tiểu tốt, quay xung quanh ngực và mông nàng, quay điên cuồng và hạnh phúc. Cho đến ngày nổ tung trên trục quay hay cho đến lúc tôi lạc quỹ đạo đâm xâm vào hành tinh mẹ và cả hai đều bốc cháy tan tành, trả lại bụi sao cho ngân hà, cho nguyên thủy, cho thuở khai thiên lập địa, không có âm không có dương, không có tôi không có nàng, không có đam mê không có dâm luyện, tôi với nàng chỉ là một.

(Đêm cỏ tuyết, trang 62, 63)

Không thể lấy luân lý đạo đức mà đánh giá Kiệt Tấn, vả chăng những giá trị ấy không còn là nỗi băn khoăn thường trực của con người. Tuyết là một nhân vật khó quên, sống tự nhiên, để cảm giác mặc sức tung hoành. Với Tuyết, yêu đương cũng đầy vẻ phàm trần như Kiệt:

– Em có yêu anh không?

– Em không biết, nhưng em khoái anh.

(Đêm cỏ tuyết, trang 60)

Tuyết dễ với mình, với người, và dễ tha thứ. Tuyết không biết nói văn chương. Tuyết thật thà, không cần suy tưởng vòng vo hơn thiệt.

Tuyết là vẻ đẹp trần trụi của con người khi chưa có lớp son giả tạo của luân lý đạo đức tô lên:

– Anh biết không, mỗi bữa chiều em bắc ghế ra ngồi trước quán, ngó ra ngoài đường thấy người ta đi qua đi lại, em nhớ anh thấy mờ. Lúc nào anh học thuộc bài hết rồi thì anh mau mau về đây cho em thỏa mãn.

(Đêm cỏ tuyết, trang 69)

Những nét của Tuyết, cũng là những nét đậm, thực, trong sáng và tinh khiết của con người thuở hồng hoang khi chưa bị văn minh làm vẩn đục.

Người Em Xóm Học đưa sang một Kiệt Tấn khác: Đứng trước vẻ đẹp của người đàn bà, Kiệt Tấn trở thành thi sĩ. Văn ông không hề gợi dục, khi viết dường như có chất thơ đâu đó lãng đãng bước vào. Nhục cảm của thi nhân bỗng nhiên trong sạch lắm:

Tôi ghi nàng trong tay, cơn dục tình lại dậy lên trong mạch máu. Căn gác tôi lù mù, chúng tôi để nguyên cửa sổ mở. Da thịt Diane ăn nắng hầm hấp nóng và thơm mùi biển, như rong, mặn mòi. Muỗi động trên mắt, trên môi, trên tai, trên cổ, trên đầu vú, trên bụng, trên tóc, trên gò tình. Diane thì thầm những cảm giác thơm mặn tương tự trên da thịt tôi. Mặt trời và nước biển tăng độ nồng say cho cường dục. Chúng tôi làm tình trong bóng hoàng hôn chập choạng.

...

Hương nắng còn đọng trên da lụa, tay khua tường đánh thức mặt trời, dục lên sóng biển và điệu tây ban cầm sẽ phả ra từ khung cửa sổ khuất kín của nàng. Đầu cổ nạt còn đỏ. Đầu bằm trên vú trái còn đỏ. Lời thề yêu em suốt đời còn đỏ. Tôi nung nấu gò tình. Hôn lên ẩm ướt. Yêu. Yêu.

(Người em xóm học, trang 105, 113)

Nếu tình yêu trong Đêm Cỏ Tuyết là thứ tình dồn dập, vũ bão và tươi sáng của thuở đầu đời, thì tình yêu trong Người Em Xóm Học đã có mùi đắng cay, đau khổ, là sự thăng hoa của hai tâm hồn cô đơn, không định hướng:

Bằng thân trắng mềm, bằng ngực no nê, bằng tình ái điên rồ, Diane đã giải thoát tôi khỏi cô đơn dĩa đói và đem tôi về đoàn tụ với loài người. Nàng hòa giải tôi với đời sống. Tôi thay xiêm áo và đính hôn với mùa hè, với nắng nóng, với mặt trời, với cỏ cây, với chim chóc.

(Người em xóm học, trang 93)

Trong trạng thái cô đơn tuyệt vọng dẫn đến những bất thường gần như điên loạn, con người – tự bản chất muốn tồn tại – phải tìm lại thế

quân bình, và Kiệt Tấn đã tìm thấy cứu cánh trong tình yêu, tình dục. Dưới cái điệu bộ chán đời, muốn tự tử, có cái ham sống, sống thật nhiều, sống đến đam mê không độ lượng, trong chiều sâu, trong chiều rộng, của cả tinh thần lẫn thể xác.

Tình yêu của Kiệt Tấn, không chỉ có ngất ngư, không chỉ có rên rỉ, năn nỉ, xô ra, quấn vào, cuồng nhiệt, mê tơi, cực điểm, chết ngất, mà còn có chân thành.

Từ người yêu đầu đời trong Bến Đò Trao Thờ đến em bán quán thời trung học, em tóc hung, tóc vàng... thời du học, và những em đi khách, thời trung niên, Kiệt Tấn đều thành thật với họ:

– Anh yêu em nhiều không?

– Yêu nhiều lắm.

– Anh thề yêu em suốt đời đi.

Tôi thấy câu nói có vẻ cái lương nên ngần ngừ. Nàng thúc giục, tôi đáp:

– Anh nói vậy sợ nói láo.

– Anh nói láo cũng được, miễn là anh thành thật khi nói.

Tôi ngượng miệng quá nên cứ nín thinh. Nàng rơm nước mắt:

– Anh không nói thì em ở lại trong rừng này luôn, anh về một mình đi.

Rồi Diane phụng phịu quay mặt bên kia. Tôi đành vuốt tóc nàng và xuống vọng cổ:

– Anh thề yêu em suốt đời, chịu chưa?

Nàng quay lại cười khoái trá như con nít được quà. Thấy thương hết sức. Tôi lặp lại câu nói đó và cảm thấy lòng mình thành thật. Tôi lại hôn nàng. Tôi để mê nhìn ngắm thiên đường của mình rất lâu. Nàng rên khẽ.

(Người em xóm học, trang 95)

Thấy người đàn bà đẹp yêu đã hẳn. Gặp người đàn bà xấu, cũng lại thương. Kiệt Tấn đặc biệt ở chỗ đó và cũng... thấy thương ở chỗ đó. Gặp người xấu, giả tảng không tả dung nhan nàng, ngó lơ, chỉ tả sơ đáng dấp, gặng lăm cũng chỉ ơ hờ:

– Em xấu lắm phải không anh?

Thấy tôi nằm im không trả lời, nàng nắm vai tôi lắc lắc: “Em xấu lắm phải không anh?”. Tôi không ừ hử. Nàng bật khóc. Khóc thút thít. Rồi tiếng khóc lớn dần. Nàng lại lắc lắc vai tôi: “Em xấu...”. Câu hỏi bỏ ngang. Tiếng khóc vắng xa. Hình như nàng day mặt qua bên kia và tiếp tục khóc.

Tôi còn sật sờ. Hí mắt, mặt trời chóa đom đóm, vội khép mắt lại.

(Sáng dậy nghe em khóc, trang 157)

Người con gái ấy, chắc xấu, bơ vơ, không có nghề độ thân, se sẽ bước vào nghiệp giang hồ, e dè, ngượng ngập trên con đường phiêu lưu, chừng như ngại lạc:

Em khép cửa phòng lại, rón rén đến ngồi bên cạnh giường tôi lên tiếng:

– Em sợ!

Tôi nói em sợ thì khóa cửa lại đi. Em đừng dậy khóa cửa rồi trở lại bên giường ngồi như khi nãy. Tôi hé mắt sột sờ ngó lên thấy lưng em áo đỏ ướt ướt, thon gọn. Tôi nói bộ em tính bận áo ngồi vậy hoài cả đêm hay sao? Tôi thiếp đi không biết bao lâu. Mở mắt ra vẫn thấy cái lưng áo đỏ còn sột sột đó. Tôi lại thúc giục, lần thứ hai, lần thứ ba, nàng mới chịu tắt đèn ở đầu giường và nằm xuống. Tôi lè nhè sao em không mang giày, xách bóp và đeo kiếng mát mà ngủ luôn cho nó đủ bộ bình tích. Nàng vẫn không nhúc nhích. Tôi lại lè nhè em nằm ngủ như vậy là hư hết áo đỏ nghe, nàng mới chịu nhồm dậy. Trong bóng tối tôi nghe tiếng nút bóp mở lách cách. Cái âm thanh rất đàn bà, rất mỹ miều, rất quyến rũ và rất kích dâm. Khi nghe tiếng lách cách chấm dứt bằng âm thanh dây thun tuột ra khỏi gót son đánh bật lên một tiếng đoạn trường là biết... thế là nát cánh hoa rường! “Là giết đời nhau đây biết không?”.

(Sáng dậy nghe em khóc, trang 165)

Thế mà cái anh chàng Kiệt, cần đàn bà như cần hô hấp ấy, lại... không làm gì cả, lại giả đồ lảng vào cơn say để... nằm im thín thít. Thấy thương biết mấy. Đàn bà, với những tế nhị hiếm có, với những câu chuyện hóm hỉnh ngập duyên thầm, Kiệt đưa nàng chấp chững bước vào tình yêu, ngõ cửa hạnh phúc cho người con gái xấu số, và nàng đã bập bẹ tập cười.

Sáng Dậy Nghe Em Khóc là một truyện ngắn đầy cảm xúc, từ anh thiếu tá cao ráo đẹp trai, làm tình một cây xanh rờn, được mấy em sến chết mê chết mệt, đến cô em gái lâu xanh “anh làm nhẹ nhẹ, coi chừng vẹo cái mũi em mới sửa hời chiều”, cá tính mỗi nhân vật được Kiệt Tấn phô bày bằng những nét dí dỏm, sâu sắc, không dài dòng.

Ba truyện ngắn xuất sắc nhất của Kiệt Tấn trong tập Thương Nàng Bấy Nhiêu: Đêm Cỏ Tuyết, Người Em Xóm Học và Sáng Dậy Nghe Em Khóc, ông đều viết về tình dục và đàn bà cả. Một Kiệt Tấn ngùn ngụt dục tình, yêu tận mạng, nấp sau một Kiệt Tấn đầy cảm xúc, yếu đuối, ưa che chở đàn bà và cần sự che chở của đàn bà.

Trong ba truyện trên, truyện nào người đàn bà cũng đến với Kiệt

Tấn như một sự hiện hữu băng trình (trên phương diện tâm tưởng), đến và đi trong đời chàng, cho trọn vẹn, không đòi hỏi một trao đổi vật chất nào. Từ Tuyết bán quán đến Diane xóm học rồi Hồng đi khách, Kiệt Tấn vẽ họ với những nét đặc thù:

– Thì chờ anh học thành tài về nước cưới em.

Nàng ngó tôi hoài nghi:

– Anh đừng có nói cà rơn. Bản mặt anh mà cưới em.

Tôi kênh kênh:

– Thiệt chứ! Em mà dám cho thì anh cũng dám cưới cho mà coi.

Nàng nghiêm mặt (ít khi tôi thấy nàng nghiêm như vậy) làm thành nhỏ hơi teo:

– Hồi thuở giờ em có biểu anh cưới em lúc nào đâu mà bữa nay anh phát thịnh nói kỳ cục vậy?

(Đêm cỏ tuyết, trang 73)

Kiệt Tấn là một nhà văn gạt ra ngoài những ước lệ sẵn có (anticonformiste), ông sợ những... anh hùng, sợ những người... không – sợ – chết, và ông thêm “nếu có người xả mình bình vực những nhân vật không cần ai bình vực hết (như thượng đế, như lãnh tụ, như chủ tịch, như tổng thống) thì tôi, tôi bình đi”.

Tâm lý trong truyện của Kiệt Tấn, phần lớn là tâm lý của chính tác giả. Ông đạt một cách dễ dàng: Trong trạng huống nào, Kiệt Tấn viết về mình cũng rõ, cũng sâu. Tâm lý các vai khác, gián tiếp bật ra cái khéo léo và duyên dáng của Kiệt Tấn trong đối thoại.

Ông chưa phôi bày tâm lý người khác một cách thoải mái. Do đó, khi Kiệt Tấn viết hộ vợ, trong truyện ngắn Cho Thiếp Theo Cùng, Kiệt Tấn chưa đặt mình vào tâm hồn vợ, nhiều đoạn ông phải vận dụng đến những hoàn cảnh trở trêu kỳ cục (cocasse) để đưa câu chuyện tới chỗ miễn cưỡng buồn cười (như cảnh hai lần ông say rượu tông xe vào nhà Nhân dân Tự vệ và bót Cảnh sát).

Nhân đây tôi cũng xin bàn đến cách dùng thơ, ca dao, tục ngữ và nhạc phổ vào văn của Kiệt Tấn.

Theo tôi, thỉnh thoảng đem vào vài câu, đặc địa, làm nổi câu văn rất có duyên, nên lắm. Nhưng đừng lạm dụng, dùng nhiều quá hóa nhàm. Thí dụ câu này:

Khi nghe tiếng lách cách chầm dừ bằng âm thanh dây thun tuột ra khỏi gót son đánh bật lên một tiếng đoạn trường là biết... thế là nát cánh hoa rìng! “Là giết đời nhau đấy biết không? Dưới giàn hoa máu đứt dây thun, giận anh em viết dòng dư lệ”.

Nếu ngừng ở “là giết đời nhau đấy biết không?” câu văn úp mở, thật duyên dáng.

“Dưới giàn hoa máu đứa dây thun” thêm vào đã hơi cổ, còn “Giận anh em viết dòng dư lệ” không những vô nghĩa mà còn thừa.

Đôi khi, bắt được ngón khéo (astuce), ông lập lại hoài như đoạn: “Vân Tiên công mẹ trở ra, đụng phải cột nhà công mẹ trở vô!... Vân Tiên công mẹ trở vô, đụng phải cái bồ công mẹ trở ra!... Vân Tiên công mẹ trở ra, đập bãi cứt gà công mẹ trở vô!” (Nụ Cười Tre Trúc, trang 29).

Đoạn ấy gây thiệt hại cho cái duyên của Kiệt Tấn nhiều lắm. Trong Thương Nàng Bảy Nhiều, Kiệt Tấn đã ít dùng loại văn phổ thơ và nhạc này, câu văn trở nên “của ông” nhiều hơn.

Ngoài ra, trong tập Nụ Cười Tre Trúc, nhiều đoạn ông thả tư tưởng đi lang thang, đang kể chuyện này bắt sang chuyện khác, lối ấy thường dùng trong tùy bút, tuy phóng khoáng, nhưng với truyện ngắn, làm đứt mạch chuyện, không nên sử dụng nhiều.

Trong Thương Nàng Bảy Nhiều, cấu trúc câu chuyện đã chặt chẽ hơn, bớt những chỗ “lạc đề”, do đó dễ lôi cuốn người đọc hơn.

Tuy nhiên, về tính cách tự nhiên, về những tình cảm bột phát, về những suy tưởng chín mùi, về nhạy cảm, về cách sử dụng ngôn ngữ, Nụ Cười Tre Trúc nhiều chỗ mạnh hơn Thương Nàng Bảy Nhiều, nên có tính cách tiêu biểu cho văn phong Kiệt Tấn.

Tôi không cho Kiệt Tấn là một nhà văn phong tục, mặc dầu ông viết về những phong tục hủ lậu rất hay (Chuông ngân chạnh nhớ yêu dâu). Kiệt Tấn cũng không phải là một nhà văn sành tâm lý (trừ khi ông viết về tâm lý của mình). Ngoại trừ Vườn Chanh Miệt Biển, mang những suy tưởng về ảo giác của cuộc đời, Kiệt Tấn lại càng không phải là một nhà triết lý, kỳ dư ông coi rẻ món này (Kiệt Tấn hay cà khía với ông anh làm giáo sư triết).

Nhưng đọc Kiệt Tấn, người ta thấy những yếu tố: phong tục, tâm lý và đôi khi cả triết lý. Dường như, nếu có, cũng là... ngoài ý muốn của tác giả: Kiệt Tấn xuất sắc và hơn người ở chỗ đó.

Điều thứ nhì, đọc Kiệt Tấn, ngoài cái vẻ hóm hỉnh, đôi khi sống sượng, ngôn ngữ buông tuồng, đam mê đến cuồng nhiệt, ẩn một con người yếu đuối nhưng bao dung, một tâm hồn cô đơn đến bệnh hoạn. Kiệt Tấn chia sẻ tất cả của mình cho người, từ những cuộc làm tình sôi nổi đến những giây phút tuyệt vọng không lối thoát. Người yêu của Kiệt Tấn trong Thương Nàng Bảy Nhiều phần lớn là những kẻ bơ vơ, những

tâm hồn ngây thơ hay truy lạc: ở ai chẳng nữa, người đọc cũng tìm thấy cái khía cạnh băng trình của tâm hồn. Viết về tình yêu, có rất nhiều người, nhưng về yêu thương, chỉ Kiệt Tấn đặc sắc.

Mỗi bản khoản của người cầm bút là không bao giờ viết hết được tư tưởng trong đầu mình. Dường như Kiệt Tấn không có cái bản khoản ấy. Ông đã sống, đã viết, nếu không hết, thì cũng gần trọn vẹn những cảm giác sôi sục của mình. Cung cách đặc biệt dẫn vào văn chương như thế, mấy khi chúng ta gặp được.

Thụy Khuê

ĐÃ
PHÁT HÀNH
ĐẦY ĐỦ

TOÀN BỘ TRƯỜNG THIÊN MÙA BIỂN ĐỘNG

TÁC PHẨM CỦA NHÀ VĂN

NGUYỄN MỘNG GIÁC

- BỨC TRANH TOÀN CẢNH NHỮNG VINH NHỤC CỦA DÂN TỘC TRONG GẦN 20 NĂM
- BỘ TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT DÀI 1860 TRANG CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC
- TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG QUAN TRỌNG CĂN CỐ TRONG MỌI TỦ SÁCH GIA ĐÌNH

- | | |
|------------------------------|----------------------|
| ■ TẬP 1: NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM | 180 TRANG, GIÁ 08 MK |
| ■ TẬP 2: BÃO NỔI | 250 TRANG, GIÁ 09 MK |
| ■ TẬP 3: MÙA BIỂN ĐỘNG | 350 TRANG, GIÁ 13 MK |
| ■ TẬP 4: BÈO GIAT | 450 TRANG, GIÁ 15 MK |
| ■ TẬP 5: THA HƯỚNG | 650 TRANG, GIÁ 21 MK |

Liên lạc nhà xuất bản **VĂN NGHỆ**
P.O. BOX 2301 WESTMINSTER CA.
92683 U.S.A.

Phone
(714) 832-8445

Ngô Nguyên Dũng
NHẠC CHUÔNG
TRONG THỜI BĂNG PHIẾN

Ngôi nhà có hai tầng. Ở trên cùng là căn gác tối. Tầng trên có bốn phòng, là chỗ ngủ của vợ chồng Kha, hai đứa con nhỏ và một phòng dành riêng cho khách. Phía dưới được dùng làm phòng khách, có nhà bếp rộng, cửa đẩy dẫn vào phòng ăn. Nhưng có lẽ Kha yêu bầu không khí tĩnh mịch nơi này nhất. Chàng đã chán ngán những thường nhật xô bồ nơi phố chợ.

Vợ chồng Kha đi theo nhân viên sở địa ốc đến xem nhà vào một buổi chiều cuối đông. Hôm ấy trời có nắng. Chút nắng chiều còn quyến luyến trên những chòm thủy tùng. Sau cơn mưa tuyết đêm qua, cảnh vật khoác chiếc áo lông cừu trắng xóa. Cánh cửa gỗ sơn xanh, một hàng đậu trụi lá thả bỏ quăn quít những ngón khô trên khung sắt hình vòng nguyệt. Tường nhà ánh vàng trong vũng nắng tàn. Tất cả hình ảnh ấy tự dưng có một vẻ gì đó rất thân quen trong mảnh hồi ức Kha. Nồng nàn như những đám mây tụ lại từ đáy kỷ niệm bốc hơi băng phiến. Tim chàng đập mạnh, vỗ xập xòe đôi cánh bướm đêm.

Trở lại đây một lần nữa vào đầu xuân, lúc bồ công anh trên sân cỏ đã nở vàng. Kha chợt nhận ra đây là nơi chốn *déjà vu* trong tiềm thức chàng. Chỗ này chàng đã đặt chân tới, một lần, hai lần, hay nhiều lần trong cõi thời gian nào đó. Chàng vừa đi giáp một vòng nhân sinh luẩn quẩn, hoặc đấy chỉ là niệm ảnh tuổi thơ của căn nhà Đà Lạt vào mùa hè năm xưa. Vẫn khu vườn cỏ bao quanh. Vẫn cánh đôi thông, thủy tùng và bách hương bên cạnh. Vẫn mặt hồ trắng bạc xa xa từ ban công

nhìn xuống. Kha ném xâu chìa khóa lên sàn nhà lót gỗ, tựa người vào tường vôi. Chàng cất tiếng kêu:

– Nga ơi!

Vợ Kha bước ra ban công, tay cầm cây chổi con.

– Gì đó anh?

– Dường như anh đã tới đây một lần rồi.

Nga ngơ ngác, rồi cười:

– ... Vào mùa đông vừa qua.

– Không, anh muốn nói là anh đã sống ở đây... hay tại anh nhớ Đà Lạt quá, nên suy tưởng vẩn vơ!

– Anh à, phong cảnh nơi này y như từ trên đồi nhìn xuống hồ Xuân Hương.

Kha kéo vợ sát vào người. Chàng mân mê sống lưng mềm mại của người đàn bà. Nga thả rớt cây chổi con xuống sàn nhà. Kha xoay người, đẩy vợ tì vào tường. Chàng cúi xuống khuôn mặt Nga thẳng thốt. “Đừng, anh...”. Tiếng Nga mất hút giữa cặp môi Kha tham lam nuốt trắng. Chàng hấp tấp luồn tay vào áo len, xỏ bung vạt áo lụa mỏng khỏi lưng quần. Những ngón tay Kha tìm kiếm. Một cảm giác mềm ấm nằm trong lòng tay Kha tròn vo một khối. Kha nghe trong ký ức mình tiếng chim én liệng kêu hối hả trên mái ngói. Những đôi cánh đen hình chữ V chao lượn. Chàng tháo nút quần *jeans*, kéo phéc mơ tuya xuống. “Thôi, anh...”. Nga luống cuống kêu trong hơi thở Kha dồn dập. Những khung cửa thời gian rách toạc thên thành thang cho Kha chạy vào rồi khép lại nhốt chàng trong bóng tối hoài nghi. Cảm xúc Kha nở hoa vội vàng. Chàng là con thú hoang đang yêu Nga giữa thiên nhiên mệnh mông. Chàng gục đầu lên vai Nga thở hắt ra lần cuối. Nước mắt chàng bỗng dừng ứa ra như vừa xem lại cuộn phim thời thơ ấu.

Từ buổi giao hoan ngẫu nhiên với Nga ngoài ban công, Kha cảm thấy mình gần gũi hơn với cuộc sống lưu vong. Chàng bắt đầu lưu luyến đất trời nơi đây. Đêm không còn là đoạn đường hầm dài ngoằng đen thẫm nữa. Ngày không phải là những giờ làm việc vội vã, buổi ăn trưa hấp tấp. Thời gian đã có những dấu chấm, dấu phẩy trong ngôn ngữ đời Kha. Những cuối tuần nơi đây bắt đầu có ý nghĩa. Nga muốn có một vườn rau nhỏ sau nhà, nên nhờ Kha đẩy cỏ, lên vòng. Chàng còn xây cho hai đứa con một bể cát, treo lên cây mận tím ghế xích đu. Chúng còn bắt chàng đóng một cái tổ chim sơn hồng, dựng một góc sân để máng thức ăn cho chim. Những ngày hè, mỗi sáng Kha được đánh thức bằng tiếng chim kêu chí choét. Tâm hồn Kha không phải là những con

đường ngập ngựa xe cộ và rác bần của thành phố nữa, mà đã trở nên một mảnh đất trời man dã buổi sơ khai.

Một cuối tuần, Nga nhờ Kha khuân chiếc ghế cũ đem vát trên căn gác nằm dưới mái nhà. Trần gác có hai cánh cửa sổ tròn quay to như chiếc đĩa bàn nằm nghiêng. Kha thấy trong góc tối vẫn còn vài món đồ lặt vặt của người chủ nhà bỏ lại. Hai tấm gỗ ép dựng theo chiều dài sát tường. Một ngọn đèn chụp bảm dây bụi. Và trong chiếc giỏ mây nằm ở góc khuất, Kha nhặt ra một cái hộp nhỏ. Đó là loại hộp làm bằng gỗ mỏng dựng xi gà. Hộp được cột bằng một sợi băng vải màu trắng đã ố vàng lốm đốm. Kha thổi mạnh. Một lớp bụi bay tản mạn. Chàng nhẹ nhàng giật một đầu băng vải. Gút thắt bung ra. Kha thấy bàn tay mình run run đỡ nắp hộp. Một luồng tĩnh điện bương bả lan tới, xô Kha lăn vào từ trường quá khứ. Chiếc hộp thiếc đựng “những báu vật ấu thời” của chị Thuyết đây mà. Ngày xưa ở quê nhà, mỗi lần chị đi vắng, cậu bé Kha vẫn thường lén lút mở tủ lấy chiếc hộp thiếc, lòi ra từng món đồ chơi của chị Thuyết vẫn còn nâng niu để dành. Vài cọc hình cột dây thun kể chuyện Peter Pan và Bạch Tuyết Bảy Chú Lùn. Một chiếc khăn tay thêu hoa vụng về. Dăm ba hòn bi thủy tinh lóng lánh những đường gân đủ màu sắc sỡ. Một chiếc dù Nhật bản bằng giấy nhỏ xíu. Cậu bé Kha đã đắm đuối ngắm nghía những món đồ vật dễ thương đó, đâu ngờ rằng bây giờ, hơn hai mươi năm sau, Kha cũng đang cầm trên tay một chiếc hộp tương tự.

Kha ngồi bệt xuống, trút những đồ vật ra sàn gác. Một luồng sáng yếu ớt từ cửa sổ len vào, đủ cho Kha thấy gồm có một con búp bê nhồi bông nhỏ bằng bàn tay con nít, ba tập truyện cổ tích ghi giá mười xu, một xấp thiệp Giáng sinh cỡ nhỏ cột dây kim tuyến lấp lánh, một cái kẹp tóc hình hai trái anh đào, vài chiếc vòng đeo tay bằng mủ đủ màu. Và, lòi cuốn Kha nhất là cái hộp con hình chữ nhật màu đen viền kim nhũ, trên nắp vẽ hình một thằng hề đứng múa một chân trên quả bóng khổng lồ, hai tay dang ra cầm bảng hiệu đề chữ “Circus”. Kha biết hộp chứa gì rồi. Trong đó có âm nhạc, chỉ cần mở nắp là những nốt nhạc phát ra réo rắt. Kha sung sướng như đứa con nít miền quê lần đầu tiên được nghe máy hát. Chàng thận trọng đặt chiếc hộp âm nhạc trong lòng bàn tay trái, dùng hai ngón trỏ và ngón cái của bàn tay phải trù mển từ từ mở nắp ra. Kha nhắm mắt lại. Chàng thả hồn bay bổng theo tiếng nhạc “*Fur Elise*” thánh thót. Không gian mênh mông vừa hội lại thành một vòng đen sáng rực nhỏ nhoi, chiếu thẳng vào lòng tay chàng. Kha thấy rõ ràng từng nốt nhạc do ré mi fa sol la si lăc lư trên khung

kẻ. Chúng rung lên. Chúng ôm lấy nhau khiêu vũ. Chúng hôn nhau, cuộn tròn những thân thể trần truồng đang nhấp nhóm làm tình. Da thịt Kha xốn xang bắt rứt. Chàng đang thò tay mê mê da thịt thời gian. Quá khứ đã hóa thành cô gái đẹp lóa thể nằm trước mặt chàng. Tóc nàng tỏa ngát hương bằng phiến. Mùi của áo mới trong ngày hội quê hương.

Tiếng nhạc lắng tẳng chậm dần rồi tắt hẳn. Kha mở mắt. Ánh sáng cuối ngày đã nhạt. Chung quanh chàng, bóng tối bủa vây. Vẳng lại từ xa, tiếng chuông nhà thờ buông thông thả những hồi kính koong. Kha lẳng lẳng xếp những món đồ chơi vào hộp gỗ, luống cuống trèo xuống thang gác như đứa nhỏ ham chơi về trễ giờ cơm.

*

* *

Hè tới mang cái nóng bưng bít. Mỗi chiều từ hăng trở về, hôm nào trời không mưa, Kha đều tạt ngang hồ tắm ngoài trời đón Nga và hai con. Mấy đứa nhỏ còn đòi chàng mua một cái lều vải về cắm ngoài sân cho chúng ngủ đêm. Những ngày cuối tuần, thằng út chỉ mặc trần xì cái quần tắm, đầu đội nón gắn lông gà giả làm tù trưởng da đỏ, đi ra đi vào nghênh ngang. Nó bắt Kha làm người da trắng để cha con chơi trò bắn súng. Thường thì Kha... phải thua, bị bắn chết ngã lăn ra sân, cậu con trai mới hài lòng.

Buổi tối Kha nằm chơi với chúng trong lều vải một chập mới trở vào nhà. Một đêm quang tạnh, trăng sao thấp sáng vàng vạc trên cao, Kha ngủ quên tới giữa khuya mới thức giấc. Hai đứa nhỏ nằm ngủ co quắp ngon lành bên cạnh. Kha lồm cồm ngồi dậy, rón rén vạch cửa lều bước ra ngoài. Chàng ngẩng mặt vươn vai hít thật sâu khí trời trong lành. Kha chợt cảm thấy nhẹ hẫng lạ lùng. Những huyết mạch chàng là muôn ngàn dòng sông dâng cao ngọn thủy triều. Bàn chân Kha bước lằng lằng trên cỏ. Khi đi ngang bụi cây đá bạc lấp lánh dưới luồng nguyệt bạch, Kha thấy thấp thoáng bóng người. Nhìn kỹ, đó là một cô gái bản xứ. Cũng như Kha, cô ta khựng chân lại. Hai người ngó nhau đăm đăm, ngượng nghịu. Kha nhếch môi cười:

– Chào cô.

Người con gái tóc vàng chào trả. Chiếc áo bông vải ngắn tay, cổ hở dài tới bắp chân sáng long lanh như giắt bạc. Kha nhú mày tự hỏi, cái cô này làm gì mà đi lang thang vào giờ này, định quay lưng bước vào nhà thì cô gái khẽ gọi giật lại:

– Này ông!

Kha dừng chân, bước tới:

– Cô muốn hỏi chuyện chi?

Đôi mắt người con gái nhìn chàng bối rối. Nàng lắp bắp:

– Tôi... tôi... muốn...

Kha thấy thương hại, nhỏ nhẹ giúp lời:

– Tôi có thể giúp cô được chuyện gì?

– Đây là ngôi nhà cũ của gia đình tôi, tôi nhớ nhà nên về thăm.

Nhận ra ánh mắt Kha chau lại thắc mắc, nàng tiếp:

– Tôi ở đây được mười tám năm thì cha mẹ tôi ly dị, mẹ tôi ra ở riêng. Sau đó cha tôi thua kiện, phải dọn đi và ngôi nhà được cho mượn lại. Trước khi gia đình ông dọn vào, tôi về thăm hoài đó chứ, tại ông không biết đấy thôi. Đêm nay trời nóng, không ngủ được, lại nhớ nhà ray rứt nên nhân tiện đi dạo, tôi ghé ngang đây.

Kha bắt đầu có cảm tình với người con gái. Chuyện gia đình đổ vỡ của cha mẹ nàng khiến Kha xúc động nhẹ. Chàng mỉm cười:

– Nhưng đã khuya rồi, tôi không thể mời cô vào chơi được. Một cuối tuần nào đó, chúng tôi mời cô tới thăm vào ban ngày.

Nàng khoác đôi cánh tay mảnh khảnh:

– Ô, tôi không dám làm phiền ông đâu. Tôi chỉ cần đi ngang nhìn vào, thấy vẫn còn ngôi nhà và vườn cỏ quen thuộc là đủ rồi.

Rồi nàng nhoẻn miệng cười, phô hàm răng trắng sáng. Kha đưa tay ra, tự giới thiệu:

– Tôi là Kha.

Bàn tay nàng, rịn ẩm mồ hôi nằm gọn trong lòng tay Kha.

– Elisabeth. Ở nhà vẫn gọi tôi là Eli!

Người Kha run lên. Chàng tự hỏi, Eli hay Elise? Những cung điệu “*Fur Elise*” vui tươi lãng mạn trộn với mùi băng phiến ảo tưởng và hồi chuông giáo đường thánh thốt buổi hoàng hôn nào ngân dài trong trí Kha.

Người con gái áo vải đứng bất động một lát, như đang đọc từng dòng ý nghĩ Kha lướt qua trước mặt. Gió đêm mát rượi đuổi nhau rần rật trên những chòm lá đen um.

– Tôi đi đây. Nếu ông cho phép, tôi sẽ trở lại thăm.

Kha tựa tay vào cánh cửa gỗ, gật đầu:

– Cô cứ tới chơi, không có phiền hà gì đâu.

Và nàng quay lưng bước nhẹ trên lối đêm mờ nhạt ánh nguyệt. Những nhánh lá bạc reo lắc rắc. Kha chậm rãi trở vô nhà, nghĩ ngợi quanh co về cuộc hạnh ngộ kỳ quặc. Chàng thay quần áo ngủ, vào

giường nằm. Kha chồm qua, ôm nghiêng lấy Nga. Chàng tưởng tượng vu vơ, sợ nàng chuối ra tấm áo ngủ, biến thành con hạc trắng dịu dàng bay theo luồng trăng lên trời. Sợ nàng bỏ chàng lại một mình chốn trần gian. Sợ rồi chàng sẽ cô đơn đi tiếp phần đời còn lại. Cuộc phù sinh lạc mảnh linh hồn, chỉ còn mớ thân xác phơi trắng quanh quẽ, quần quại mê đắm trong hương khói phù dung. Mái tóc Nga ngào ngạt mùi chanh thanh khiết. Kha giấu mũi mình vào gáy tóc nàng. Chàng ép bụng mình vào sát đáy lưng Nga. Nàng tựa mình mấp máy môi ư ử. Kha dỗ dành, ngủ đi em, ngủ đi em... Và chàng nằm ở tư thế ấy rất lâu. Hai mắt chàng khép kín mà giấc ngủ vẫn mở cửa toang hoác. Những hạt bụi đầy lên trong ánh sáng đêm nay làm Kha chóa mắt. Chàng thao thức như trẻ nhỏ chờ Tết.

Không phải chỉ một lần, mà nhiều lần sau đó Kha vẫn thức trắng với đôi mắt nhắm. Ý nghĩ chàng xanh mướt chên vênh như ghềnh đá phơi mình dưới vầng trăng tròn. Khi Eli trở lại lần thứ nhì cũng trong một đêm như thế thì Kha chợt biết, mình đã tương tự một hình bóng quá khứ. Chàng khoác áo ngủ, lần theo tiếng nhạc rớt rớt rất trong tiềm thức. Ngoài vườn đêm, bên cây lá bạc, Eli đã đứng đó không biết từ bao giờ. Nàng vẫn yêu kiều trong chiếc áo bông vải. Tóc nàng xỏa dài sáng lên như thắp nến. Khuôn mặt nàng trắng tái hiện từ như nét đẹp của một vầng trăng hoang sơ. Eli nhếch môi cười, im lặng. Kha lẳng lặng mở cửa cho nàng lách vào. Nàng đang trở về ngôi nhà cũ, chốn chôn nhau cắt rún, đang dẫm chân lên mặt đất quê nhà. Nàng đột ngột nắm lấy tay Kha, kéo chàng đi, không nói một lời. Kha như con thú nhỏ bị đôi mắt mẫn xà thôi miên, lướt theo người con gái trên cỏ. Hai người đi vòng quanh nhà vài bận rồi Eli ngả người xuống cỏ, nét mặt mãn nguyện rạng rỡ. Kha còn đang ngỡ ngàng đứng đó thì Eli đã ghệt tay chàng nằm xuống bên cạnh. Nàng kêu nhỏ:

– Ông ơi...

Rồi nàng sửa cách xưng hô:

– Anh ơi, em yêu ngôi nhà cũ.

Trong giây phút ấy, Kha cảm thấy Eli và mảnh vườn nhỏ, ngôi nhà hai tầng, cũng như không gian vắng vặc trăng sao ở trên cao không phải là những cảnh giới khác biệt nữa. Tất cả đã được xúc giác huyền diệu vo thành một khối độc nhất. Kha tuột hai vai áo của Eli trể xuống, hôn lên lớp da thịt trắng nhẽ nhại. *Chàng đang xô ngã cánh cửa dẫn vào căn nhà hoang phế. Phòng khách rộng thênh thang ở tầng dưới, trống hốc với bốn bức tường vôi trắng. Khuong cửa lắp kiếng chiếm gần phân nửa*

chiều dài căn phòng. Lò sưởi đốt củi có mái che ống khói xây bằng gạch nung đỏ nằm hoang lạnh ở một góc. Những tờ nhật trình úa vàng vấy bừa bãi trên sàn nhà đóng bụi. Chàng giơ tay kéo mạnh cánh cửa. Những mùa đông tha hương phà hơi lạnh lên da thịt trống. Có tiếng Nga giục giã: “Đóng cửa lại đi anh, lạnh quá!”. Rồi Kha nghe mình lên tiếng: “Để anh đốt lò sưởi”. Chàng khao khát một hơi ấm trong lúc này. Bàn tay chàng nắm lấy tà áo của Eli kéo lên, rạo rực đi tìm củi lửa của cảm giác. Làn da bụng mềm mại của Eli cũng theo từng ngón tay chàng ve vuốt. Kha hối hả chạy ra khu rừng gần đó tìm củi khô. Lát sau, chàng khuôn về một đống gỗ thông. Kha nhặt những tờ nhật trình, vo tròn ném vào lò sưởi, rồi chất củi lên trên. Chàng bật diêm châm lửa, không quên mở tấm thiếc chắn cho khói luồn ra ngoài. Căn nhà sống lại từ đó. Cũng như Kha đang tháo thắt lưng áo ngủ, mở lớn vạt áo phủ trên hai thân thể trần trụi úp lên nhau. Chàng đang đốt lửa hong ấm ngôi nhà mười tám năm yêu dấu của Eli. Nàng mở nắp chiếc hộp âm nhạc, thả những dòng âm thanh dạo chơi trong trời đất hâm hấp dục tình. Kha quặn người tham lam tìm kiếm. Cũng như Eli, chàng đã lạc mất mảnh trời quê hương tận chốn nào. Xa tấp mù khơi. Không biết có cơ hội nào để chàng lén lút tìm lại, như Eli mò mẫm trong đêm tối trở về ngôi nhà cũ. Khi lò sưởi bắt đầu tỏa hơi ấm, Nga tới ngồi ngoan trong vòng tay Kha dưới sàn nhà, lặng lẽ ngắm hoa lửa vỡ tí tách. Hai pho tượng trầm ngâm, mỗi người là một phiên nhớ quay quắt.

Kha dang tay, dang chân ngã qua một bên. Đèn thấp đèn trắng lên thân thể chàng màu xanh ngọc. Eli ngồi dậy, nhờ chàng cài lại hàng khuy áo ở sống lưng. Đoạn nàng quay sang hôn nhẹ lên môi Kha, thầm thì:

– Thôi, em đi.

Kha gật đầu, nhoảnh miệng cười chào người con gái. Chàng quán lại áo choàng, úp mặt xuống cổ, muốn chết ngấm vào lòng đất đêm nay.

*

* *

Tiếng hai đứa trẻ nô giỡn làm Kha tỉnh giấc. Vừa nằm xuống phơi nắng là hai mắt Kha nhắm lại. Chàng ngủ với những ánh sức tuyệt vời như họa phẩm của Klee.

Kha nghe tiếng đứa con gái thổ thê với Nga ngồi khuất trong bóng mát hiên nhà:

– Má ơi, hôm qua con tìm được hộp đồ chơi của ai bỏ quên trên căn gác nhà mình.

Kha giật thót, ngồi bật dậy. Một con ruồi ngoằn ngoèo quấy rầy trên ngực chàng rịn ướt mồ hôi. Vợ chàng cất tiếng hỏi:

– Có cái gì trong đó?

– Máy cuốn truyện, cái kẹp tóc, con búp bê, xấp thiệp Giáng sinh, vài chiếc vòng đeo tay và một hộp đựng âm nhạc.

Giọng Nga lập lại ngạc nhiên:

– Hộp đựng âm nhạc?

– Thì cái hộp mà mình mở nắp, có phát ra tiếng nhạc đó mà!

Tiếng thằng út chen vào:

– A, bạn em cũng có thứ đó. Mà của nó là một cái chuông giáng sinh màu đỏ. Mình vặn dây thép, nó “hát” cho mình nghe bài “*Stille Nacht*”.

Nga hỏi:

– Còn cái hộp âm nhạc của con đàn bài gì vậy?

– Không biết nữa, mà nghe cũng hay lắm.

Rồi cô con gái cất giọng “là lá” khe khẽ theo điệu nhạc “*Fur Elise*”.

– Má biết bài gì rồi. Nga kêu lên.

– Bài gì vậy má?

– “*Fur Elise*”.

– Elise là ai vậy má?

Tiếng cười trong trẻo của Nga vang lên:

– Làm sao má biết được. Chắc là của người chủ hộp đồ chơi, lúc dọn nhà, bỏ quên trên gác.

Toàn thân Kha xuất mồ hôi đầm dề, tưởng như vợ con vừa khám phá ra chuyện ngoại tình với Eli. Eli hay Elise? Kha đã lẫn lộn mất rồi. Chàng không còn phân biệt ai là người thỉnh thoảng lại tới giao hoan với chàng vào giữa khuya, và ai là chủ nhân chiếc hộp đựng những món đồ chơi trẻ con nữa. Không chừng cả hai chỉ là một. Kha tự trách thầm, tại sao mình không hỏi Eli chuyện này? Chỉ vì những ham muốn thể xác mà mỗi lần gặp Eli, chàng quên lửng.

Cũng đã vài tuần trôi qua, Kha không gặp lại Eli. Chàng như một sinh vật chỉ còn biết tuân theo bản năng tâm linh, mỗi lần nghe tiếng chuông ngân lắc rắc trong giấc mộng đêm hè, lại giật mình tỉnh ngủ. Mũi chàng đón lấy hương đêm ngạt ngào mùi băng phiến. Chàng nhẹ nhàng chuôi người ra tấm chăn mỏng, khoác áo choàng. Như một bóng ma, Kha lướt xuống thang lầu, ra bãi cỏ hện rạo rực dưới trăng đêm. Kha đã bơ vơ chờ đợi. Chàng run rẩy như cọng cỏ ngoan mềm nằm dưới bàn chân tình yêu. Bên hàng dậu, nhánh cây lá bạc lung lay sáng

ngồi. Đêm hè êm như tơ ôm lấy người Kha bồn chồn khát vọng.

Qua nhiều lần như vậy, Kha bỗng nhận ra nét huyền hoặc của kiếp người. Đường như vật chất đã biến thành vọng tưởng. Cái thật đã khuất sâu vào cái giả, để chàng mãi miết đi tìm và chờ ngóng. Hạnh phúc không phải là những gì mình nắm giữ trong tay, mà đã trở thành một chấm sáng mờ ảo nơi ranh giới giữa trời và đất. Eli là chiếc bóng mà Kha đang đuổi bắt. Còn Nga là hình ảnh gần gũi bị bỏ quên từ hôm dọn về đây.

– Ở đằng kia, cũng có năm mộ đề tên Elisabeth.

Câu nói của đứa con gái như luồng gió thág mười từ đông bắc thổi xuống, vuốt nghìn ngón tay bằng sơn lên người Kha. Chàng rung mình ớn lạnh, đứng phất dậy. Nắng lóa khắp nơi. Đất dưới chân chàng như lún xuống.

Tiếng vợ chàng vẫn bình thản vọng lại:

– À, mộ đất của dòng họ người chủ nhà bên cạnh rừng cây bạch dương chứ gì?

Kha nghe ù tai. Mắt chàng hoa lên. Nắng chỉ còn là những đốm đen rụng rơi lảo đảo. Hai chân quỵ xuống, Kha thần thờ gập người xuống cỏ. Bên tai chàng vẳng lại tiếng xịt nước ào ào, tiếng trẻ con rượt bắt nhau inh ỏi. Kha tưởng chừng như mưa đang rót trên khoảnh sân cỏ bên hiên nhà, cách chàng một khoảng ngắn. Hồn ma của Eli vẫn còn một chỗ để trở về. Còn Kha, chàng không còn nơi nào để trú thân trên mặt đất hoang vu này nữa.

Ngô Nguyên Dũng
(22 – 05 – 1989)

Lê Hoàng Minh
CÁI QUYỀN THỨ TƯ

Sáng hôm đó lúc ra đến chỗ cái chuồng xí của khu phố bỗng nhiên tôi nhận thấy có sự bất thường. Vào giờ này, mọi hôm, ở đó vẫn vắng tanh vắng ngắt thế mà lúc ấy không hiểu sao lại đông nghẹt hẳn lên. Trước cái hàng rào giậu ở phía ngoài có đến mười mấy hai mươi người là ít, đàn ông có, đàn bà có, người già có, con nít có, toàn những người trong khu phố mà tôi biết mặt. Và điều lạ hơn nữa là ai nấy đều có vẻ quan trọng, căng thẳng lên như đang chờ đợi một sự kiện lớn lao nào. Thấy thế tôi cũng đâm ra rờn rợn. Thời buổi bây giờ hề gặp một cái gì hơi khang khác là mình phải lập tức mở to hai mắt, thăm dò tình ý để còn liệu mà đề phòng. Bởi thế đang hăng hái bước tôi liền giảm ngay tốc độ của đôi chân và khi đến gần tôi kêu ngay một anh hàng xóm và hỏi nhỏ.

– Có việc gì hở bác? Sao đông thế kia?

Anh hàng xóm quay lại nhìn tôi, lắc đầu rồi nói lí nhí mấy tiếng gì mà tôi không nghe rõ. Tôi không buồn hỏi lại vì tôi chợt nhớ là đã ở tít đằng sau đám người thì có lẽ anh ta cũng chẳng hay biết được gì về những cái đang xảy ra phía trước. Nhìn những người khác tôi thấy họ đều có vẻ nhẩn nhó, dăm dăm. Tay người nào cũng nắm gọn một mảnh giấy vo tròn chứng tỏ là cũng như tôi họ đều đến đây vì cái mục đích quen thuộc mỗi sáng, nhưng vì bị ngăn trở nên còn lóng nhóng ở trước cửa ra vào. Tôi lách mình định chen lên nhưng không chen được. Phía sau tôi một vài người hàng xóm khác vừa đi trở tới cũng đang đứng lại, ngăn ngừa và tưng hửng. Tôi nghe họ hỏi nhau: “Cái gì thế? Có ai lọt

trong chuồng xí hay sao?”.

– Ô, ghê quá!

– Lột thật à?

– Kéo người ta lên chứ!

Những tiếng xì xào, bàn tán mỗi lúc một nhiều, xen lẫn với một hai tiếng cười rúc rích. Không biết thực sự tình hình đang diễn tiến ra sao, nhưng nếu chỉ nghe những câu nói qua lại như thế này không thôi thì tôi thấy cũng hay hay, thú vị. Tôi cũng muốn cười góp với mấy người hàng xóm nhưng rồi lại không cười được vì còn mải nghĩ cách giải quyết cái vấn đề cá nhân của riêng tôi để rồi còn về nhà rửa qua loa cái mặt, ăn qua loa bát cơm nguội và lao đầu vào cuộc kiếm sống hàng ngày. Tôi cố chen lên và lần này thì tôi chen được. Những bà con đứng trước tôi ở hàng phía trên hình như đang để hết tâm tư vào công việc co các bắp thịt, khép chặt hai chân, cố nén một cái sức tràn mà dù không gọi đích tên ai cũng biết, thành thử tôi đã vượt qua các chướng ngại vật một cách dễ dàng. Và đến khi ấy thì tôi chợt hiểu. Thì ra hai cánh cửa ở chỗ cổng chuồng xí mọi ngày vẫn được mở toang để cho bà con cô bác có thể ra vào thoải mái, sáng ấy đã bị ai đó dùng dây kẽm gai khóa chặt mấy vòng. Bên cạnh là một tấm bảng con mang mấy dòng chữ viết nguệch ngoạc bằng sơn còn ướt báo cho nhân dân trong khu phố được biết là bắt đầu từ đề rõ giờ ngày hôm nay cho đến khi có lệnh mới tất cả các chuồng xí tư nhân cũng như công cộng ở khắp mọi nơi trên lãnh thổ đều tạm thời ngưng hoạt động. Biện pháp phải được các cấp chính quyền địa phương và các tầng lớp nhân dân học tập và chấp hành nghiêm chỉnh. Những trường hợp khẩn cấp cần giải quyết phải xin ý kiến của các giới có thẩm quyền. Nơi này, ngày này, tháng này, năm này... đã đóng dấu và đã ký.

Thật là một tiếng sét. Tôi bủn rủn cả tay chân, đến nỗi suýt nữa thì... nhưng hù vĩa, tôi đã kịp thời nín thở và đã kịp thời ghè lại được. Tôi đưa mắt nhìn xung quanh. Xung quanh người ta cũng nhìn tôi, miệng như nửa cười nửa mỉa.

– Cha mẹ ơi, sao lại có chuyện thế này!

Tôi kêu nho nhỏ như thế trong cổ họng và có cảm tưởng là những người đứng bên cạnh đang ngơ ngác nhìn tôi cũng đang kêu nho nhỏ trong cổ họng một câu có cái nội dung tương tự. Lúc ấy thực tình tôi không biết là tôi sẽ phải làm gì. Tôi chỉ biết là tôi không tài nào đứng yên được một chỗ, hai chân lúc nào cũng nhấp lên nhồm xuống, thân mình lắc lư và da thì nổi gai từng chập. Tôi có cảm giác như trọng tâm

của người tôi đang di chuyển về phía thấp vì tôi nghe đầu tôi càng lúc càng nhẹ đi còn bụng và phần dưới bụng thì cứ từ từ nặng lên một cách đáng ngại. Những người khác cũng chẳng hơn gì. Người nào cũng như đang nín hơi không dám thở, không dám cử động, không dám nói to. Những tiếng cười rúc rích cũng không còn nữa. Đám đông từ con số mười mấy hai mươi người, theo sự ước lượng của tôi lúc này, bây giờ đã leo lên đến khoảng con số ba mươi. Gần như toàn thể khu phố đều có mặt, giống hết buổi mít tinh hôm nọ để mừng mấy ngày lễ lớn trong năm. Nếu thỉnh thoảng không có sự hồi thúc hơi cấp bách của ruột non và ruột già ở bên trong thì có thể nói là mọi người đang sống một buổi sáng tinh sương đầy hứa hẹn và thắm thiết tình đoàn kết.

Mặt trời đã bắt đầu lên. Tôi không có đồng hồ và những người đứng cạnh tôi cũng thế, nhưng dựa theo thói quen tôi có thể nói phỏng chừng là lúc ấy chỉ vào quãng năm giờ sáng. Tôi cũng đã bắt đầu trông rõ được mặt mũi của một số cô bác bà con. Có người vừa ngủ dậy, áo quần xốc xếch, mắt kèm nhèm kèm nhèm những ghèn. Có người có lẽ tưởng ngày hôm nay cũng giống như bao nhiêu ngày khác nên lúc ra đây có cầm theo quyển sách ý chừng định tranh thủ đọc trong lúc ngồi làm phận sự tự nhiên. Về phía tổ phụ nữ con số đầu người xem ra cao hơn tất cả vì ở đâu thì tôi không biết chứ riêng ở khu phố tôi các má và các chị vẫn thích gặp nhau ở những nơi công cộng để vừa nhẩn nha ngắm đàn cá tra đua nhau đớp mồi dưới nước vừa dài dòng thông báo cho nhau được rõ về giá cả của gạo, của củi và của rau muống trong ngày. Nhưng lúc ấy một sự im lặng đang trùm mọi chỗ. Người nào cũng nhìn sửng hai cái cửa ra vào quen thuộc với cái vẻ đang tự hỏi không biết tại sao bỗng dưng chúng lại hóa ra lạnh lùng và xa lạ đối với mình. Những bác Ba, những chú Tư, những anh Năm, anh Sáu, những dì Bảy, những chị Tám, cho chí những kẻ vô danh và kém vai vế nhất trong khu phố là anh hàng xóm và tôi đều ngẩn ngơ, nhón nhác. Rồi thì có một vài bà con đang đứng yên tự nhiên lại rung mình lên một cái rồi hấp ta hấp tấp rời bỏ chúng tôi để bước vội ra ngoài. Tình thế đã có mùi không ổn. Thấy vậy một người bàn:

– Hay là bọn mình đưa nhau xuống chỗ khu vực xem người ta ở đấy giải quyết ra sao.

Câu nói làm ai nấy đều như bưng tỉnh:

– Ờ nhỉ! Đúng thế, ta nên đi ngay kẻo không kịp nữa.

Lúc chúng tôi xuống đến nơi thì đồng chí cán bộ phụ trách khu vực lại đi đâu vắng. Nhưng chúng tôi có dịp gặp nhiều người ở các khu

phố khác, họ cũng đưa nhau đến đây để thăm hỏi tình hình. Họ cũng xông cao không kém chúng tôi, nhưng được trông thấy họ chúng tôi cảm thấy hơi yên tâm một chút, vì nhờ họ chúng tôi được nghe thêm nhiều ý kiến, nhiều tin đồn, nhiều giả thuyết. Như thế tính ra còn hay hơn là cứ ở ý một chỗ để nín hơi và nhìn nhau và hoang mang vì mù tịt. Một ông ra vẻ thành thạo nói với chúng tôi bằng giọng của một kẻ đang tiết lộ một bí mật quốc phòng:

– Các bác chưa biết đấy thôi, chứ đây đã có kế hoạch sẵn cả rồi. Tôi nghe nói Hội Đồng Trung Ương đã ra nghị quyết từ hơn ba tháng trước.

– Ghê thế cơ à? Nhưng tại sao lại đợi mãi đến bây giờ, dùng một cái, mới chịu phổ biến?

– Thì đã bảo là kế hoạch mà lại! Việc của cả nước nó tinh vi phức tạp chứ không đơn giản và thế nào cũng được như những việc riêng tư, vật vãnh của nhà mình. Có lẽ các bác chỉ nên biết thế thôi cũng đủ.

Thì chúng tôi cũng chỉ biết có thế thôi. Và cũng chỉ vì biết có thế thôi nên chúng tôi, nhất là bác hàng xóm của tôi, hãy còn phân vân chưa biết phải xử lý thế nào để thích ứng với tình huống mới. Trong lúc ấy những người từ các khu phố khác trong khu vực cứ tiếp tục đổ xô về mỗi lúc một đông hơn. Tin tức cũng bay về tới tấp nhiều như bướm bướm. Kẻ thì bảo thế này, người thì đồn thế nọ, cứ lung tung ngẫu xạ cả lên. Tôi bỏ cả hơi tai, cố phôi kiểm và tổng hợp các nguồn tin nhưng cũng không biết được gì hơn, ngoài những tiếng vang mơ hồ đã nghe trước đây mấy phút. Theo đó đại khái là để tiến lên nếp sống mới có trật tự và có văn minh, các nhà lãnh đạo của chúng ta đã đề ra phương án kiểm soát, kế hoạch hóa và hạch toán hóa quyền thứ tư trong bốn quyền căn bản và tự nhiên của đời sống. Đó là bước đầu của thời kỳ quá độ. Với những kế hoạch năm năm sắp tới sẽ lần lượt đề cập đến mấy quyền còn lại để từng bước vững chắc đưa nhân dân cả nước nói riêng và toàn thể loài người tiến bộ nói chung đi vào một kỷ nguyên mới, chưa từng thấy trong lịch sử. Vậy thì kể từ nay quyền thứ tư ấy sẽ được thực hiện một cách có qui hoạch và có khoa học hơn theo những tiêu chuẩn đặc biệt. Nghĩa là nếu các vị đang nghe tôi kể chuyện ở đây có đồng ý cho phép tôi được dùng một vài chữ kém văn hóa một tí nhưng lại diễn tả được một cách vô cùng xác thực để tôi có thể như ông thi sĩ Boalô của Pháp gọi con mèo là con mèo thì tôi xin nói rằng như thế có nghĩa là từ giờ phút này trở đi một “chế độ đi ỉa” mới đã được ban hành và áp dụng cho cả nước. Mỗi công dân, bất cứ nằm trong diện

nào, đàn ông cũng như đàn bà, già như trẻ, đau yếu cũng như khỏe mạnh, lành lặn cũng như tàn tật, cứ mỗi lần đi ỉa, ngoài mảnh giấy báo cũ vo tròn cổ điển vẫn thấy từ trước đến giờ, sẽ phải mang theo một mảnh giấy thứ hai gọi là giấy giới thiệu để xuất trình với tổ điều hành và quản lý các chuồng xí mà từ nay mọi người sẽ được biết dưới danh hiệu cải tiến là Nhà Vệ Sinh Giải Phóng cho phù hợp với những thủ tục kinh tế, vệ sinh và hành chính mới. Đó là những điều sơ bộ biết được căn cứ theo những lời đồn miệng đầu tiên nhưng cam đoan có chứa đựng khoảng bảy tám mươi phần trăm sự thực. Chính tôi, thoát nghe sơ sơ câu chuyện tôi cũng choáng váng cả người. Anh hàng xóm của tôi cũng thế, nhưng ở anh ta sự choáng váng nó mãnh liệt hơn ở tôi nhiều. Tôi nghe anh ta luôn mồm lải nhải:

– Trời ơi!... Bác ơi!... Sao lại thế hở bác?... Các bố ấy đòi phải có giấy giới thiệu để làm gì?

Trông anh ta lúc ấy tôi thấy rõ đáng thương hại, vì mặt thì cứ xám ngoét ra và hai tay thì cứ run lên bần bật. Nhưng nghe anh ta rên mãi tôi cũng đâm ra bực cả mình.

– Ố... lạ nhỉ!... Người ta đòi bác mà bác cứ đi hỏi tôi!... Tôi biết thế quái nào được?

Nhưng không phải chỉ có anh hàng xóm và tôi, nhiều người khác trong khu phố cũng đang gắt nhau ồm tỏi. Ở cách chỗ tôi đứng mấy bước một ông chồng đang càu nhàu bà vợ:

– Thực tôi cũng đến khổ vì cái thói hà tiện của mẹ mày! Đĩa rau muống luộc để cách đêm tôi đã bảo là không ăn được nữa, thế mà cũng cố dọn ra. Chết một nỗi là lại gặp đúng vào ngày hôm nay. Phải liệu sớm sớm thế nào chứ tôi nghe trong bụng nó đang sôi ùng ục.

Đến riêng bản thân cái giấy giới thiệu cũng là đầu đề cho khối vụ tranh cãi dằng dai.

– Thế tôi hỏi chị mấy lâu nay chị ở đâu mà chị lại không biết cái giấy giới thiệu là cái giấy gì? Nói như chị thật không sao nghe lọt được vào tai.

– Đành thế. Nhưng hình như tôi thuộc diện không phải cần đến nó.

– Sao lại không phải cần kia chứ? Bằng cứ là từ hôm nay trở đi nếu không có giấy giới thiệu thì chị đừng hòng... trừ khi chị đã mua trước thật nhiều những nút chai để sẵn để phòng khi có dùng đến thì không kể...

Và như thế cái tin lan nhanh như một mũi thuốc súng. Trời đã

sáng rõ hẳn. Từ xa ống loa phát thanh hàng ngày của khu vực đã bắt đầu cất tiếng. Một vài người vểnh tai nghe, hy vọng một cái gì lạ hơn hoặc chính thức hơn sẽ xảy ra ở giờ phút chót. Tôi cũng vểnh tai, nhưng chẳng thấy có tin tức gì liên quan trực tiếp đến khu phố của tôi cả. Sau một đoạn tin là mấy phút nhạc, hùng dũng có, du dương có, rồi lại tin, rồi lại nhạc. Thỉnh thoảng vang lên những loạt vỗ tay những tiếng hoan hô thật to đầy phấn khởi. Cứ nhắm mắt lại mà nghe thì mọi người có thể có cảm tưởng đó là không khí của một ngày hội lớn. Anh hàng xóm bảo tôi:

– Kể cũng đáng phục thật. Vì như tôi bây giờ giá có ai bắt tôi cũng hô to như thế thì có lẽ khi hô xong tôi lại phải chạy về nhà không kịp...

Lúc bấy giờ loa đã bắt đầu thông báo những cái tin thu hút được sự chú ý của mọi người. Để gây thêm quyết tâm và khích lệ tinh thần thi đua, cứ mỗi giờ một bản tin đặc biệt lại được trạm phát tuyến trung ương gửi đi cho tất cả các địa phương để những nơi này kịp thời thông báo cho cô bác bà con được biết một cách nóng sốt, những sự việc đang diễn tiến từng giây từng phút ở khắp mọi nơi trên đất nước, ở đồng bằng cũng như ở miền rừng núi, ở tận những biên giới xa xôi cũng như ở tít ngoài những hải đảo mịt mù. Nhờ đó tôi mới hay rằng trong hơn một tiếng đồng hồ vừa qua, trong khi những người trong khu phố tôi còn loay hoay chưa giải quyết xong những vấn đề của cá nhân và nội bộ thì ở nhiều huyện, nhiều phường, nhiều xã một số những người con ưu tú của tổ quốc đã có những cử chỉ, những hành động, những sáng kiến được đánh giá cao và được xem là xứng đáng làm gương để mọi người noi theo, học tập và phát huy thêm nữa. Hơn một trăm cháu ngoan từ ba đến năm tuổi của một nhà trẻ thuộc một huyện ngoại thành sau khi được hướng dẫn thảo luận và nghiên cứu tư tưởng Ăng Ghen về quá trình chuyển biến từ vượn thành người đã trao đổi ý kiến với các cô nuôi dạy và đã đúc kết quan điểm tiến bộ của mình thành một quyết tâm mang tầm cỡ thời đại. Vấn theo bản tin đặc biệt thì các cháu đã yêu cầu các cô nuôi dạy kể từ nay nên bỏ hẳn thói quen bắt các cháu mỗi sáng phải đi ỉa trong bồn. Đã ý thức được vai trò lịch sử của mình các cháu mong rằng các cô nuôi dạy sẽ cho phép các cháu được phép đóng góp vào sự nghiệp chung bằng cách là các cháu sẽ cho các bồn và các chậu đang dùng của mình vào trong một cái thùng gỗ thật to, dĩ nhiên là sau khi đã rửa thật sạch và đã tẩy trùng, rồi đóng kỹ lại thành một kiện quà để gửi tặng một nơi nào của đất nước đang thiếu phương tiện thực hiện những nhà vệ sinh giải phóng. Về phần các cháu, các

cháu sẽ mạnh dạn đảm nhận trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, và mỗi khi có sự cần dùng các cháu sẽ đến thẳng những nơi dành riêng cho khu vực thường trú của các cháu, sẽ trình giấy giới thiệu và sẽ làm tất cả những thủ tục cần thiết như bao nhiêu người lớn khác. Nhưng đâu đã hết! Vì như một danh nhân đã nói, tổ quốc ta có nhiều liệt sĩ, có lắm anh hùng. Một ông cụ ở tổ phụ lão của phường... (đến đây vì loa đọc nhanh quá nên tôi không kịp nghe là phường bao nhiêu và thuộc về quận nào trong thành phố), tuy đã ở vào cái tuổi cổ lai hi nhưng cũng đã tỏ ra sôi sảng hưởng ứng để nhà nước sớm hoàn thành kế hoạch. Cụ tuyên bố sẽ biểu tất cả những giấy giới thiệu dùng được suốt một năm của cụ cho một gia đình neo đơn nào có người thân hy sinh vì cách mạng. Riêng về cụ thì cụ thông báo với các thông tin viên trong nước và ngoài nước là cụ sẽ kiên quyết nhịn từ đây cho đến sang năm và chỉ hoạt động bình thường trở lại vào dịp ăn mừng một ngày lễ quốc tế lớn.

Thật là những tin đáng cho chúng ta ao ước và tự hào. Nhưng cùng lúc xung quanh tôi lại có luồng dư luận cho rằng có lẽ ông cụ già người bị yếu gan và mắc bệnh táo bón kinh niên, vì nếu không thì làm thế nào ông cụ lại dám quả quyết có thể đạt được một kỷ lục mà ngay ở những nước anh em nhiều anh hùng lao động và nhiều nhà vô địch cũng đành bó tay không phá nổi. Về điểm này những người trong khu phố tôi đã có ba ý kiến khác nhau và đã tách ra thành ba xu hướng: một thủ cựu, một cực đoan và một ôn hòa. Những tay thủ cựu thì đưa ra chủ trương kính lão đắc thọ, cho rằng dù sao đi nữa chúng ta cũng phải nể ông cụ và chỉ nên nhìn thấy thiện chí đây nhiệt tình tuổi trẻ của ông cụ mà thôi. Những tay cực đoan thì cãi lại, viện lẽ thiện chí không đủ – người Pháp đã chẳng bảo rằng địa ngục được lát toàn bằng những thiện chí đó sao?? Chúng ta còn cần phải xét qua kết quả – và đòi cử người đại diện đi tìm gặp ngay ông cụ để bắt ông cụ phải gắn liền lời nói với việc làm. Những tay ôn hòa, trong đó có anh hàng xóm của tôi, thì dễ dãi và có óc thực tế hơn. Họ đã đứng ra tìm cách hòa giải hai xu hướng thủ cựu và cực đoan và nêu lên đề nghị là có lẽ chúng ta cũng nên phái một người đại diện tất cả khu phố đi tìm gặp ông cụ, nhưng không phải để đồn ông cụ vào chân tường như những người cực đoan kia đã muốn, mà là để vấn kế ông cụ, xin ông cụ rũ lòng thương, truyền cho khu phố cái bí thuật nhịn đến sang năm thì có lẽ còn hay hơn là mất thì giờ đôi co lời qua tiếng lại.

– Các bác nghĩ thế nào? Như thế có lợi nhiều hơn chứ! Tôi không tin là ông cụ bị táo bón kinh niên như những kẻ có miệng mồm phản

động đã phao tin với dụng ý xuyên tạc và phá hoại những nỗ lực đáng cho thế giới kính nể của toàn đảng và toàn dân ta. Chúng ta phải đề cử ngay một đồng chí, và đồng chí này sẽ có nhiệm vụ hoàn thành tốt sứ mệnh được giao phó. Cần nhất là phải làm sao tranh thủ để trong một thời gian rất ngắn có thể về dạy lại cho khu phố những điều sẽ tiếp thu được của ông cụ.

Ý kiến xem ra vừa hợp lô gích, vừa khôn ngoan, vừa có vẻ đáp ứng được những yêu cầu cụ thể và cấp bách thành thử chỉ sau mấy phút đắn đo cân nhắc tất cả mọi người trong khu phố, kể cả những tay thủ cựu nhất trong nhóm thủ cựu và những tay cực đoan nhất trong nhóm cực đoan, đều nhất trí tán thành. Người nào cũng thở phào nhẹ nhõm, tưởng như bao nhiêu khó khăn và trở ngại gặp từ sáng sớm đến giờ đều đã được giải quyết và san bằng. Anh hàng xóm không giấu được mừng rỡ, bảo tôi:

– Có thể chứ! Chả lẽ chúng ta không tìm được một cách gì để khắc phục bế tắc hay sao? Ông cụ đúng là cứu tinh của toàn thể khu phố mà có lẽ cũng là cứu tinh của cả nước cũng nên. Tôi phải đề nghị tất cả chúng ta cùng nhất loạt hô to lên một tiếng để hoan hô ông cụ.

Nghe anh ta nói, tôi sợ quá vội can:

– Ấy chết... Bác không nhớ gì ư?... Hô to bây giờ tôi e lại đâm ra có nhiều rắc rối. Chẳng những bác mà ngay đến những người khác, và ngay đến tôi đây nữa, tất cả chúng ta đều lại phải chạy về nhà không kịp mất thôi... Hơn nữa, hôm nay lại là ngày cúp nước. Chúng ta sẽ giặt giũ, rửa ráy làm sao?!

– Trời ơi... Bậy thật... Tôi lại quên khuấy cái chuyện kia... Như thế, trong khi chờ đợi học được bí thuật của ông cụ chúng ta sẽ làm thế nào để đối phó với tình hình trước mắt?

Đây là một câu hỏi đã làm cho tất cả mọi người trong khu phố đều bận tâm lo nghĩ chứ không phải chỉ riêng gì anh hàng xóm của tôi, vì tình hình lúc ấy quả thực đang có nhiều đột biến. Chúng tôi không theo dõi tin tức trên loa nữa vì nghe mãi cũng chỉ có ngần ấy thứ trong khi ở bên ngoài, ở xung quanh mọi người đang thông báo cho nhau biết những sự việc quan trọng và thiết thực hơn nhiều. Từng nhóm năm ba bà con cứ đứng túm tụm rải rác trên khoảng sân rộng để thì thảo to nhỏ. Tôi cũng kéo anh hàng xóm đến đứng xen vào một đám ở gần đấy để nghe. Theo những lời truyền miệng sốt dẻo nhất và đáng tin cậy nhất thì cho đến giờ phút này mặc dù đã được huy động từ chiều hôm qua và đã bắt đầu làm việc ráo riết ngay từ lúc nửa đêm, nhưng các nhân

viên và cán bộ của các tổ công tác quản lý và kiểm kê vẫn chỉ mới kiểm soát được các chuồng xí công cộng và một số rất ít các chuồng xí tư nhân, chứ chưa đạt được trăm phần trăm như cấp trên đã giao lúc ban hành nghị quyết. Lý do là vì các ủy ban nhân dân địa phương chỉ nắm vững được vị trí của những chuồng tiêu công cộng nhờ chúng đã được thiết lập ngay trên những ao cá bác Hồ, còn những chuồng tiêu tư nhân thì lại có tính cách đa dạng và phức tạp hơn, hơn nữa lại còn được phân bố mỏng trên một địa bàn quá ư rộng lớn. Đó là chưa nói đến một vài trường hợp, một vài sự cố khá bất ngờ không sao trù liệu được trước trong chương trình công tác, chẳng hạn đã có xảy ra mấy vụ lĩnh kinh, ngay tại khu phố tôi cũng có mà ngay tại các khu phố xung quanh cũng có. Nhiều nhân viên trong các tổ có nhiệm vụ đóng chốt ở các chuồng tiêu, phần không thông thuộc những đường quanh ngõ tắt, phần phải thi hành gấp gáp lệnh trên giữa lúc đêm hôm tăm tối, có người đã lỡ ngớ huyệt chân rơi tòm xuống các ao phân. Cũng may mà các ao không lầy gì làm sâu lắm nên không ai chết đuối, chỉ có uống phải mấy ngụm nước và tổn mất dăm kí lô xà phòng để khử cho thật hết mùi. Một hai người khác thì lại gặp trở ngại dưới một dạng đặc biệt và hiếm hoi hơn nhưng cũng làm mất thì giờ không kém. Chính anh hàng xóm của tôi đã nghe lỏm được câu chuyện ở đâu đấy và đã thuật lại cho tôi biết như sau, vừa thuật vừa lè lưỡi:

– Đáng sợ thực bác ạ! Người ta đi làm công tác mà cứ thét bảo vệ và các tay chân bộ hạ tóm lấy người ta, lôi vào nhốt luôn trong chuồng xí hàng mấy tiếng đồng hồ. Giá là dân ngu khu đen như bác và tôi thì chỉ riêng cái tội không chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết trung ương cũng cứ gọi là được đi mút chỉ. Chỉ khổ, cho nạn nhân! Lúc được các đồng chí cùng tổ công tác xông vào giải cứu thì đã ngất xỉu ngay vì trót hít phải quá nhiều chất độc. Đã thế mà ông nọ vẫn còn chưa chịu, vẫn đe: “Hừ... Nếu muốn đóng chốt ông cứ hãy cho đóng chốt nhân một thể... chả kiểm cà, kiểm kê gì cả... Đây là chuồng tiêu của cơ quan. Phải biết cho như thế...”.

Tôi hỏi:

– Thế rồi sau đó mọi việc ra sao?

Anh hàng xóm của tôi chưa kịp trả lời thì một ông đứng gần để nghe chuyện của chúng tôi tự nãy giờ đã nhanh nhẩu:

– Thì còn ra sao nữa! Hòa cả làng... Vì tất cả đều là phe ta. Có lẽ bác chưa hay biết gì về văn bản bổ túc nghị quyết ba số 8 vừa phổ biến trên đài và niêm yết khắp nơi cách đây mấy phút?

Tôi lắc đầu:

– Chưa.

– Như thế là bác không nắm vững tình hình. Này nhé... văn phòng thường vụ trung ương sau khi tham khảo ý kiến ủy ban thanh tra đời sống văn minh công cộng và nhất là sau khi nhận định một lần nữa về chủ trương và đường lối đúng đắn của các lãnh tụ kính mến của chúng ta, đã đưa ra một bản thông cáo gồm nhiều điều khoản trong đó có hai điều khoản tôi cho là quan trọng hơn cả. Một, tạm thời xếp các nhà vệ sinh trực thuộc các cơ quan Nhà Nước vào hạng A, nghĩa là hạng được hưởng qui chế tự quản, không bị chi phối bởi hiệu lực của nghị quyết xóa quan liêu, bao cấp. Các thủ trưởng cơ quan và đơn vị sẽ cứu xét và giải quyết yêu cầu cho từng nhân viên một, tùy theo chừng mực quyền hạn của mình. Hai, để đi dần vào nề nếp đời sống tập thể: “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, tất cả những chuồng tiêu tư nhân, kể từ ngày ký và ban hành văn bản, vì quyền lợi của đại bộ phận bà con lao động, sẽ được quản lý, ở giai đoạn đầu, theo chế độ hợp doanh trong khuôn khổ ba lợi ích. Đây, tôi chỉ nhớ có thế. Riêng bác, nếu bác muốn biết thêm những điểm lĩnh khác xin bác chịu khó quá bộ lại đảng kia.

Anh hàng xóm hỏi tôi:

– Chuồng tiêu hợp doanh!?? Thế nó có giống các xí nghiệp hợp doanh hay các cửa hàng ăn uống hợp doanh không bác nhỉ?

Lần này đến lượt tôi chưa kịp mở mồm thì cái ông đứng gần và nhanh nhẩu đã lại cướp lời:

– Tôi rất ngờ, hai bác ạ! Một đảng là ăn còn một đảng là ỉa. Hai cái, ngay trên cơ bản, cũng đã khác nhau rồi. Nhưng có điều là trước đây chắc hai bác còn nhớ, Nhà Nước và Nhân Dân đã có lần cùng làm thì bây giờ, nếu tôi đoán không sai, nhất định chủ trương nhà nước và nhân dân cùng ỉa.

Anh hàng xóm gật đầu:

– Được thế cũng còn là phúc đức bảy mươi đời vì nghe đâu hôm nay người ta chỉ kiểm kê thôi chứ chưa cấp giấy giới thiệu. Mà có cấp cũng lại còn phải kéo theo thứ tự ưu tiên nữa cơ. Các diện chính sách rồi mới đến các hộ nhân dân. Chúng mình sớm lắm cũng phải đến chiều ngày mai mới có.

– Như thế thì nguy. Đã khổ sở về cái ăn, còn khổ sở cả về cái ỉa! Thú thực, tôi chỉ còn cầm cự được đến khoảng quá trưa thôi. Lâu hơn nữa tôi đành chịu.

– Thì tôi hơn gì bác? Đang mót quá thể đây này... Nổi da gà khắp

cả trên lưng, trên bụng...

Tôi cũng nổi da gà như anh hàng xóm, như ông đứng gần và nhanh nhẩu, thêm vào đó lại còn có cảm giác như có cơn gió lạnh thổi thốc từ đằng sau gáy. Hai mắt cứ hoa lên, mỗi lần nhìn là trông thấy một lúc đến ba bốn anh hàng xóm, ba bốn ông đứng gần và nhanh nhẩu. Khoảng sân rộng, nơi cả khu phố vẫn dùng làm chỗ họp, cứ dập dềnh dưới chân tôi như chiếc thuyền nhẩy sóng. Mồ hôi lại vã ra trên trán và chảy xuống cổ thành từng giọt rờn rờn.

Ông đứng gần và nhanh nhẩu nhìn tôi, ái ngại:

– Nếu nghe khó chịu quá bác cứ ngồi thụp xuống cho đỡ mệt, mà xê vào đây một tí không lại nặng... Tôi và bác này đưa nhau lại chỗ kia hỏi thăm thêm tình hình và tin tức, xem may ra có cách gì chăng?

Tôi ôm bụng, thều thào:

– Vâng, tôi ngồi đây... Hai bác cứ đi... Tôi đợi...

Rồi tôi ngồi đợi, không chú ý được gì nữa đến những người và sự việc ở xung quanh. Rồi tôi nhắm nghiền hai mắt, có cảm giác chập chờn của người ở trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê. Mãi đến lúc anh hàng xóm đập mạnh vào vai tôi, tôi mới giật mình, ngẩng lên nhìn ngơ ngác:

– Bác ngủ à? Dậy đi chứ... Dậy nghe tôi nói cái này...

Nhưng tôi loạng choạng chưa kịp đứng lên thì anh ta đã cúi xuống, ghé miệng sát vào tai tôi nói khẽ:

– Bác chuẩn bị đi ngay với chúng tôi.

Tôi càng ngơ ngác:

– Đi đâu?

– Suyt... Bác nói to quá! Chúng tôi vừa phăng ra được một đường dây của mấy anh em tổ chức ỉa chui. Bác có muốn đi với chúng tôi thì sửa soạn đi ngay cho kịp.

Tôi tỉnh táo hẳn, đứng phắt ngay dậy, quên cả cơn đau bụng:

– Ỉa chui à? Thế còn bác kia đâu?

– Bác ấy đang ở ngoài bến xe để giữ sẵn chỗ. Tôi tin thế nào bác cũng đi nên đã bảo bác ấy đăng ký luôn ba chỗ. Xe sắp chạy. Ta rảo bước ra đây là vừa.

Trên đường ra bến xe Lam anh hàng xóm cho tôi biết thêm nhiều chi tiết khác. Đại khái, chi phí nhẹ, địa điểm không xa thành phố mấy, có uy tín, đáng tin cậy, không lo là sẽ bị lừa.

– Nhưng cái cần hơn hết mà tôi muốn hỏi bác là bác liệu có an toàn không, và an toàn được bao nhiêu phần trăm. Vì lỡ ra trong khi

bác và tôi đang ngồi ỉa mà bị bể và bị chúng nó ập vào tóm quả tang thì bỏ xừ cả lũ.

Anh hàng xóm quả quyết:

– Không. Chuyện ấy bác không phải ngại. Bọn này tuy mới ra nghề từ lúc sáng nay thôi nhưng đã có kinh nghiệm sẵn và cung cách làm việc cũng rất là bảo đảm. Đã có hơn chục chuyến trót lọt rồi đấy. Ỉa xong là đường hoàng ra về thư thái nhẹ nhàng...

Chẳng mấy chốc chúng tôi đã ra đến bến xe.

– Bây giờ bác hãy đi chậm lại, chờ cho tôi lên xe trước. Cả ba chúng mình phải làm như thể không quen biết gì nhau. Ở điểm hẹn đã có đề lô đứng sẵn để đưa từng người một đi vào. Mà bác nhớ nhé. Mật hiệu là hai chữ: “Quận Công!” vì người ta sẽ đưa bác ra đồng, vừa không bị ai nghi vừa rộng mà lại vừa mát mẻ. Ai xong trước, cứ ra về trước đừng chờ nhau, lôi thôi lấm. Bác nhớ kỹ cả rồi?

Tôi gật đầu và làm đúng như lời anh hàng xóm dặn. Ông đứng gần và nhanh nhẩu lúc đấy đang lảng vảng trong quán cà phê gần đấy. Chúng tôi đi lẫn vào đám hành khách. Lặng lặng bước lên xe không ai nhìn ai cả. Tôi vừa hồi hộp, vừa mừng, vừa lo sợ. Rồi xe nổ máy, một lát sau thì bỏ lại thành phố ở tít đằng xa để lẫn bánh trên một con đường đất đỏ. Tôi định hỏi anh hàng xóm để biết địa điểm sắp đến là địa điểm nào nhưng sự nhớ câu nói của anh ta lúc nãy, lúc ra đến bến xe, tôi lại không dám hỏi. Tôi nhìn các hành khách khác. Hôm nay họ đều có vẻ khác thường, lăm lăm và hình như cũng đang mang nặng một bầu tâm sự. Quang cảnh hai bên đường bấy giờ là quang cảnh đặc biệt của vùng quê. Những bờ cỏ xanh, những ruộng mạ non, những rừng tràm bầu, những hàng cây so đũa. Nhưng tôi không thích gì cảnh vật, chỉ mong sao cho chóng đến nơi để xem câu chuyện hôm nay nó ngã ngũ thế nào. Bụng tôi lại bắt đầu đau lăm râm trở lại vì đường xấu quá. Có lẽ anh hàng xóm và ông đứng gần và nhanh nhẩu cũng đang đau bụng như tôi vì tôi thấy cả hai chốc chốc lại nhăn mặt một hồi. Đường đã xấu lại càng thêm xấu. Chiếc xe bị tung lên nhồi xuống như tàu biển gặp sóng cấp mười hai, còn mọi người trên xe thì cứ sàng qua đảo lại như một bọn lên đồng. Từ đau lăm râm bụng tôi lại đổi ra đau quặn, và tôi có cảm giác nó căng phồng lên như quả ba lông. Tôi lo ngại quá, nhón nhác nhìn con đường trước mặt và không khỏi rùng mình. Tôi muốn nói sự lo ngại của tôi cho hai ông bạn đồng hành là anh hàng xóm và ông đứng gần và nhanh nhẩu biết, nhưng không kịp nữa. Vì xe đang sấn lên một đoạn đường lổm chổm ổ gà. Tôi mím miệng, bặm môi nhưng vô ích.

Nhìn sang hai ông bạn đồng cảnh ngộ tôi thấy họ cũng đang mím miệng, bặm môi, rồi thì không hẹn mà cả ba chúng tôi cùng xịu mặt xuống và thở hắt ra một cái. Sau cái thở hắt là mấy giây im lặng. Rồi anh hàng xóm “e hèm” mấy tiếng để lấy lại tinh thần, vỗ vỗ vào mui xe nói với anh tài xế:

– Tốp lại đi bác... Cho chúng tôi xuống... đến nơi rồi!

Chúng tôi phải vừa cúi khom người vừa đi giật lùi để bước xuống xe. May mà các hành khách khác vì mãi chú ý đến con đường xấu nên không ai ngờ gì cả.

Chúng tôi cố làm ra vẻ tự nhiên nhưng anh nào cũng bước lạch bạch và khệnh khà khệnh khạng như ba chú vịt bầu. Đứng quần cửi phập phình và ướt ướt như có cái bong bóng rượu lậu giấu bên trong. Tôi cúi đầu, lăm lũi đi, không nói gì. Ông đứng gần và nhanh nhẩu lúc này thì lại đứng xa, không nhanh nhẩu nữa và có vẻ ngượng. Chỉ có anh hàng xóm của tôi là vẫn vui vẻ xuề xòa:

– Như thế cũng xong thôi hai bác ạ! Vẫn còn là những công dân tốt, sống và lao động theo hiến pháp, không phải mang tiếng ỉa chui. Sắp sửa đến cái cầu sắt kia rồi. Ta sẽ xuống bờ sông tìm quăng nào vắng, rửa ráy, tắm táp, giặt giũ, phơi phóng đâu đấy cho khô rồi nằm khểnh dưới bóng mát đánh một giấc đến xế chiều. Lúc ấy ta sẽ lại ra đây đón ô tô buýt. Thế là đầy đủ cho hôm nay. Ngày mai thì không lo nữa, đã có giấy giới thiệu vậy thì, có muộn lắm thì là ngày kia, cũng vào giờ này, xin hai bác, đừng quên, cánh mình hẹn nhau cùng đi ra khu phố để chính thức cắt băng khai trương nhà vệ sinh giải phóng.

Lê Hoàng Minh.

Nguyễn Xuân Thu

GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU VIỆT HỌC TẠI ÚC CHÂU

I. Tổng Quát

Từ sau thế chiến thứ hai, trong kế hoạch phát triển kinh tế hậu chiến, nước Úc đã nhận trung bình hàng năm vào đất nước này khoảng 100 ngàn người từ các quốc gia khác nhau. Cho đến nay, dân số nước Úc đã lên đến gần 16 triệu người trong đó gần một phần ba thuộc nguồn gốc di dân.

Để đáp ứng đòi hỏi của xã hội, từ giữa thập niên 70, nước Úc đã chuyển mình, biến đổi từ một xã hội “độc văn hóa” của người da trắng gốc Anglo – Saxon thành một xã hội đa văn hóa. Một trong những chuyển mình cụ thể nhất của sự thừa nhận đặc tính đa văn hóa, đa chủng tộc của xã hội là sự ra đời gần đây chính sách quốc gia về các ngôn ngữ (National Policy on Languages).

Theo chính sách này, để có thể phát triển toàn diện, xã hội Úc công nhận nhiều loại ngôn ngữ: ngôn ngữ cộng đồng, ngôn ngữ thương mại, ngôn ngữ ngoại giao, ngôn ngữ quốc phòng, ngôn ngữ cho người thương tật... Tùy theo đặc tính của mỗi loại ngôn ngữ mà chính phủ có những chính sách duy trì và phát triển khác nhau.

Riêng về ngôn ngữ cộng đồng, nước Úc có trên 180 ngôn ngữ. Với tổng số gần 100 ngàn người Việt tị nạn sinh sống ở Úc, chiếm 0.53% dân số quốc gia, tiếng Việt được liệt kê vào trong số 10 ngôn ngữ có nhiều người nói nhất ở Úc.

II. Giảng Dạy Việt Ngữ

Là một ngôn ngữ cộng đồng, Việt ngữ được giảng dạy ở cả ba cấp trong hệ thống học đường Úc: tiểu học, trung học và đại học.

2.1 Việt ngữ giảng dạy ở cấp tiểu học.

Ở cấp tiểu học, Việt ngữ được giảng dạy trong ba loại trường: trường của chính phủ, trường tư của hệ thống giáo dục công giáo và trường sắc tộc (Ethnic schools) do các hội đoàn người Việt tổ chức.

2.1.1 Tại các trường tiểu học công lập

Hiện nay tại một số trường tiểu học nơi có đông dân số học sinh gốc Việt nam, tiếng Việt được giảng dạy như một ngôn ngữ cộng đồng. Nghĩa là, khi một ngôn ngữ được quyết định giảng dạy trong một trường, thì tất cả học sinh ở trong trường ấy, dù thuộc sắc tộc nào, cũng phải học ngôn ngữ đã được lựa chọn.

Mục đích của việc giảng dạy ngôn ngữ cộng đồng ở cấp tiểu học nhằm giúp học sinh nắm được một số kiến thức căn bản vừa đọc, viết và nói thứ tiếng ấy để chúng có thể cảm nhận được cái hay cái đẹp trong văn hóa của một cộng đồng có trong xã hội chúng đang sống.

Hiện nay tại Úc có ba tiểu bang có đông người Việt cư ngụ có trường giảng dạy Việt ngữ như một ngôn ngữ cộng đồng ở trong học trình chính (Mainstream curriculum) của trường là South Australia, Victoria và New South Wales. Tổng số khoảng gần 100 trường, đa số ở Adelaide (South Australia) và Melbourne (Victoria).

2.1.2 Tại các trường tiểu học công giáo

Ở Úc hệ thống trường tiểu học công giáo chiếm 1/3 tổng số học sinh. Phần lớn những gia đình Việt nam, đa số là thuộc Thiên Chúa giáo, có gửi con em đến học các trường thuộc hệ thống giáo dục công giáo (Catholic Education). Vì có tỷ lệ học sinh gốc Việt nam cao, các trường này có mở các lớp Việt ngữ giảng dạy như một ngôn ngữ cộng đồng. Hiện nay vì số giáo viên người Việt có bằng cấp do hệ thống học đường Úc cấp còn thiếu nên các lớp Việt ngữ này đa số đều do các trợ giáo người Việt (Vietnamese Teacher – Aides) đảm trách.

Trong năm 1989, số trường tiểu học công giáo có giảng dạy môn Việt ngữ gần gấp đôi số trường công lập.

2.1.3 Tại các trường lớp sắc tộc

Theo điều lệ để mở các lớp hoặc các trường sắc tộc (Ethnic School / Class), bất cứ cá nhân, tổ chức hay đoàn thể nào, nếu kiếm được học sinh, đều có thể mở các trường hay lớp sắc tộc với sự trợ cấp của Ủy Ban Học Đường Liên Bang (Commonwealth Schools Commission)

huộc Bộ Giáo Dục Liên Bang. Cứ mỗi em học sinh trường hay lớp sắc tộc nhận được 35 Úc kim / năm. Số tiền trợ cấp này dùng để trả chi phí điện, nước, mua một số văn phòng phẩm, ấn loát phẩm, và trả tiền di chuyển tượng trưng cho các giáo viên thiện nguyện.

Các lớp học này thường mở vào sáng thứ bảy hoặc chiều thứ bảy, khoảng 3 đến 4 giờ mỗi tuần, khoảng từ 30 đến 33 tuần trong năm.

Về chương trình học, mỗi trường tự thiết lập lấy chương trình học của mình làm sao để có thể duy trì và phát triển ngôn ngữ và văn hóa của cộng đồng mình. Bộ Giáo Dục Liên Bang không can dự vào việc soạn thảo chương trình cũng như nội dung giảng dạy.

Hiện nay trên toàn nước Úc có khoảng 100 đơn vị trường / lớp giảng dạy Việt ngữ do các tổ chức, đoàn thể người Việt chủ trương. Cũng như phần lớn các trường lớp sắc tộc của các cộng đồng bạn, chương trình Việt ngữ trong các trường / lớp này chưa được hoàn bị.

2.2 Việt ngữ giảng dạy ở cấp trung học

2.2.1 Giảng dạy trong học trình chính của trường công lập

Hiện nay một số trường trung học công lập (Government High Schools) tại các tiểu bang Victoria, South Australia và New South Wales có mở các lớp Việt ngữ tại trường như một môn học chính trong học trình của nhà trường. Đối tượng chính là học sinh gốc Việt, nhưng bất cứ học sinh thuộc sắc tộc nào muốn học Việt ngữ cũng đều được khuyến khích. Chương trình Việt ngữ này, trên nguyên tắc, được giảng dạy như một ngôn ngữ thứ hai (Vietnamese as a Second Language). Tuy vậy, trên thực tế, tùy theo trình độ học sinh ở mỗi lớp mà người giáo viên có thể linh động trong phương pháp giảng dạy. Riêng đối với lớp 12, vì học sinh phải đi thi bên ngoài, nên việc học tập và giảng dạy phải được dựa kỹ trên chương trình đã được Bộ Giáo Dục mỗi tiểu bang chuẩn nhận trước. Tại tiểu bang Victoria, Việt ngữ được xếp vào nhóm I (Group I Subject), nghĩa là điểm môn Việt ngữ được tính để cho học sinh chọn vào học các trường đại học lớn, nên việc giảng dạy môn Việt ngữ tại các lớp 12 lại càng phải kỹ lưỡng và sát sao hơn.

2.2.2 Giảng dạy trong các trường Thứ Bảy về Ngôn Ngữ (Saturday School of Languages)

Ở các trường trung học có sĩ số học sinh Việt nam thấp, không đủ để mở các lớp Việt ngữ, các học sinh gốc Việt được đưa đến học tại các trung tâm thuộc hệ thống trường Thứ Bảy về Ngôn Ngữ.

Hệ thống giáo dục trường Thứ Bảy về Ngôn Ngữ trực thuộc Bộ Giáo Dục Tiểu Bang và do ngân sách của Bộ này đài thọ. Điều kiện

tuyển dụng giáo viên và chế độ lương bổng của giáo viên thuộc hệ thống trường Thứ Bảy tương đương như các giáo viên công nhật khác. Đối với giáo viên của một vài cộng đồng mới thành lập, các điều kiện tuyển dụng tương đối có phần chước giảm.

Trong năm 1989, số học sinh gốc Việt được gửi đến học trong các trung tâm thuộc hệ thống trường Thứ Bảy tại Victoria lên đến gần 1.500, tại New South Wales và South Australia khoảng trên 1.000. Các lớp Việt ngữ thuộc hệ thống trường Thứ Bảy tại South Australia hoạt động sớm nhất từ năm 1980, sau đó đến Victoria và mãi đến đầu năm 1984 mới có tại New South Wales. Tại các tiểu bang Queensland và Western Australia cũng có giảng dạy môn Việt ngữ trong hệ thống loại trường này nhưng với một mức độ ít phát triển hơn các tiểu bang trên vì môn Việt ngữ chưa được chính thức đưa vào thi cử ở lớp 12.

Cuối năm lớp 12, học sinh chọn môn Việt ngữ trong hệ thống trường Thứ Bảy phải dự kỳ Tốt Nghiệp Trung Học của Bộ Giáo Dục tổ chức cũng giống như các học sinh trong các trường trung học khác.

2.2.3 Giảng dạy trong các trường TAFE

Tại Úc, bên cạnh hệ thống giáo dục trung học còn có hệ thống trường TAFE (Tertiary And Further Education). Mục đích của hệ thống trường TAFE là giúp cho những ai đã bỏ học muốn trở lại học năm cuối của bậc trung học để chuẩn bị lên đại học, hoặc học những nghề chuyên môn nhằm thăng tiến nghề nghiệp.

Hiện nay một số trường TAFE tại các tiểu bang Victoria, New South Wales và South Australia có giảng dạy môn Việt ngữ trong chương trình lớp 12 để cho học sinh lấy văn bằng T.O.P. (Tertiary Orientation Program). Cuối năm lớp 12, học sinh học môn Việt ngữ trong hệ thống TAFE thi tại trường (Internal assessment), khác với các học sinh trong các trường trung học hay trong hệ thống trường Thứ Bảy phải dự cuộc thi do Bộ Giáo Dục tổ chức (External assessment).

2.3 Việt Ngữ Giảng Dạy ở Các Cấp Đại Học

2.3.1 Giảng dạy như một môn chính trong văn bằng Cử Nhân Đa Văn Hóa

Sau ba năm giảng dạy môn Việt học như một môn phụ, từ năm 1985, trường đại học Phillip Institute of Technology và Footscray Institute of Technology thuộc tiểu bang Victoria đã giảng dạy môn Việt học như một môn chính trong văn bằng Cử Nhân Đa Văn Hóa (B.A in Multicultural Studies, majoring in Vietnamese Studies).

Một học sinh muốn tốt nghiệp văn bằng Cử Nhân Đa Văn Hóa

ngành Việt học phải học môn Việt học liên tiếp ba năm, mỗi tuần 5 giờ, gồm ngôn ngữ, văn chương, lịch sử và văn hóa Việt nam. Ngoài ngành Việt học, sinh viên phải học mỗi tuần 5 giờ các môn bắt buộc (Compulsory) gồm xã hội học, tâm lý học, truyền thông đa văn hóa, cơ cấu tổ chức xã hội... và 5 giờ mỗi tuần các môn nhiệm ý (Elective) như quản trị, hành chánh, kế toán, dịch vụ thanh niên, phúc lợi xã hội, phạm tội và luật pháp...

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tìm việc làm tại các phủ, bộ của chính phủ hoặc các cơ quan, hội đoàn tư nhân. Nếu muốn trở thành một giáo viên tiểu học hay trung học, sinh viên phải học thêm một năm tại một phân khoa giáo dục để lấy bằng sư phạm (Diploma of Education).

Hầu hết các sinh viên tốt nghiệp tại hai đại học trên đã kiếm được công ăn việc làm ngay sau khi học xong.

2.3.2 Giảng dạy như một môn nhiệm ý (Elective) trong các văn bằng Cử Nhân

Từ đầu năm 1983, môn Việt học đã được giảng dạy như một môn nhiệm ý tại trường đại học Quốc gia Úc Đại Lợi (Australia National University) ở Canberra, thủ đô của nước Úc. Trước đó một năm, tại Western Australia, trường đại học Mount Lawsley College of Advanced Education cũng đã mở ngành Việt học cho sinh viên lấy như một môn nhiệm ý. Ngoài ra, trường này còn có các lớp học qua thư tín (Correspondence Courses) cho tất cả những ai trên toàn nước Úc muốn học môn Việt ngữ mà không có điều kiện đến trường. Đến đầu năm 1987, tại South Australia, trường đại học South Australia College of Advanced Education cũng mở các lớp Việt ngữ để đào tạo những giáo viên người Việt phục vụ trong hệ thống giáo dục tiểu và trung học của tiểu bang.

2.3.3 Giảng dạy trong ngành thông, phiên dịch

Từ đầu năm 1983, trường đại học Mac Arthur Institute of Higher Education ở New South Wales bắt đầu dạy môn Việt học trong chương trình Cử Nhân, ngành Thông Phiên dịch (B.A in Interpreting and Translation) để đào tạo thông dịch viên và phiên dịch viên cho các lãnh vực hoạt động của tiểu bang New South Wales. Đến năm 1988, trường đại học South Australia College of Advanced Education ở South Australia và trường đại học Victoria College ở Victoria cũng có mở các lớp Việt ngữ cho các văn bằng Cử Nhân (B.A.) và Cao Học (Graduate Diploma), ngành thông – phiên dịch cũng giống như trường

đại học Mac Arthur Institute of Higher Education ở New South Wales.

2.3.4 Giảng dạy cho nhiều mục đích khác

Từ năm 1982, trường đại học La Trobe University và học viện Institute of Catholic Education thuộc khuôn viên Ascot Vale ở Victoria có mở các lớp Việt ngữ buổi tối cho các sinh viên không phải gốc người Việt học, với những mục tiêu khác nhau. Thành phần thuần túy sinh viên học Việt ngữ như một môn nhiệm ý, trong lúc ấy các bác sĩ, kỹ sư, y tá, nhân viên xã hội, nhân viên y tế cộng đồng, luật sư... học Việt ngữ để cho mục đích truyền thông và hiểu biết thêm văn hóa Việt nam. Ngoài ra, các Hội Đồng Giáo Dục Tráng Niên (Council on Adult Education) tại một số tiểu bang cũng có mở các lớp Việt ngữ buổi tối cho những học viên không phải gốc Việt nam.

2.3.5 Giảng dạy như một ngôn ngữ ngoại giao, quốc phòng

Tại Úc, trường dạy Việt ngữ đầu tiên là phân khoa Ngôn Ngữ của trường huấn luyện Không Quân Point Cook ở Victoria. Chương trình Việt ngữ bắt đầu dạy từ năm 1961. Các học viên là những nhân viên phục vụ trong lãnh vực ngoại giao hoặc quốc phòng.

Sinh viên được các phủ, bộ liên hệ đưa đến phân khoa Ngôn Ngữ để tu nghiệp phải học tại lớp mỗi ngày từ 6 đến 8 tiếng. 5 ngày mỗi tuần và kéo dài trong một năm. Sau một năm học, sinh viên có thể nói thông thạo tiếng Việt.

Từ năm 1975, số sinh viên học môn tiếng Việt tại trường này giảm sút rõ rệt. Những năm gần đây, có năm số sinh viên gần bằng số nhân viên giảng huấn.

III. Các hoạt động nghiên cứu và quảng bá

Nhằm hỗ trợ cho việc giảng dạy ngành Việt ngữ và phổ biến văn hóa Việt nam tại Úc, một số hoạt động sau đây đã được khởi sự từ nhiều năm nay.

3.1 Biên soạn và xuất bản sách tập đọc song ngữ

Tại Úc có hai cơ quan tham dự vào trong chương trình soạn và in sách tập đọc song ngữ từ giữa năm 1983: ban Việt Học thuộc đại học Phillip Institute of Technology và cơ sở xuất bản Vietnamese Language and Culture Publications. Cả hai đều ở tiểu bang Victoria.

Mục đích của chương trình soạn và in sách nhằm cung cấp một số tài liệu giáo dục cho việc học tập và giảng dạy ở bậc tiểu học và trung học để (1) giúp học sinh gốc Việt duy trì tiếng mẹ đẻ và sống với văn hóa Việt nam, và (2) giúp những học sinh các cộng đồng khác học một

số kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Việt nam.

Cho đến nay chương trình này đã xuất bản được 19 quyển sách tập đọc song ngữ và bộ sách này đã được nhiều trường học ở Úc sử dụng rộng rãi. Một số thư viện, trường học và tư nhân ở các nước Canada, Anh, Pháp, Thụy Điển, Mỹ và các trại tị nạn cũng có đặt mua.

Bộ sách này, đặc biệt là các quyển truyện cổ tích Việt nam, được mỗi nơi sử dụng khác nhau: Có nơi đọc chậm trên đài phát thanh. Có gia đình thu vào trong băng để mở cho các em nhỏ nghe trước lúc các em ngủ hoặc lúc các em vừa thức dậy. Có trường dạy trong các lớp học văn hóa để cho học sinh thuộc các sắc tộc khác nhau học và tìm ra những đặc điểm về văn hóa Việt nam. Có trường in lớn những tấm hình trong sách và dán trên tường để tạo khung cảnh thuận lợi cho việc học ngôn ngữ và văn hóa Việt nam.

3.2 Tạp chí Việt Học (Journal of Vietnamese Studies)

Nhằm mục đích tạo sự thông cảm giữa cộng đồng Việt nam và các cộng đồng nói tiếng Anh. Hội Việt học Úc châu đã cho ra đời tạp chí Việt Học được viết bằng Anh ngữ.

Tạp chí Việt Học trong giai đoạn đầu ra mỗi năm một số. Nội dung của tạp chí này nhằm vào các vấn đề văn hóa, giáo dục, định cư, những khó khăn trở ngại của người Việt nam trong cuộc sống mới..., nghĩa là những vấn đề thực tế liên hệ đến nếp suy nghĩ và cuộc sống của người Việt nam, không chỉ riêng ở Úc mà có thể xảy ra ở bất cứ đâu. Vì thế bài vở đóng góp cho tạp chí đến từ nhiều nơi.

Độc giả cho đến nay gồm nhiều thành phần: giáo sư đại, trung và tiểu học, sinh viên và học sinh những năm cuối của trung học, các phủ, bộ trong chính phủ, các thư viện đại học, thư viện trung học, thư viện thành phố, nhân viên xã hội, nhân viên y tế, các hội đoàn. Khoảng 25% độc giả ở ngoài nước Úc và 80% độc giả không phải người Việt nam.

3.3 Hội thảo, thuyết trình

Cùng trong mục đích tạo sự thông cảm giữa cộng đồng Việt nam và các cộng đồng khác trong xã hội Úc, hội Việt học Úc châu hàng năm có tổ chức nhiều buổi thuyết trình và một số kỳ hội thảo để (1) giúp người Úc hiểu được các vấn đề văn hóa, lối sống của người Việt nam, và (2) giúp cộng đồng người Việt có dịp tìm hiểu các vấn đề liên hệ đến lịch sử, văn học, giáo dục, y tế của người Việt nam.

Thuyết trình viên thường là những học giả, nhà trí thức hoặc những người am tường lãnh vực chuyên môn, được mời ngay ở Úc hay từ các quốc gia khác đến. Đối tượng thính giả chính là các giới chức

người Úc, sinh viên, giáo sư và những người có hoạt động liên hệ với cộng đồng người Việt.

Ngoài những khóa hội thảo và các buổi thuyết trình thường xuyên trên, các hội Giáo chức South Australia, hội Giáo chức Victoria, hội Phụ nữ Việt Úc ở Victoria và South Australia và một số hội đoàn người Việt khác thỉnh thoảng cũng có những buổi thuyết trình nhằm giải quyết một số vấn đề gặp phải trong quá trình định cư hoặc để kêu gọi, khuyến khích tập thể người Việt tìm biện pháp nhằm duy trì và phát triển ngôn ngữ và văn hóa Việt nam tại hải ngoại.

*

* *

Tất cả những nỗ lực trên đây nhằm hai mục đích duy trì và phát triển ngôn ngữ và văn hóa Việt nam trong giới trẻ, và phổ biến văn hóa Việt nam trong xã hội Úc.

Phát triển văn hóa không phải dễ dàng và không thể hoàn thành trong một sớm một chiều. Công việc đòi hỏi phải có sự làm việc liên tục và lâu dài. Những hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, quảng bá trên đây chỉ là bước đầu. Muốn có kết quả tốt đẹp trong việc đóng góp những nét văn hóa đặc trưng cho xã hội, cần phải có sự tiếp tay đắc lực của nhiều cơ quan, đoàn thể, từ phía cộng đồng cũng như chính phủ.

Cách đây 65 năm học giả Phạm Quỳnh đã nói: “Tiếng Việt còn thì nước ta còn”. Đối với cộng đồng người Việt tị nạn hiện nay ở hải ngoại, chúng ta có thể nói: “Tiếng Việt còn thì cộng đồng còn”.

Thế Uyên

HAI MƯƠI NĂM SAU

Sau khi tới Hoa kỳ lập nghiệp một thời gian, tôi bắt đầu quan tâm tới việc sưu tầm sách vở trước 1975, nhất là sách của chính mình. Một người bạn trẻ và cũng là một cựu môn sinh trường Võ Trường Toản đã sao lục giùm tôi những sách Thế Uyên của thư viện đại học Cornell. Cuốn sao lục được đầu tiên gửi đến cho tôi là cuốn này. *Những người đã qua*. Lúc đó bắt đầu vào mùa hè của miền tây bắc Hoa kỳ, nhiệt độ bắt đầu đủ ấm để có thể mặc một áo ra ngoài vườn. Ngồi dưới nắng trong vườn sau có năm cây tùng bách cổ thụ vươn lên yên tĩnh, tôi mở đọc lại cuốn sách từng trang.

Nhìn lại phần đầu cuốn sách, tôi ngỡ ngàng nhận ra lần xuất bản đầu tại Sài Gòn là 1968. Bây giờ là 1988. Đúng hai mươi năm đã qua, đã trôi qua, không phải bình lặng bất biến như năm cây tùng bách của nơi quê hương mới này. Hai mươi năm ấy của tôi, của dân tộc Việt nam, không hề an bình, không được biết thứ thanh bình của miền đất mới tôi đang cư ngụ này. Ý tưởng đó ám ảnh nhẹ nhàng khi tôi đọc lại những dòng chữ của hai mươi năm trước. Những nhân vật đủ loại, với từng đường nét, câu nói tiếng cười xuất hiện trở lại. Tất cả một thời kỳ binh đao và quyền lực, của độc lập và tự chủ, của hành động và ước mơ...

Những nhân vật phụ xoay quanh ba người thân của tôi, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, đa số vẫn còn sống tới lúc này, cùng tôi. Nhưng đời của mỗi người đủ để dựng thành một cuốn tiểu thuyết. Không nói đâu xa, ngay người vợ của Nhất Linh, khi tôi mang cuốn sách này, lần in đầu 1968, đến khu chợ An Đông tặng, là một người bác

khỏe mạnh linh hoạt, đã xây sẵn một sinh phần ngay cạnh mộ chồng, Nhất Linh, tại nghĩa trang Giác Minh. Một người vợ đứng khuôn mẫu Đông phương với hạnh phúc chót là được vui thân bên cạnh mộ chồng, và khi còn sống chỉ mong chứng kiến cảnh con cháu đầy đàn. Vậy mà sau 1975, những hạnh phúc nhỏ nhoi đến như thế cũng mất đi, bị tước đoạt đi dần dần. Đứa con cả làm giáo sư đại học ở Paris đã từ lâu, đứa con gái thứ nhất tử nạn xe cộ ngay gần nhà, đứa con gái thứ hai lấy chồng ở Paris. Xa cách bằng cái chết và khoảng cách tính bằng lục địa với đại dương. Đứa con trai thứ hai đi cải tạo dưới miền U Minh, đứa con trai thứ ba đi cải tạo mãi tới Việt Trì hay Yên Bái vì là sĩ quan cấp tá QLVNCH. Còn đứa con trai út, Tường Thiết đã mang vợ con đi tản được sang Mỹ từ 1975. Chồng đã không còn, sinh con đông đảo đến như thế, rồi tuổi già đã đến vẫn trong cô đơn. Bởi thế tôi không ngạc nhiên cho lắm khi nhận thấy sức khỏe người vợ Nhất Linh (mà tôi vẫn quen gọi từ nhỏ là *bác Tam gái*), suy sụp nhanh chóng.

Người con cả dùng hết uy tín của một chuyên viên kỹ thuật cao cấp, về được Sài Gòn đón được mẹ già đưa ra phi cơ Air France mang sang Paris chữa bệnh. Anh đã mua được một căn nhà khá lớn, chuẩn bị phòng riêng cho mẹ, bởi thế anh đã can thận xin phép chính quyền Cộng sản cho anh tháo rời chiếc sập cũ bà mẹ quen nằm từ những ngày mới làm vợ Nhất Linh từ Hà Nội xa vời, gửi đường thủy sang để sau này bà cụ không cảm thấy quá xa lạ trong thành phố Paris. Nhưng đau quá nặng, tới phi trường đất Pháp, người con cả phải đưa mẹ thẳng vào bệnh viện và y khoa hiện đại của châu Âu cũng không còn hữu ích. Người bác gái già của tôi, bà Nhất Linh, rút cục đã được đưa ra chôn cất tại một nghĩa trang phụ cận Paris. Bà đã không thực hiện được ước vọng cuối cùng là nằm nghỉ thiên thu cạnh chồng, mà rồi căn nhà của người con trai nơi xứ người, bà cũng không được biết tới.

Ở Việt nam biết chuyện này, tôi đã ngậm ngùi nói với con trai thứ Nhất Linh, người thiếu tá già sau cùng cũng được tha về, rằng sinh phần cạnh mộ Nhất Linh chắc bỏ trống vĩnh viễn. Anh bạn già này cãi: “Bà cụ tôi không nằm đó thì sau này tôi sẽ nằm đó thay!”. Nhưng rồi chắc người con trai này cũng chẳng được hân hạnh ấy vì nghĩa trang Giác Minh sẽ phải giải tỏa vào khoảng sau 1990 theo quy định của chính quyền địa phương. Chút xương tàn của Nhất Linh rút cục cũng còn chưa biết sẽ làm thêm một cuộc phiêu lưu về nơi chốn nào trên trái đất này.

Trong tập hồi ký *Những người đã qua* viết hơn hai mươi năm trước,

‘ôi có nhắc tới chú Bách, người em trai út của Nhất Linh, Hoàng Đạo, mẹ tôi và Thạch Lam. Tôi có kể năm 1945, chú đi cùng hai vệ sĩ trở về làng Yên Phụ ven Hồ Tây để chào già từ gia đình tôi. Súng trong túi phải, đạn trong túi trái, là con người hành động xung kích của mấy anh em, chú sắp lao vào cuộc chiến quyết liệt với các đảng viên Cộng sản. Kết thúc của cuộc đấu tranh Quốc – Cộng này, chúng ta biết kết quả và lãnh hậu quả. Toàn bộ Nhất Linh, Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách chạy thoát sang Quảng Châu để tiếp tục cuộc chiến. Khi Hồng Quân của Mao Trạch Đông tràn xuống, chú là người duy nhất kẹt lại nơi này vì đang là bác sĩ điều trị tại bệnh viện Quảng Châu. Bao nhiêu năm về sau, lũ cháu của chú ở miền Nam, mỗi khi lập hồ sơ xin làm công chức, hay bị gọi đi làm sĩ quan, đều được giới chức an ninh hỏi thăm về ông chú phiêu bạt bên Tàu này. Tất cả bọn tôi đều khai giản dị giống nhau: chú là bác sĩ và chú chẳng bao giờ có thể trở thành đảng viên Cộng sản, dù là Cộng sản Tàu đi nữa.

Sau 1975 ba hay bốn năm, lúc đó chưa xảy ra bất hòa máu lửa giữa hai đảng Cộng sản Việt và Hoa, chú xin được về Hà Nội thăm quê hương và thân nhân. Đơn được chấp thuận và chú được về tới Hà Nội. Rồi thôi. Đảng Cộng sản nhất định không cho phép chú vào Sài Gòn thăm thân nhân nơi này. Chú đành nhấn tin mong bà con sẽ ra Hà Nội gặp gỡ. Thế hệ của chú, thế hệ thứ nhất như bọn tôi thường gọi, chỉ còn có vợ Nhất Linh đang đau yếu và mẹ tôi là còn sống. Còn lũ cháu đông đảo cả mấy chục đứa, ngoại trừ một số đã ở hải ngoại sẵn và một số đi tản 75, còn bao nhiêu đi tù đi cải tạo toàn bộ. Hai kẻ đầu tiên được tha về là con trai lớn của Thạch Lam và tôi. Bà Nhất Linh tài chính vững nhưng đau yếu không thể đi được. Mẹ tôi còn khỏe mạnh đủ sức làm một chuyến về quê cũ miền Bắc, nhưng lại không có tiền để đi. Chú bèn nhấn hai đứa cháu bọn tôi ra vậy. Nhưng cả hai đứa mới được tha, vẫn còn bị quản chế, quyền công dân cũng chẳng có, công an nào cho nhúc nhích. Rồi đến cuối hạn kỳ được phép ở Hà Nội của chú, tôi viết cho chú một bức thư cũng buồn, chúc chú thượng lộ bình an trở về quê vợ Trung hoa. Cuối thư, tôi an ủi chú: “Cháu vẫn tin rồi sẽ có ngày chú cháu chúng ta gặp lại. Cuộc đời lúc này không cho chúng ta gặp nhau trên quê hương mình, thì có ngày chúng ta sẽ đoàn tụ ở bên kia đại dương”.

Khi viết những dòng thư ấy, thì việc rời Việt nam của ngay bản thân tôi cũng còn khó khăn như thực hiện một giấc mơ. Nhưng còn có thể thực hiện được. Còn chú, với chế độ Mao Trạch Đông khủng khiếp

như thế, làm sao chú có thể ra thoát... Nhưng một lần nữa triết lý *dịch* của Đông phương lại đúng: chế độ siêu độc tài chuyên chế của Mao sau khi lên đến cực điểm đã phải đi xuống. Bất hòa lập tức xảy ra giữa hai đảng Cộng sản Việt và Hoa, chiến tranh đe dọa bùng nổ làm 250 ngàn người Việt gốc Hoa ở phía bắc vĩ tuyến 17 hoảng sợ bỏ chạy về Trung quốc. Trong đám tị nạn đông đảo này có một thanh niên tới cư ngụ tại Quảng Châu và lấy một người con gái của chú Bách tôi. Thời gian qua đi, bang giao Mỹ và Hoa được tái lập, gia đình người em rể ở Mỹ bảo lãnh cho hai vợ chồng này sang miền California. Đứa con gái không bao lâu bị đau tửu sống, chỉ có cách ghép tửu của người thân mới cứu được. Vì lý do nhân đạo, hai chính quyền Mỹ – Hoa lại cho đứa con gái thứ hai sang Mỹ cứu chị. Việc giải phẫu thành công, đứa em gái lấy chồng địa phương Cali. Thế là chú tôi bỗng có hai con gái ở Hoa kỳ. Điều mà chỉ mười năm về trước khó ai có thể tưởng tượng được sẽ xảy ra. Và việc hai con gái bảo lãnh cho bố mẹ già từ Trung quốc sang Mỹ đoàn tụ gia đình trong diện di dân chỉ còn là vấn đề thủ tục và thời gian.

Phần tôi và Thi ở Việt nam, trong tám năm liền phấn đấu với khó khăn đủ loại, kể cả việc ăn khoai thay cơm và đau ốm thì dùng châm cứu thay cho thuốc men quá đắt không thể mua nổi, hai đứa sau cùng cũng thành công trong việc mang năm con lên máy bay rời quê hương Việt nam. Và bọn tôi chỉ tới được đất Mỹ trước chú có đúng sáu tháng.

Với mẹ tôi đã được ba đứa em gái ở vùng Virginia đón sang từ 1980, chú là bậc trưởng thượng sau cùng của dòng họ, cũng như của thế hệ trước. Lũ cháu đông đảo, cùng bạn bè cố cựu trong đó có nhiều vị đã từng là đồng chí, là chiến hữu của chú, đã đưa chú đi một vòng từ Mỹ tới Canada. Dĩ nhiên rồi đến một ngày đầu hè của năm 1988, chuyến đi dài cũng đưa chú về vùng tây bắc, nơi có gia đình con thứ Nhất Linh là Nguyễn Tường Thiết và tôi.

Thi và tôi mở một buổi ăn chiều hè để mừng chú, để mừng hội ngộ sau một thời gian xa cách không phải là hai mươi năm, mà là hai lần hai mươi năm. Một số bạn bè thân của tôi và Tường Thiết tụ họp lại, người mang thịt (và đồ nướng thịt), người mang bia, rượu hay trái cây. Chiều hè ấm áp, các cửa mở tung đón hơi ấm áp trong lành của miền tây bắc. Một cô cháu dâu xinh xắn của chú phụ trách nướng thịt, khói xanh thơm bốc lên ngào ngạt, các phụ nữ khác chia nhau gói bì cuốn, thái măng cho món bún xào vịt cổ truyền. Năm đứa con trai lo thu xếp bàn ghế, thu thập ly tách – làm dân tị nạn mới tới Hoa kỳ, trang

bị trong nhà của bọn tôi thiếu thốn đủ chuyện... Tất cả những hoạt động ấy đã tạo ra, trong một khoảng khắc, một góc thuần túy Việt nam trên lục địa bắc Mỹ mệnh mông này. Rồi mọi thứ sau cùng cũng xong xuôi. Và đây là lần đầu tiên từ khi rời Việt nam tôi xếp chỗ ngồi theo kiểu Việt nam cổ truyền: bàn chính trong phòng ăn dành cho trưởng thượng và đàn ông, phụ nữ và lớp trẻ ngoài vườn. Khi rượu đã rót đủ vào tám chiếc ly bốn kiểu khác nhau, đứng bên này đầu bàn, giữa bạn bè họ hàng thân thuộc, tôi giơ ly rượu cùng ông chú già để mừng cho hội ngộ, cho một đoàn tụ sau khi chia lìa đã 40 năm. Và không phải chỉ cho có thế.

Đêm hè miền tây bắc Hoa kỳ mười giờ đêm vẫn chưa tối hẳn. Trong khu vườn sau êm đềm với cà phê bốc khói trong yên tĩnh, lớp trẻ đã giải tán hết hoặc đi ngủ, ông chú già đã bàn cùng lũ cháu và thế hệ thứ hai về những điều cần làm hoặc nên làm để tạo sự đoàn kết cho các cộng đồng Việt hải ngoại đang quá phân hóa, để có thể tiến đến một nỗ lực chung hữu ích cho việc đem lại một chế độ tốt đẹp hơn cho đồng bào đang khốn khổ vô cùng nơi quê hương cũ bên kia biển. Bàn như thế có phải là đi một đường viễn mơ, không tưởng hay là không? Rất có thể là vậy, rất có thể là không. Đảng Cộng sản Việt nam đã lên tới đỉnh cao nhất của mình năm 1975 và thời gian hơn 12 năm vừa qua đã chứng tỏ trên thực tế chủ nghĩa Mác Lê nin và nền chuyên chính vô sản của đảng đã trở thành lỗi thời và bất lực trong việc mang lại hạnh phúc tối thiểu là cơm no áo ấm cho người dân. Xét lại những gì đã xảy ra ở Trung quốc và Việt nam, và nếu cần chỉ xét riêng về những gì đã xảy đến cho hai chú cháu tôi, thì có thể tin chắc được rằng cái gì cũng có thể xảy ra trong tương lai, nữa là việc tìm cách xây dựng cho quê hương Việt nam một chủ nghĩa mới làm căn bản cho một chế độ mới tốt đẹp hơn, sung sướng hơn cho toàn thể mọi người, từ Nam Quan tới Cà Mau, từ biên thùy phía tây tới ven biển Thái Bình bát ngát mở rộng với toàn thể các dân tộc khác trên trái đất này.

Thế Uyên
tháng 6, 1988

Phạm Quốc Bảo.

Mùa hè tới,

Ở đâu có tranh đấu dân chủ tự do?

Cuối tuần qua bước sang đầu tuần này, nhà cầm quyền Bắc kinh mở màn cuộc trấn áp có tính cách chuyên chính vô sản.

Tin tới tấp từ nhiều nơi khác nhau, kể cả Bắc Kinh, cho biết các cấp chỉ huy quân sự, từ tướng trở xuống, gọi chung là lớp sĩ quan nào không tuân hành lệnh thiết quân luật, nghĩa là không chịu điều động đơn vị đàn áp dân biểu tình ở Trung Cộng, đều bị xử bắn. Chưa biết con số đích xác là bao nhiêu nhưng đến giữa tháng Sáu khoảng năm mươi sĩ quan các cấp đã bị thanh trừng. Mặt khác, những nhân vật được xem là điều động phong trào đòi dân chủ tự do tại xứ này, kể từ lớp lãnh tụ sinh viên lên đến các nhà trí thức học giả, đang bị ruồng bỏ bắt giữ khắp nơi. Cụ thể là Phương Lệ Chi, Lý Thu Nhân, Nhân Văn Định và trên một ngàn sinh viên đã bị bắt, nhiều sinh viên có hình ảnh trên ti vi đã bị truy nã. Tất cả bị mang cái tội chung là “phản cách mạng”.

Ngoài ra, một số ký giả của các hãng thông tấn quốc tế như AP (Associated Press) hay của đài phát thanh uy tín thế giới như VOA (Voice of America) bị trục xuất vì đã loan tin cảnh tượng quân đội đàn áp biểu tình đẫm máu ở Thiên An Môn hôm chủ nhật mừng 4 tháng 6, trong thời gian hiệu lực của thiết quân luật.

Ba sự kiện nêu trên xảy ra sau khi quốc hội Nga Sô chính thức công bố bản tuyên cáo lên án các quốc gia khác và ngoại nhân nào đã “xía vào việc nội bộ của Trung Cộng”, nghĩa là loan tin sổi dèo và phản ứng trước vụ quân đội Trung Cộng đàn áp đẫm máu dân biểu tình đòi

dân chủ.

Ba sự kiện nêu trên cũng xảy ra sau khi, lần lượt trong tuần lễ qua, thủ tướng Lý Bằng và lãnh tụ số một Đặng Tiểu Bình xuất hiện khen ngợi các đơn vị quân đội đã “nghiêm chỉnh thi hành lệnh thiết quân luật”, và kêu gọi “bọn cầm đầu cuộc phản loạn” phải ra trình diện.

Đến nay tình hình ở Bắc Kinh và Trung Cộng nói chung lắng dịu hẳn. Những hình ảnh đường phố Bắc Kinh đông dân chúng qua lại, với Ted Koppel trên đài ABC băng tầng số 7 địa phương vào hồi tám giờ chiều thứ Tư ngày 14/06/1989 mấy du khách ngoại quốc đầu tiên, sau vài tuần thiết quân luật, đã trở lại hiện diện ở trung tâm Bắc Kinh trưa thứ ba vừa qua.

Nếu cuộc đàn áp đẫm máu hôm mùng 4 tháng 6 làm rung động dư luận thế giới thì tình hình hiện nay tại Bắc Kinh xem ra khiến người ta ít nhất yên tâm hơn trước.

Nhưng nếu người ta hiểu được rằng giới hạn truyền thông trung thực hiện giờ so với cách đây mấy ngày, cái lắng dịu giả tạo của tình hình Trung Cộng đang là mở đầu cho một cuộc trấn áp tàn bạo hơn nhiều so với cảnh đàn áp đẫm máu tại Thiên An Môn chiều tối chủ nhật 4 tháng 6, người ta phải phản ứng ra sao?

Cảnh tượng trấn áp kiểu chuyên chính vô sản như thế đã từng xảy ra không biết bao nhiêu lần, kể từ năm 1917 đến nay, ở các nước do đảng Cộng sản cai trị. “Những gì xảy ra sau bức màn sắt” rất hiếm được người ta biết đến. Chẳng hạn vụ ở Hung Gia Lợi năm 1956, ở Tiệp Khắc năm 1968. Hoặc người ta được nghe nói tới thời gian Staline trị vì ở Nga Xô thập niên 1930, “Cách mạng văn hóa” của vệ binh đỏ dưới triều đại của Mao Trạch Đông ở Trung Cộng thập niên 1960, và “tù cải tạo” tại Việt Nam sau năm 1975.

Người ta phản ứng hữu hiệu được mức độ nào? Phải chăng là cố gắng gom góp sự kiện... để lưu vào lịch sử loài người? Hay lớn tiếng lên án để cuối cùng đoạt thêm được lợi ích thương lượng? Thậm chí còn phủi tay mà phán rằng dân các xứ Cộng sản trốn khỏi nước vì lý do kinh tế, như đang đối xử với lớp tỵ nạn Việt Nam hiện nay?

Còn phong trào đòi dân chủ tự do của dân Trung Cộng sẽ ra sao?

Nữ văn sĩ Pháp, Madame De Noailles có nói: “muốn tiến xa trong tương lai bao nhiêu phải tìm hiểu sâu trong quá khứ bấy nhiêu”.

*

* *

Liên tiếp ba năm 1967, 1968 và 1969, nhân được cử đi tham dự

hội nghị triết học của tổ chức Unesco thuộc cơ quan Liên Hiệp Quốc, một giáo sư Việt Nam có dịp gặp gỡ tâm sự với Kim Dung, nhà văn Trung Hoa và cũng là giáo sư Đại Học Hồng Kông bấy giờ. Máy lần tiếp xúc này đưa đến những tiết lộ tóm tắt sau đây, được diễn tả bằng lối đối thoại cho phù hợp với nội dung tâm tình cá nhân.

“Triết học hả? Kỷ nguyên cán bộ đã tàn theo kỷ nguyên của giai cấp tăng lữ rồi. Bây giờ là kỷ nguyên của giới quản trị điều hành thế giới. Hãy nói đến triết lý xem ra còn có vẻ cập nhật hóa với thời đại này hơn, bạn ạ”.

“Phải, tôi có mặt ở đây đâu với mục đích họp bàn thảo luận gì. Tôi chỉ nhân cơ hội này kiếm được một vài người bạn mới, nói chuyện trời biển chơi thôi, mỗi lần tìm được người để kháo chuyện đã là mừng quá rồi. Tôi bắt chước người xưa của xứ tôi nói: Sáng gặp được bạn tán dóc, chiều chết cũng cam”.

“Ôi, cái chuyện viết võ hiệp của tôi được người ta theo dõi ra lắm chuyện ly kỳ, chính tôi tình cờ biết đến cũng phải lạ lùng tự hỏi: Tại sao mình “siêu” tới vậy mà chính mình không tưởng tượng ra cà? Thực tình mỗi cuốn tôi viết, ít ra tôi đã lầm lộn từ ba chỗ trở lên trong diễn tiến nội dung truyện... Tôi viết làm sao cho kịp đưa đăng nhật báo, rồi khi muốn in thành sách cuốn nào thì coi lại, sửa chữa sơ sài... Làm giàn bài trước rồi ghi rõ ý tưởng lẫn nội dung chính, thêm một cái bản đồ nước Tàu rồi cứ thế tôi phóng bút mà viết cho sướng tay, thỏa chí mình”.

“Những cuốn như Hồng Hoa Hội, Bích Huyết Kiếm, Tuyết Sơn Phi Hồ... tôi đã viết trước lâu mà chưa được nổi tiếng. Độc giả chỉ thực sự hoan nghênh truyện của tôi kể từ cuốn Anh Hùng Xạ Điêu ra đời. Rồi do nhà báo yêu cầu, tôi viết tiếp cuốn Võ Lâm Ngũ Bá sau đó, mặc dù cuốn này theo diễn tiến phải trước Anh Hùng Xạ Điêu. Nhưng thực sự tôi được ưa chuộng rộng rãi ngoài phạm vi Hồng Kông và Đài Loan là nhờ từ cuốn Đồ Long Dao trở đi... Riêng cá nhân tôi, cũng kể từ cuốn Đồ Long Dao (Trương Vô Kỵ) sang những cuốn kế tiếp tôi viết nhuần nhuyễn và diễn tả được trọn vẹn ý tưởng của mình hơn nhiều so với những cuốn trước đó. Và dĩ nhiên cuốn Lộc Đỉnh Ký (Vi Tiểu Bảo) hay hơn và tôi thích hơn nhiều so với cuốn Hồng Hoa Hội viết trước đó lâu, mặc dù đều nói về chung một giai đoạn lịch sử Trung Hoa”.

*

* *

“Cuộc đời và sự nghiệp của tôi? Có chứ phải không bạn? Ít nhất với độc giả đọc truyện của tôi, tôi có giá trị nào đó. Tôi có sự nghiệp.

Thành thực mà thú nhận, tôi đôi lúc ngẫm nghĩ riêng mình hoặc nhiều khi được người ta nhắc nhở đến, tôi có hãnh diện. Những lúc ấy, máu tôi chảy mạnh trong huyết quản, có lẽ mặt tôi đỏ lên và tôi có cảm giác vui thích thực sự. Có thể nói là sung sướng”.

“Nhưng điểm tôi hài lòng nhất là càng ngày càng nhiều độc giả ái mộ truyện của tôi thì lợi tức thu nhập của tôi càng cao, và tôi thoải mái về đời sống hơn. Tôi không còn bưng trải độ nhật nữa. Tôi có nhiều thì giờ làm những gì tôi muốn thực hiện hơn”.

“Tuy nhiên, cái mà gọi là sự nghiệp này, nếu thực sự có, tôi hưởng được là do cả một cuộc đời trong lao lung trước đây, học hỏi và đổi lấy kinh nghiệm hết sức là tầm thường, trong hoàn cảnh mà bất cứ một người dân Trung Hoa nào cùng thời với tôi đều phải trải qua”.

“Ngay từ hồi thiếu niên, tôi đã liên tiếp bị cuốn hút cả con người tôi vào những tư tưởng triết học khác nhau. Đầu tiên là “Tam Dân Chủ Nghĩa”. Ông Tôn Dật Tiên, một nhân vật tốt nghiệp đại học ở Tây Âu trong lớp thanh niên Trung Hoa đầu tiên ra khỏi nước. Làn sóng tư tưởng mới mẻ của Tây phương theo ông ta trở về mãnh liệt ồ ạt tràn vào nước Tàu. Nhìn hình ảnh ông ta mới mẻ từ chân tới đầu, từ mái tóc cắt gọn gàng đến chiếc nơ ở cổ, bộ âu phục mới đến tận đôi giày tây. Hình ảnh ông hết sức là mới lạ. Bảo sao mà ở cái tuổi tôi lúc ấy lại không mê những ý niệm dân sinh, dân chủ, dân quyền”.

“Tuy nhiên, chỉ sau vài năm chứng kiến cách thực hiện của nhóm Tam Dân trong xã hội, tôi vội vỡ mộng. Quay sang tôi lại mê mẩn liên tư tưởng Mác Xít qua giáo sư Lý Lập Tam. Phải nói ngay ở đây là màu sắc đa mê của tôi lúc đó phần lớn nhờ vào lối lý luận thuyết phục và hành tung bí mật của vài bạn bè đồng song lớn hơn tôi gần chục tuổi, trong đó có Quách Mạt Nhược”.

“Nhưng vụ “Công xã Quảng Châu” cho tôi thấy ra rằng giai cấp công nhân Trung Hoa lúc ấy chưa đủ lớn và tiên tiến để một mình nó làm cuộc “cách mạng vô sản” đúng nghĩa. Phải là Công – Nông – Binh mà Nông đây không có lớp trung nông như ở Nga làm lực lượng nông cốt, phải kết hợp cả bản cổ nông lẫn địa chủ phong kiến. Tôi đi theo anh thủ thư Mao Trạch Đông vậy”.

“Sau cuộc Vạn Lý Trường Chinh, tôi bắt đầu tự hỏi một cách mập mờ rằng dường như có cái gì trục trặc trong lý thuyết Mác Lê. Thời kỳ nằm lại Diên An, tình cờ tôi được đọc và biết đến William James và John Dewey. Chính Quách Mạt Nhược đưa tôi những sách của họ. Tôi chỉ thấy tôi đã đọc họ rất say sưa”.

“Rồi trên bước đường đuổi theo chân của quân Trung Hoa Quốc Dân Đảng để chiếm lấy toàn lục địa Trung Hoa, Quách Mạt Nhược luôn luôn cười ha hả một cách vô cùng thích chí. Anh ta nói ra ngoài miệng: “Cộng sản đúng là bước phát triển tiếp nối bước quân chủ phong kiến, không phải kinh qua Tư bản mà chỉ có giai đoạn quá độ của bọn sứ quân thoái nát”. Tôi thâm tâm biết anh ta nói đùa trong khi áp dụng từng bước: Lấy lợi lộc dụ tướng, dùng tùy tùng diệt tướng, dùng lính diệt cấp chỉ huy để tiêu diệt đối phương, cướp chính quyền, chiếm đất và cuối cùng chuyên chính vô sản, suy tôn giai cấp lãnh tụ đảng”.

“Riêng tôi quan sát cảnh tượng đó và nghiền ngẫm. Tôi bỗng thấy một phản động cơ từ thế yếu của Trung Hoa Quốc Dân Đảng khiến tôi suy xét xuyên suốt trở về “Tam Dân Chủ Nghĩa”. Tôi nhận ra chỗ yếu chung của tất cả những tư tưởng Tây phương du nhập vào Trung Hoa một thế kỷ vừa qua. Tốc độ du nhập vội vàng quá khiến bản chất văn hóa dân tộc truyền thống chưa nắm được vai trò chủ động tiêu hóa đã bị các tư tưởng Tây phương thoán vị. Đang là khách biến thành chủ, lẽ ra là chủ lại tự liệt vào vị trí khách. Từ Tam Dân Chủ Nghĩa đến Cộng Sản Trung Hoa đều mắc phải lỗi lầm tai hại đó”.

“Mặt khác, tôi cũng nhận ra được chân lý mạnh yếu văn hóa qua lịch sử nước tôi: Mông Cổ, Mãn Châu đều chiếm được toàn cõi Trung Hoa nhưng rốt cuộc cũng bị Hán tộc đồng hóa cả. Chân lý này đều đang hiện ra bước đầu trên đường Hồng Quân Trung Cộng đuổi theo quân Trung Hoa Quốc Dân Đảng để chiếm trọn Hoa Lục”.

“Nhưng trong khi Quách Mạt Nhược hả hê sửa soạn tận hưởng thành công thì tôi lại âm thầm chớp nhoáng tìm đường trốn ra Hồng Kông... Sự thế này chính tôi cũng thắc mắc. Chỉ sau này khi nhận ra sự thâm nhuần hiểu biết James và Dewey, tôi mới quyết định cấp thời và quyết liệt đến thế”.

*

* *

“Dự tính quăng đời chót này của tôi à? Không, tôi có dự tính gì đâu. Bạn cười tức là bạn tin tôi không thành thực sao? Chả muốn giấu giếm bạn nữa. Thôi, thế này nhá. Nói huých toẹt ra rằng tôi đã và đang phổ biến những gì tôi đã kinh nghiệm qua hai lối truyện và chuyện trò”.

“Nhưng chắc chắn hồi mới ty nạn sang đây tôi chẳng thiết đến điều gì cả. Tôi phải bận bịu với việc kiếm sống độ nhật và tâm trạng tôi lúc ấy quả có tiêu cực, chán lý tưởng, cả triết học lẫn chủ nghĩa. Hai nữa tôi muốn giấu mình đi khỏi chính trị. Tôi đã làm bồi bàn, nấu bếp

rồi tài xế taxi...”.

“Mấy năm sau xã hội Hồng Kông thay đổi bộ mặt lẫn tinh thần, biến thành một thứ hải cảng quốc tế, lấy thương mại làm trọng tâm phát triển. Tôi đánh bạo xin một chân dạy học. Người đồng hương của tôi vẫn đầy lòng nghi kỵ nhưng các viên chức giáo dục người Anh lại vui vẻ chấp thuận. Tôi nghĩ cũng vì họ cho rằng vốn học vấn của tôi ở bên nước họ là màu sắc tiến bộ của tư tưởng. Tuy nhiên phải nhiều khóa học sau đó liên tiếp theo dõi, họ thổ lộ rằng nội dung giảng dạy của tôi chẳng những tiến bộ không thôi mà còn mới lạ nữa”.

“Cho đến lúc này, đồng hương của tôi ở Hồng Kông mới bắt đầu đổi thái độ với tôi. Cùng lúc đó, Đài Loan chớm phát triển kinh tế nhưng hướng tiến sáng sủa của họ khiến tôi vững tâm mà kế hoạch “Đại Trại” trong lục địa rõ rệt thất bại. Tôi thực sự lấy lại niềm tự tin...”.

“Bạn có để ý đến Nasser và cái câu lạc bộ sĩ quan đã đưa ông ta lên nắm quyền tại Ai Cập không? Nasser là người của chính trị. Và tôi rõ rệt không là một chính trị gia, bạn ạ”.

*

* *

Theo lệ thường, 20 tháng 6 này thực sự vào hè. Mùng 4 tháng 6, phong trào tranh đấu cho dân chủ tự do tại Trung Cộng bùng lên dữ dội rồi đến nay lắng yên xuống ở bề mặt. Chiều sâu của nó đang bị công phá hơn bao giờ.

Hè này hẳn là nóng nực.

Phạm Quốc Bảo
14/06/1989

Đỗ Kh. thực hiện

Nói chuyện với Nguyễn Xuân Hoàng THẾ GIỚI CỦA TUỔI TRẺ KHÔNG CÓ BÓNG MA

Lời tòa soạn: *Truyện dài Sa Mạc* (Xuân Thu xuất bản, Cali 1989) là tác phẩm mới nhất của Nguyễn Xuân Hoàng sau cuốn tiểu thuyết bộ ba *Người Đi Trên Mây* của ông (Người Việt xuất bản, Cali 1987) in tại Hoa Kỳ. Từ tập truyện đầu tay *Mùi Sương* do nhà xuất bản Thời Mới của nhà văn Võ Phiến in ở Sài Gòn năm 1966 đến *Sa Mạc*, người đọc có thể nhận thấy một mẫu số chung trong các sáng tác của tác giả: đi tìm cách diễn tả mới trong một ngôn ngữ mới. Với truyện vừa *Khu Rừng Hực Lửa* (nhà xuất bản Đêm Trăng, Sài Gòn 1970) và tập tùy bút *Ý Nghi Trên Cỏ* (Nguyễn Đình Vượng xuất bản, Sài Gòn 1972) người đọc có thể nhận ra bút pháp của nhà văn "ấn tượng". Truyện ngắn *Một Người Ngồi Trong Ghế Bành* in trong bộ *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta* là một điển hình trong bút pháp của ông. Nhưng với *Sa Mạc*, tính chất biểu tượng ấy có phần được che dấu dưới dòng chữ hiện thực, dính dáng nhiều đến thời sự.

Đỗ Kh., tác giả *Cây Gậy Làm Mưa*, một trong những nhà văn được chú ý nhất hiện nay mới đây đã gặp gỡ Nguyễn Xuân Hoàng tại một nhà để xe của một nhà văn khác, và giữa hai người đã có cuộc nói chuyện được ghi lại dưới đây. Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Văn Học

ĐỖ KH.: Bắt đầu một cách dửng dưng, xin được hỏi: "Tại sao *Sa Mạc*?". Cầm quyển sách lên, đây có lẽ là câu hỏi đầu tiên. Đọc hết quyển sách, không thấy tác giả đề cập đến *Sa Mạc* ở chỗ nào cả. Người đọc còn

thác mắc. Đặt sách xuống, đây có lẽ vẫn là câu hỏi đầu tiên.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG: Theo nghĩa thông thường của từ ngữ này, Sa Mạc là một vùng đất đầy nắng và gió, nơi mà thảo mộc, muông thú cũng như con người khó sinh tồn. Ở đây, *Sa Mạc* trong ý nghĩ tôi qua cuốn sách này còn mang ý nghĩa của một điệu ngâm buồn của người Việt nam.

ĐK: *Một điệu ngâm buồn? Vậy trong Sa Mạc của ông không có niềm vui?*

NXH: Trong *Sa Mạc*, tôi có nói về niềm tin, nhưng niềm vui nơi tôi bao giờ cũng hiếm hoi.

ĐK: *Đây là tác phẩm đầu tiên của ông đề cập đến cuộc sống ở hải ngoại. Thế giới được miêu tả là cái thế giới của những người viết văn làm báo chung quanh nhân vật chính vào tuổi trung niên là Kha, một người vừa mới từ Việt nam, Bataan sang. Đối diện với Kha là Kim, một thiếu nữ còn trẻ, di tản đến Mỹ từ 75 ở cái tuổi còn quá nhỏ. Kim làm nghề người mẫu, liên hệ với Kha. Nhưng thế giới của Sa Mạc không phải là thế giới của cô. Kim có vẻ là người đứng ngoài, một loại cây kiểng, "plante grasse" chứ không phải là xương rồng. Vậy xin hỏi lại, tại sao "Sa Mạc"?*

NXH: Ông muốn nói Sa Mạc là Sa Mạc của Kha chứ không phải của Kim. Phải không?

ĐK: *Đúng vậy! Tôi nghĩ thế giới của Kim đứng bên ngoài cái thế giới Sa Mạc của Kha. Và như vậy có thể nói điệu ngâm buồn là điệu ngâm của ông Kha chứ đâu phải của cô Kim. Ông nghĩ sao?*

NXH: Tôi nghĩ Kha và những người bạn trung niên của anh ta sống trong cái thế giới Sa Mạc. Nhưng cô Kim, ai cấm cô ấy bịt tai không nghe thấy điệu ngâm buồn bã của ông Kha và những người bạn của ông ấy.

ĐK: *Kha và Kim là hai nhân vật hoàn toàn tương phản nhau đến từng chi tiết trong cuộc sống. Tôi có cảm tưởng là trong quan hệ giữa hai người, Kha và Kim đều mang một cái gương để soi nhau nhưng không bao giờ người này có thể nhìn thấy được người kia. Họ chỉ nhìn thấy chính khuôn mặt mình thôi.*

NXH: Kha và Kim cùng đi tìm kiếm lẫn nhau cái điều mà mỗi người cảm thấy mình thiếu thốn. Kha tìm cái hiện tại đầy sinh lực của tuổi trẻ Kim, nhưng anh ta chỉ thấy quá khứ buồn bã của mình. Còn Kim đi tìm cái nguồn gốc của mình nơi Kha, nhưng cô thất vọng vì chỉ thấy cái trì trệ của người đàn ông bị thời cuộc vùi dập nên rồi cuộc cô chỉ thấy cái hiện tại của cuộc sống tốc độ của mình. Đúng. Sa Mạc

không phải là một câu chuyện tình giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Đó là câu chuyện của hai con người đi ngược chiều nhau trên hai con đường rầy xe lửa. Họ đi ngang qua nhau, dừng lại nói với nhau một đôi câu chuyện, rồi đi tiếp. Có lúc họ ngoái cổ lại nhìn nhau, nhưng rõ ràng họ đâu có yêu nhau.

ĐK: *Như vậy Sa Mạc là sự gặp gỡ bất thành của hai cuộc đời?*

NXH: Sa Mạc là một tiếp xúc hụt hẫng của hai con người mà cuộc đời tình cờ xô giạt họ gần nhau. Trong Sa Mạc không có tình yêu. Nếu có, đó là một tình yêu thất bại.

ĐK: *Tôi nhận ra điều đó trong cuốn sách của ông. Nhưng tại sao ông để cho anh chàng Kha này thành người mất quân bình?*

NXH: Chẳng phải có một mình Kha đâu. Ông không thấy là cả những người bạn của Kha cũng vậy sao?

ĐK: *Cứ cho là như vậy đi, rồi mình sẽ trở lại chỗ này. Tôi muốn hỏi ông là tại sao nhân vật trong truyện của ông đều là những người đồng trang lứa và cùng làm một thử nghiệm có dính dáng đến bút mực là làm sao?*

NXH: Những người ở cùng lớp tuổi tôi là những người trưởng thành trong một thế hệ thiệt thòi. Chào đời trong những năm 40, 45 chẳng phải là chào đời trong lửa khói chiến tranh sao? Và hơn nữa nếu những người trong lớp tuổi này lại lao vào cái trò chơi chữ nghĩa mà không phải là những người nhạy cảm nhất với những thua thiệt, lạc lõng và bối ngỡ trong cuộc sống đầy biến động hay sao?

ĐK: *Nhưng những con người ấy đâu phải là mẫu tiêu biểu nhất?*

NXH: Trong một xã hội ổn định, có mẫu tiêu biểu: Từ Loan và Dũng của Nhất Linh, qua ông Bốn Thôi của Võ Phiến, cho đến Tư và Trí của Thanh Tâm Tuyền... là những mẫu người tiêu biểu cho một giai đoạn văn học. Nhưng thời kỳ này, tiêu biểu là ai? Cứ gì là người Việt nam. Ông Carter nói rằng thế kỷ này đào đâu ra cho được một mẫu người tiêu biểu cho nước Mỹ. Da đen ư? Da trắng hay da đỏ? Khu nào là khu của người thiểu số? Pacific Palissades tiêu biểu là một người Mỹ trắng trung lưu, nhưng còn ở Compton, Watts city lại là da đen. Bolsa (cười) chắc phải là một người da vàng, phải không?

ĐK: *Thôi cứ tạm cho là như vậy đi. Nhưng tôi muốn trở lại vấn đề bỏ lửng ở trên. Trong Sa Mạc ông có viết rằng "Càng ở bên này lâu thì càng mất quân bình" nhưng người mới sang là Kha rồi cuộc lại là người mất quân bình nhiều nhất. Việc "mất quân bình" này phải chăng chỉ áp dụng cho một số người nào đó chứ không phải với Ron là người cũng trung niên nhưng thích ứng được và Mỹ hóa đến cả cái tên, và Lương Nhuận*

Phát, giám đốc hãng phim đang thành công trong cuộc sống hay với những người như Kim, như người thanh niên trẻ mà Kha tình cờ gặp trong một công viên vào cuối truyện?

NXH: Ông không thấy cái hình ảnh một công viên vắng tanh xanh xám của một buổi sáng mùa đông ở góc đường Euclid, hai người Việt nam một trẻ, một trung niên đi về hai hướng khác nhau nói lên điều gì sao?

ĐK: *Tôi có thấy. Hình ảnh ấy mà đưa vào phim ảnh thì tuyệt đẹp. Nhưng hai hướng đi ấy tôi đâu thấy hướng nào có lối thoát.*

NXH: Kết thúc cuốn Sa Mạc là hình ảnh của một trại tị nạn ở Nam dương, ở Mã lai, ở Thái lan hay ở Phi luật Tân, Hồng kông. Ở đâu đối với Kha cũng sẽ những cái phao cần cho anh ta, một con người đi tìm sự quân bình. Là một người sống ở quê hương không nổi phải bỏ nước mà đi, nhưng đến được bến bờ tự do cũng đâu có phải là xong là hết. Có quá nhiều điều trong xã hội mới mà Kha chưa biết chưa hiểu. Sợi dây quá khứ còn cột chặt chân anh, còn sợi chỉ tương lai như là làn khói. Tôi muốn vẽ Kha như là một con người không chốn nương thân, một kẻ đi hoài không bao giờ đến. Cái phao sau cùng của Kha để anh ta nhận ra được chính anh ấy là trại tị nạn. Mặc dù anh ta biết rằng Palawan hay Songkhla, Galang hay Dongrek, Pulau Bidong hay Bataan rồi cuộc cũng chỉ là cơi tạm mà thôi. Ở đâu đối với con người này mà chẳng là “giữa đường” như tên cái thành phố nơi anh ta cư ngụ. Nói gì xa, Bolsa cũng chỉ là một cái “không bao giờ đến” của những người như Kha.

ĐK: *Bolsa cũng là một thứ Bataan?*

NXH: Đối với Kha đâu chẳng là Bataan mà Bataan cũng chẳng là đâu.

ĐK: *Sa Mạc là một truyện tràn ngập chất liệu sống, với những nhân vật có thật hay gần như có thật, những khung cảnh có thật, những thời sự có thật, có thể kiểm chứng được: động đất, cướp của giết người, ra mắt sách, nhậu nhẹt, biểu diễn thời trang, bài bạc... Nhưng người đọc khó tính vốn quen với cấu trúc của tiểu thuyết cổ điển sẽ nói Sa Mạc thiếu sự dẫn dắt từ một Kha tỉnh thức đến một Kha khật khùng. Nếu Sa Mạc là một truyện tình thì một cách nào đó Kha thành công vì anh ấy được có Kim xinh đẹp thông minh. Nhưng nếu nó là một truyện tình trinh thám thì người đọc dù có cần ống võ mồi cũng không tìm ra được tên thủ phạm nào đã làm Kha mất trí!*

NXH: Ông biết Sa Mạc không phải là một truyện tình, dù là tình

si hay tình cuồng. Sa Mạc càng không phải là truyện trinh thám gián điệp dù là của Z28 hay Agatha Christie...

ĐK: *Vậy Sa Mạc nó là cái gì?*

NXH: Sa Mạc là truyện của một lớp người lưu vong, trong một thời điểm nào đó trong một nơi chốn nào đó của lịch sử tỵ nạn. Có bao nhiêu người như Kha trong quận Cam này, trong Cali hay trên nước Mỹ này? Tôi không biết. Có lần đi ăn phở 79, ở góc đường Hazard và Brookhurst tôi có nhìn thấy một người đàn ông Việt Nam tóc tai râu ria dài thậm thượt, mặc áo choàng nỉ đen đứng yên lặng ở cửa ra vào. Tôi không thấy ông ta làm một cử chỉ gì như một người ăn xin. Ông ta đứng như một bức tượng ngó vào một chỗ nào đó trong tiệm. Rồi một lúc giật mình ngó lên tôi không thấy ông ta đâu cả. Có khi nào ông Kha sẽ trở thành một người giống như người đàn ông kia không?

ĐK: *Người ta nói ông cho nhân vật Kha nhiều điều may mắn quá, còn các nhân vật quanh Kha sao mà ngớ ngẩn. Kha được Kim yêu sao các nhân vật bạn Kha thì không?*

NXH: Ông đọc và ông nghĩ là Kim yêu Kha sao? Kha là một người đi lạc và Kim không phải là một con đường.

ĐK: *Nhưng người đọc thấy rõ một điều là ông đã để cho Kha mất trí. Tại sao?*

NXH: Chứng đó sự việc dội lên đầu một con người chưa đủ làm cho ông ta mất quân bình sao? Chính sự nhạy cảm quá đáng làm Bùi Giáng khác chúng ta, cứ cho là như vậy đi. Tại sao sự nhạy cảm không làm Kha mất quân bình?

ĐK: *Nhưng từ quán nước này đến tiệm ăn nọ, ông muốn nói gì?*

NXH: Từ Norm's đến Seven Eleven, từ công viên Mile Square đến đồi Cam, nếu nhìn từng chốn, từ lễ ra mắt sách ở quán cà phê đến buổi họp nhậu nhẹt ở nhà xe, nếu nhìn từng việc một thì tất cả chỉ là những hạt cát thôi. Lùi ra một bước, nhìn xa thì bấy nhiêu hạt cát cộng lại thành sa mạc. Có bao giờ ông nhìn những bức tranh bằng kính trong nhà thờ không? Tách rời từng mảnh, từng mảnh nó có cái đẹp của nó. Nhưng nếu nhìn toàn thể, nó là một bức tranh chớ. Phải không? Ấn tượng màu sắc và không khí của toàn cuốn truyện không đóng góp gì hay sao?

ĐK: *Tôi có nhớ một giai thoại lúc nhà văn William Faulkner soạn lại truyện trinh thám The Big Sleep của Raymond Chandler để làm phim...*

NXH: Humphrey Borgart thủ vai Philippe Marlowe phải không?

ĐK: Phải. Đúng vậy. Nửa chừng nhà sản xuất mới khám phá ra không biết ai là thủ phạm của vụ án, đành phải gọi điện thoại hỏi tác giả. Lúc đó Chandler đang ở bên Anh. Trả lời câu hỏi "Ai là thủ phạm?", Chandler đáp gọn lộn: "Tôi cũng không biết". Ở đây cũng vậy, nếu có lấy kính lúp ra mà soi cũng chắc không sao tìm ra được dấu tay của người đã làm Kha mất trí.

NXH: Có vẻ ông vẫn không bằng lòng cái việc cho cái nhà ông Kha này mất quân bình phải không? Ông muốn tìm cái logic của chữ nghĩa hay cái logic của sự việc?

ĐK: Dù sao tôi cũng chỉ thấy có nạn nhân thôi. Thủ phạm? Ở để đó rồi sẽ tính. Tôi cảm thấy Kha có thật, các bạn Kha có thật và Sa Mạc phản ánh rất nhiều những vấn đề thời sự. Đáng nhẽ thì có những việc không cần nhắc đến nhưng tôi xin phép được thời sự hóa tiếp, xóa hẳn cái lần ranh ẩn hiện giữa tiểu thuyết và thực tế trong Sa Mạc để đề cập đến một vài vấn đề liên quan đến cá nhân tác giả. Mới đây, ở Bolsa thực hư và lơ lửng này có một số chuyện nhằm gán ghép ông vào những sự việc có tác động cách chính trị. Đây có lẽ là một thiếu sót trong Sa Mạc cần phải cập nhật hóa. Bolsa có cướp giấu mặt nhưng Sa Mạc không thấy nói đến chụp mũ giấu tên?

NXH: Tuổi trẻ ở hải ngoại có nhiều ưu điểm. Họ nói thẳng, nói thật và nói bạo. Chính cách đặt câu hỏi của ông, cách dùng từ của ông phản ánh điều suy nghĩ của tôi. Ông dùng chữ *giấu tên* và *giấu mặt*. Nếu chỉ là thế thì cũng còn dễ hiểu. Nhưng nếu không chỉ là thế, và nếu quả thật là không ai chúng ta còn nhận ra nhau, nghĩ đúng về nhau, thì đối với tôi sự thật ấy còn đáng sợ hơn, khủng khiếp hơn, đau đớn hơn ngàn vạn lần giấu tên hay giấu mặt. Người cầm bút theo tôi không có gì bí ẩn cả. Tác phẩm của họ, những điều họ viết, chính là con người họ. Muốn hiểu, dễ thôi. Còn không muốn hiểu thì còn điều gì để nói, nếu không là cãi nhau. Trong Sa Mạc, Kha thất bại khi muốn tựa vào tuổi trẻ của Kim để đi những bước vững chắc trên vùng đất mới. Ở ngoài đời tôi rất vui mừng được nghe câu hỏi của ông.

ĐK: Nghĩa là...

NXH: Nghĩa là cái nhìn của tuổi trẻ trong sạch, nhận thức của tuổi trẻ tinh tế và tích cực. Thế giới của tuổi trẻ không có bóng ma, cũng không có tội ác. Chính họ sẽ thúc đẩy thời đại của họ tiến lên, lôi cuốn theo mọi người.

Đỗ Kh.

PHUONG 'S
GENERAL MERCHANDISE
TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.
LAYAWAY-U.P.S.

9681 Bolsa Ave. # 11 & 12
Westminster, CA. 92683

(714) 839. 1066

(Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)

Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
** Cần đại lý ở các tiểu bang Kính mời*

TAM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carbulator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Journal of Vietnamese Studies

* Quý vị Giáo sư, Sinh viên, Nhân viên xã hội, Chuyên viên thư viện, nhân viên cộng đồng, xin đặt mua ngay:

Journal of Vietnamese Studies (Tập chí Việt Học)

* Nội dung trong mỗi tập chí Việt Học (hoàn toàn bằng Anh ngữ):

* *Văn hóa*, * *Ngôn ngữ*

* *Văn học nghệ thuật* * *Giáo dục*

* *Y Tế* * *Những vấn đề của người tị nạn Việt Nam...*

* Giá mỗi năm báo (1 số): US\$15.00
(gồm cả tiền gửi)

1988 issue: \$15.00

1989 issue: \$15.00

1990 issue: \$15.00

* Có thể trả bằng money order, bank draft, hoặc personal cheque. Xin trả cho AAVS và gửi đến địa chỉ:

Journal of Vietnamese Studies

G.P.O. Box 2918DD

Melbourne 3001, Australia

* Món quà rất quý cho những người bạn nói tiếng Anh của chúng ta để giúp họ hiểu thêm về văn hóa và đời sống của cộng đồng tị nạn Việt Nam.

**CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC**

7227 RESEDA BLVD., RESEDA, CA 91335

Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.

Bác sĩ Điều trị OLIVE View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)

B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.

Bác sĩ Điều trị OLIVE View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Sản sóc Toàn
diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM

Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BẢO ĐỘ XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ**

Nếu bạn đã mỏi mệt căng thẳng trong lao động
Nếu bạn đã quá ngán những cuốn sách khô khan,
Hãy tìm đọc tuyển tập truyện tình:

NGOÀI ĐÊM

của **THẾ UYÊN**

Những truyện tình lãng mạn nhất,
nhưng cũng đam mê bốc lửa gay cấn nhất
của văn học hiện đại.

XUÂN THU xuất bản, \$7.00

**THÔNG BÁO CỦA
UCI LIBRARY
VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE**

Sau một thời gian chuẩn bị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này. Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo.

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hàng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm.

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

Anna Frank

UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive

The University Library

PO Box 19557

Irvine, California, 92713

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301

Westminster, CA 92683 - USA

Phone (714) 832 - 8445

Ngân, chỉ phiếu xin đề Văn Nghệ

□ **SÁCH IN NĂM 1989:**

- | | |
|--|------|
| - TỐI THÁNG NĂM
TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH
<i>Tập truyện Nguyễn Ý Thuần</i> | 10MK |
| - CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA
<i>Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch</i> | 14MK |
| - ĐƯỜNG MỘT CHIỀU
<i>Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác</i> | 7MK |
| - Ý CAO TÌNH ĐẸP
<i>Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch</i> | 8MK |
| - TRUYỆN NGẮN II
<i>Võ Phiến</i> | 14MK |
| - YOGA CĂN BẢN
<i>Võ Đình Mai</i> | 8MK |

□ **SÁCH TỔNG PHÁT HÀNH:**

- | | |
|---|------|
| - CÂY GẬY LÀM MƯA
<i>Tập truyện đầu tay Đỗ Khiêm</i> | 12MK |
| - LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ
<i>Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch</i> | 13MK |
| - CHÂN DUNG "BÁC" HỒ
<i>Kiều Phong</i> | 10MK |
| - MƯA
<i>8 tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch</i> | 11MK |

*Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản*

**REX
INSURANCE AGENCY
VĂN PHÒNG BẢO HIỂM
CHUYÊN NGHIỆP
TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.**

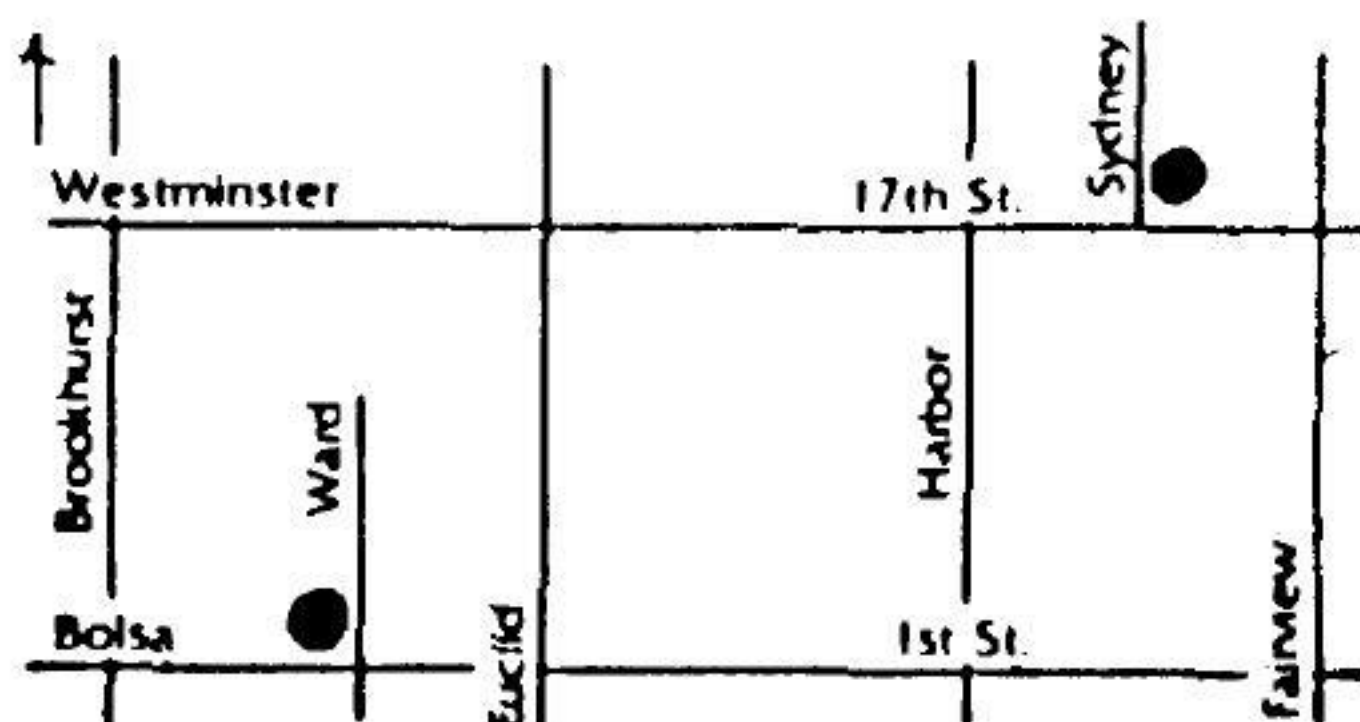
SANTA ANA OFFICE
2709 S. 17th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quý vị mới có bằng lái, quý vị có quá trình lái xe không tốt, các em sinh viên học sinh.

**NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ,
BONDS, THƯƠNG MẠI**



Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quý vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc

Địa chỉ :

Zip Code

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hàng tư)

Sáu tháng..... 15 MK

Một năm..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hàng nhất)

Sáu tháng..... 21 MK

Một năm..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy..... 21 MK

Một năm, gửi tàu thủy..... 42 Mk

Sáu tháng, gửi máy bay..... 33 Mk

Một năm, gửi máy bay..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy..... 21 Mk

Một năm gửi tàu thủy..... 42 MK

Sáu tháng, gửi máy bay..... 40 MK

Một năm, gửi máy bay..... 80 MK

Đính kèm số tiền :

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên

Địa chỉ

Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học

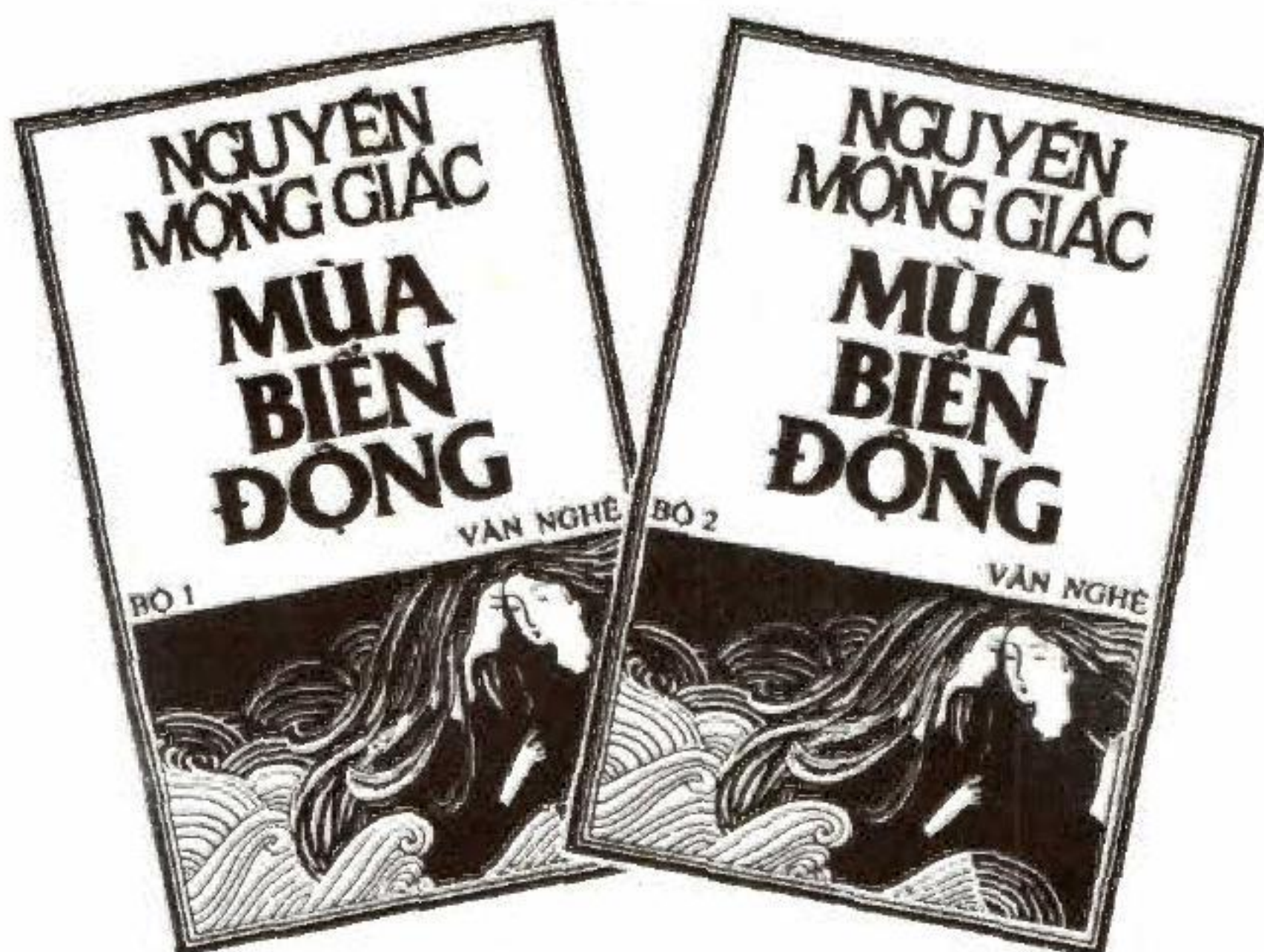
* Một năm báo Văn Học.....

Để tặng cho:

Địa chỉ

Đính kèm ngân chi phiếu : Mỹ kim

TÌM MUA:



MÙA BIỂN ĐỘNG TOÀN BỘ

1860 TRANG TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT ĐÓNG THÀNH HAI BỘ, CHỈ IN 100 BỘ DÀNH CHO CÁC BAN CHƠI SÁCH.

BÌA CỦA NGUYỄN ĐỒNG & NGUYỄN THỊ HỢP

GIÁ MỖI BỘ CHỈ BẰNG TỔNG CỘNG GIÁ CÁC CUỐN LẺ

BỘ I MÙA BIỂN ĐỘNG

Gồm các cuốn Những Đợt Sóng Ngầm, Bão Nổi, Mùa Biển Động, dày 760 trang. Giá tại Bắc Mỹ 30 Mỹ kim. Các nước khác thêm 4 Mỹ kim bưu phí.

BỘ II MÙA BIỂN ĐỘNG

Gồm các cuốn Bèo Giạt và Tha Hương, dày 1100 trang. Giá tại Bắc Mỹ 36 Mỹ kim. Các nước khác thêm 4 Mỹ kim bưu phí.

SÁCH CHỈ BÁN THẲNG QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN

Trong nội địa Hoa kỳ xin gửi thư và chỉ phiếu mua sách cho:

NGUYỄN MỘNG GIÁC

15551 S. Pasadena Ave # A Tustin, CA 92680

Các nước khác xin gửi bằng Internatinal money order

* Vì số trang tăng nhiều nên giá cuốn Tha Hương nay định là 21 Mỹ kim thay vì 19 Mỹ kim như đã loan trên Văn Học số 41 tháng trước

ĐÃ PHÁT HÀNH



Tập cuối bộ trường thiên
tiểu thuyết quan trọng
của văn chương hải ngoại,
về lại cả một giai đoạn
lịch sử đất nước trong
gần hai mươi năm

CỦA

NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÁCH DÀY 680 TRANG
KẾT THÚC BỘ TRƯỜNG THIÊN
DÀI 1860 TRANG

VĂN NGHỆ XUẤT BẢN

GIÁ TẠI BẮC MỸ 21 MK
CÁC NƯỚC KHÁC 23 MK

Giá 3 Mỹ kim